



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BẾN THÀNH (BTT)**

2-4 Lưu Văn Lang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0301164065

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**

**Tháng 4/2018**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

### **NĂM 2017**

#### **I. THÔNG TIN CHUNG**

##### **1. Thông tin khái quát:**

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Tên tiếng anh : **BEN THANH TRADING & SERVICE JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt : **BEN THANH TSC**

Logo :



**Ben Thanh  
TSC**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301164065

Vốn điều lệ : 135.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng)

Địa chỉ : 2-4 Lưu Văn Lang, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-28) 38 223 390 Fax: (84-28) 38 291 389

Email : [benthanh@benthanhtsc.com.vn](mailto:benthanh@benthanhtsc.com.vn)

Website : [www.benthanhtsc.com.vn](http://www.benthanhtsc.com.vn)

Mã cổ phiếu : BTT

### Những sự kiện quan trọng:

#### **a) Quá trình hình thành và phát triển:**

- Công ty cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành được thành lập ngày 21 tháng 04 năm 2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002274, tiền thân là Công ty Thương mại Tổng hợp Bến Thành, một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Bến Thành.
- Năm 1992, Công ty Thương mại Tổng hợp Bến Thành được thành lập theo quyết định số 22/QĐ-UB ngày 29/09/1992 trên cơ sở sáp nhập 3 đơn vị thương nghiệp quốc doanh: Công ty Thương nghiệp tổng hợp Quận 1, Công ty Thương nghiệp Tổng hợp chợ Bến Thành, Công ty Thương nghiệp Tổng hợp chợ Dân Sinh.
- Năm 1997, Công ty Thương mại Tổng hợp Bến Thành trở thành đơn vị thành viên của Tổng Công ty Bến Thành theo quyết định số 7448/QĐ-UB-KT ngày 26/12/1997 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 16 tháng 12 năm 2003, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 5435/QĐ-UB chuyển Công ty Thương mại Tổng hợp Bến Thành thành Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành hạch toán kinh tế độc lập.
- Ngày 21 tháng 4 năm 2004, Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103002274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 21/4/2004.
- Các lĩnh vực hoạt động của Công ty cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành là: Dịch vụ thương mại, Dịch vụ bất động sản, Đầu tư tài chính; trong đó dịch vụ bán lẻ tại chợ Bến Thành – chợ Dân Sinh, nhập khẩu tổng hợp các ngành hàng, xây dựng và khai thác trung tâm thương mại - văn phòng cho thuê là những lĩnh vực mũi nhọn của Công ty.
- Năm 2007, Công ty cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành đủ điều kiện trở thành công ty đại chúng và chính thức đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào tháng 06 năm 2007.
- Ngày 14/4/2010 Doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu lần đầu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **b) Quá trình tăng vốn điều lệ tính từ khi cổ phần hóa:**

Thời gian	Vốn điều lệ	Giá trị tăng thêm	Phương thức tăng vốn điều lệ
Mới thành lập (Ngày 21/04/2004)	25 tỷ đồng		

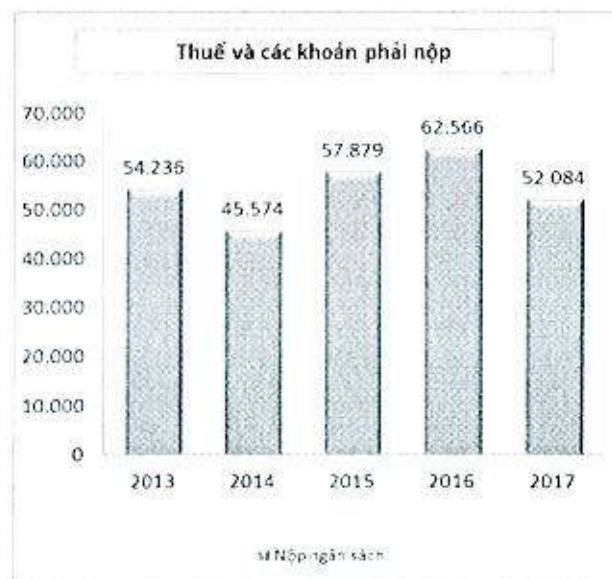
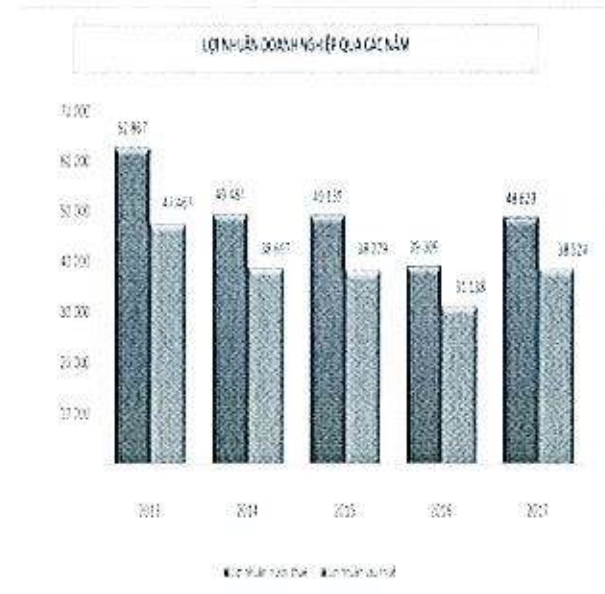
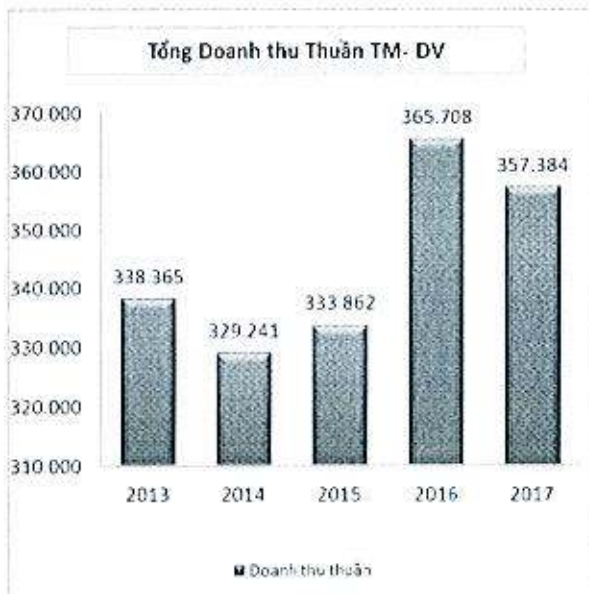
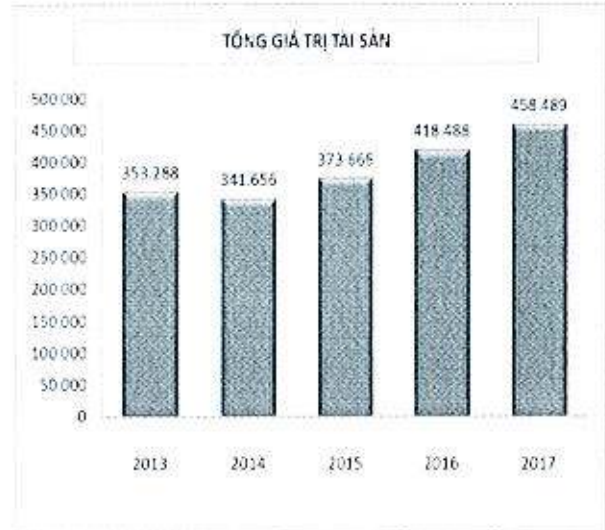
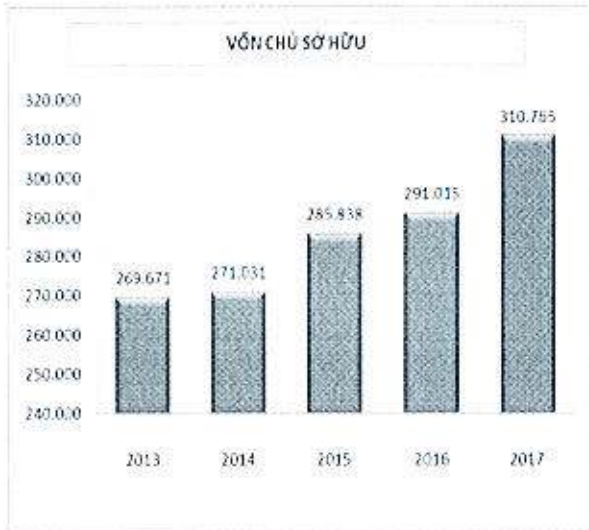
<b>Thời gian</b>	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>Giá trị tăng thêm</b>	<b>Phương thức tăng vốn điều lệ</b>
<b>Lần 1</b> Tháng 12/2005 (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-2005 ngày 12/04/2005)	30 tỷ đồng	5 tỷ đồng	Phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu.
<b>Lần 2 (*)</b> Tháng 12/2006 (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-2005 ngày 12/04/2005)	35 tỷ đồng	5 tỷ đồng	Phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu.
<b>Lần 3</b> Tháng 05/2007 (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-2007 ngày 09/04/2007)	49 tỷ đồng	14 tỷ đồng	Phát hành cho cổ đông hiện hữu thông qua hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu.
<b>Lần 4</b> Từ 05/2007 - 12/2007 (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-2007 ngày 09/04/2007)	88 tỷ đồng	39 tỷ đồng	Chào bán cho các đối tượng sau: - Phát hành cho cổ đông hiện hữu: tổng giá trị phát hành là 17,15 tỷ đồng. - Phát hành cho cán bộ chủ chốt của Công ty. Tổng giá trị phát hành là 2,45 tỷ đồng. - Phát hành cho cổ đông chiến lược (Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cotecin, và Công ty CP Chứng khoán Phương Đông): Tổng giá trị phát hành là 4 tỷ đồng. - Phát hành thông qua đấu giá cạnh tranh cho các nhà đầu tư chuyên nghiệp: Tổng giá trị phát hành là 15,4 tỷ đồng.
<b>Lần 5</b> Tháng 10/2012 (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-2012 ngày 29/03/2012)	106 tỷ đồng	18 tỷ đồng	Phát hành cho cổ đông hiện hữu thông qua hình thức chia thặng dư bằng cổ phiếu.
<b>Lần 6</b> Tháng 9/2017 (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-2017 ngày 11/04/2017)	128,8 tỷ đồng	22,8 tỷ đồng	Phát hành cho cổ đông hiện hữu thông qua hình thức chia thặng dư bằng cổ phiếu.
<b>Lần 7</b> Tháng 12/2017 (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-2017 ngày 11/04/2017)	135 tỷ đồng	6,2 tỷ đồng	Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP

**c) Thành tích đạt được:**

- Là đơn vị chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước, Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành đã luôn phát huy được thế mạnh về kinh nghiệm cũng như những lợi thế sẵn có trong quá trình hoạt động kinh doanh, phát huy tinh thần đoàn kết và lao động sáng tạo của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty.
- Ghi nhận những thành quả mà doanh nghiệp đã đạt được trong nhiều năm liền, Chủ tịch Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhì (năm 2005); Hạng Nhất (năm 2010) cho tập thể CBNV của Công ty.
- Ngoài ra, đơn vị cũng nhận được rất nhiều Bằng khen, Cờ Thi đua của UBND Thành phố Hồ Chí Minh khen tặng về thành tích xuất sắc trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc.
- Năm 2013, đơn vị được chứng nhận là 1 trong 29 doanh nghiệp niêm yết có hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư (IR) tốt nhất (theo khảo sát của Vietstock.vn).
- Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của Doanh nghiệp đạt được 5 năm gần đây: về chỉ tiêu doanh thu luôn đạt tỷ lệ tăng qua các năm; về chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế sau khi loại trừ các yếu tố bất thường thì luôn đạt tăng trưởng qua các năm, cụ thể:

*Đvt: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017
1	Doanh thu thuần	338.365	329.241	333.862	365.708	357.384
2	Lợi nhuận trước thuế	62.867	49.484	49.139	39.009	48.623
3	Vốn điều lệ	106.000	106.000	106.000	106.000	135.000
4	Tỷ suất LNTT/VĐL (%)	59,31	46,68	46,36	36,80	36,02
5	Nộp Ngân sách	54.236	45.574	57.879	62.566	52.084



## MỘT SỐ THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU CỦA DOANH NGHIỆP

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG		Đối tượng được khen thưởng
<b>A</b>	<b>HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG</b>	
-	Hạng Nhất	Tập thể CBNV (năm 2010)
-	Hạng Nhì	Tập thể CBNV (năm 2005)
-	4 Hạng Ba	Cá nhân
<b>B</b>	<b>BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ</b>	
-	2 Bằng Khen	Tập thể CBNV (năm 2002) Tập thể CBNV (năm 2007)
-	13 Bằng Khen	Cá nhân CBNV
<b>C</b>	<b>KHEN THƯỞNG CỦA THÀNH ỦY VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</b>	
-	24 Bằng Khen và Cờ Thi đua	Tập thể CBNV
-	25 Bằng Khen	Tập thể đơn vị trực thuộc
-	155 Bằng Khen	Cá nhân CBNV

### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chủ yếu:

#### a) Ngành nghề kinh doanh:

- **Kinh doanh thương mại:** Vải sợi, hàng may mặc, hàng lưu niệm; Hàng điện lạnh - điện gia dụng; thiết bị nâng, dụng cụ phụ tùng...
- **Kinh doanh dịch vụ:** cho thuê văn phòng, mặt bằng bán lẻ, khách sạn...
- **Đầu tư tài chính:** Đầu tư tài chính vào các ngành có liên quan đến hoạt động của Công ty; Hợp tác đầu tư trong các lĩnh vực du lịch, khách sạn, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng cho thuê, cơ sở giáo dục...

#### b) Địa bàn kinh doanh:

- **Trung tâm Bến Thành Đông, Trung tâm Bến Thành Tây:**
  - Chợ Bến Thành là một địa điểm mang nét văn hóa chợ đặc trưng của thành phố lớn phía Nam, là điểm đến không thể thiếu trong các chuyến tham quan du

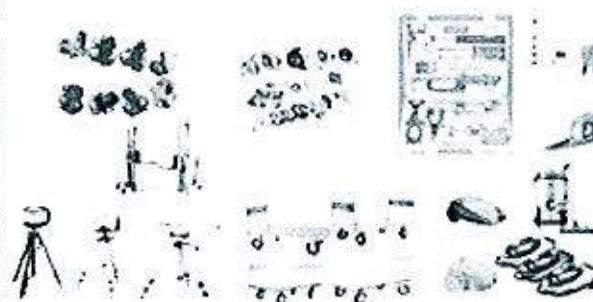
lịch, thu hút rất nhiều du khách từ khắp nơi trên thế giới đến tham quan mua sắm. Đây là một lợi thế rất lớn và riêng có của Bến Thành TSC.

- Trung tâm Bến Thành Đông có các gian hàng tập trung tại khu vực hành lang từ cửa Đông sang cửa Nam chợ Bến Thành. Trung tâm Bến Thành Tây tọa lạc tại khu vực hành lang, trải dài từ cửa Tây sang cửa Nam Chợ Bến Thành.
- Trung tâm Bến Thành Đông và Trung tâm Bến Thành Tây kinh doanh nhiều chủng loại sản phẩm, phần nào đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, và đặc biệt là du khách đến mua sắm tại chợ Bến Thành.



- Các nhóm hàng kinh doanh chính của Công ty tại Trung tâm Bến Thành Đông và Trung tâm Bến Thành Tây là: Vải, Quần áo may sẵn - Hàng lưu niệm, Quà tặng - Hàng sơn mài, thủ công mỹ nghệ - Va ly, túi xách, ví da...

- Trung tâm Dân Sinh:



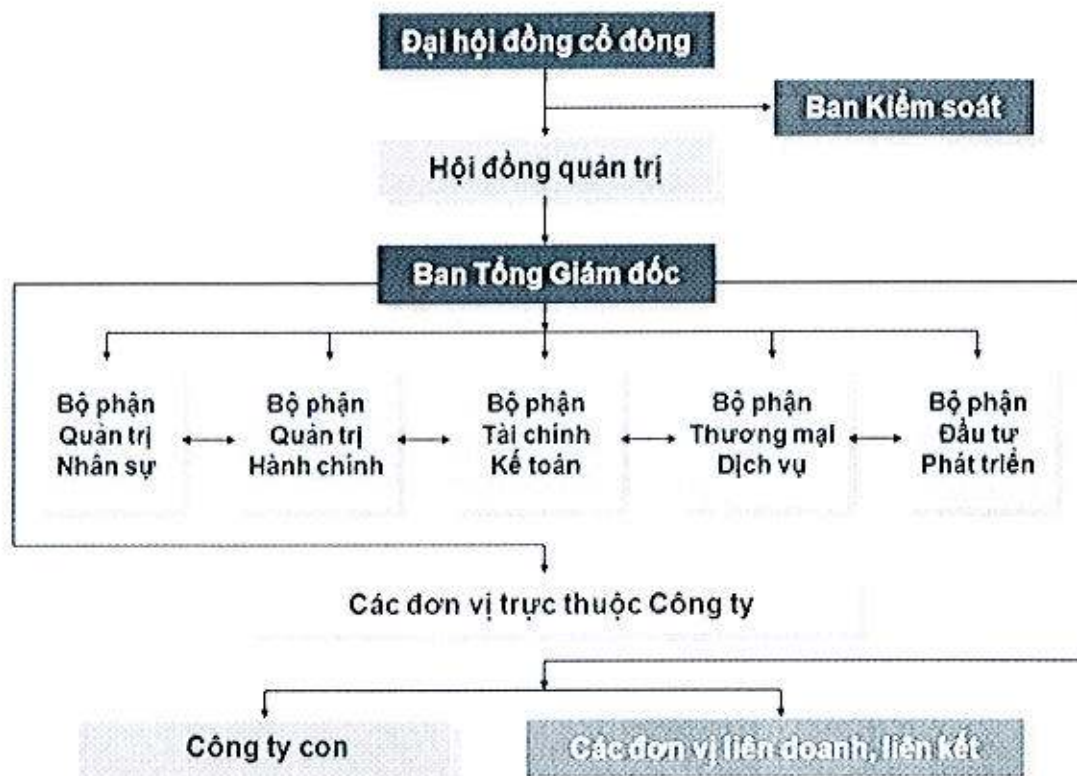
Một số ngành hàng kinh doanh tiêu biểu

- Chợ Dân Sinh là khu chợ nổi tiếng từ lâu đời ở Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động kinh doanh diễn ra thường xuyên và tập nập. Chợ Dân Sinh chuyên kinh doanh các loại sản phẩm phục vụ sản xuất, công nghiệp, hàng điện tử, gia dụng...
- Khách hàng của Trung tâm Dân Sinh chủ yếu là các doanh nghiệp, xí nghiệp, cơ sở sản xuất, công nhân, thợ... Trung tâm Dân Sinh chuyên kinh doanh sỉ và lẻ các ngành, nhóm hàng như sau: thiết bị công nghiệp và gia dụng, phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng; thiết bị điện gia dụng; thiết bị bảo hành bảo trì ô tô - mô tô; thiết bị điện; công cụ cầm tay bằng điện; máy bơm nước; xe nâng, xe đẩy, thiết bị nâng chuyên; và thiết bị công nghiệp khác.



### 3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

#### a) Mô hình quản trị:



#### b) Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Hội đồng quản trị : 05 người
- Ban kiểm soát : 03 người
- Ban Tổng Giám đốc (bao gồm 01 là TV HĐQT) : 04 người
- Các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ : 38 người
  - Quản trị nhân sự : 04 người
  - Quản trị hành chính : 13 người
  - Tài chính - kế toán : 08 người
  - Thương mại - dịch vụ : 07 người
  - Đầu tư phát triển (bao gồm 01 là TV BKS) : 06 người
- Các đơn vị trực thuộc : 196 người

#### c) Công ty con, Công ty liên kết, Công ty có vốn góp lớn:

##### - Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny:

154 Võ Văn Kiệt, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

Là công ty con với vốn đầu tư là 14.400.000.000 đồng (mệnh giá đầu tư là 10.000.000.000 đồng, sở hữu 100%). Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny đang khai thác dự án khách sạn cho thuê 208-210 Lê Thánh Tôn.

- **Công ty CP Đầu tư Thịnh Vượng:**

*09 Lê Lợi, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu.*

Cùng hợp tác đầu tư với các đối tác khai thác kinh doanh Trung tâm thương mại vui chơi giải trí Lam Sơn Square với tổng diện tích sàn xây dựng hơn 16.000m<sup>2</sup>; Vốn điều lệ 132 tỷ đồng, tỷ lệ vốn góp của Công ty 46,21%.

- **Công ty CP Du lịch Bến Thành Non Nước:**

*21 Trường Sa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng.*

Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ khách sạn - Nhà hàng - Khu nghỉ dưỡng - Hội nghị - Tiệc cưới. Vốn điều lệ 145 tỷ đồng, tỷ lệ vốn góp của Công ty 17,28%.

- **Công ty CP Bến Thành - Mũi Né:**

*Khu phố 14, Phường Mũi Né, Thành phố Phan Thiết.*

Hoạt động chính là dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng. Vốn điều lệ 140,5 tỷ đồng, tỷ lệ vốn góp của Công ty 9,34%.

**4. Định hướng phát triển từ năm 2015 đến 2020:**

**a) Mục tiêu tổng quát của Công ty:**

- Tầm nhìn: Xây dựng Công ty trở thành doanh nghiệp phát triển bền vững với thương hiệu mạnh trên lĩnh vực thương mại và dịch vụ.
- Sứ mạng:
  - Tối đa hóa lợi nhuận tạo ra giá trị cho các nhà đầu tư;
  - Cung cấp cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất;
  - Nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động.
- Các mục tiêu ngắn hạn:
  - Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông giao.
  - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ: Tối thiểu 25%.
  - Tỷ lệ cổ tức hàng năm đảm bảo: 15%.

**b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Mục tiêu chiến lược hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2015 -2020 là đầu tư mở rộng, phát triển mạng lưới dựa trên cơ sở phát huy thế mạnh về lợi thế vị trí và năng lực tài chính của Công ty. Trong những năm tới bên cạnh việc duy trì và tiếp tục phát triển loại hình kinh doanh thương mại, Công ty sẽ tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển các loại hình dịch vụ mới như hệ thống chuỗi khách sạn, căn hộ cho thuê đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Cụ thể như sau:

***Dịch vụ thương mại:***

- *Đối với hoạt động kinh doanh bán lẻ:*

- Xác định lĩnh vực hoạt động bán lẻ là loại hình kinh doanh chủ lực tại các Chợ truyền thống của Công ty, tiếp tục phát huy những lợi thế và giữ vững được mức độ tăng trưởng trong những năm tới.
- Phấn đấu đến năm 2020, các Trung tâm Bến Thành Đông, Bến Thành Tây và Trung Tâm Dân Sinh đạt thương hiệu mạnh về tổ chức hoạt động kinh doanh trên các Chợ truyền thống của thành phố theo hướng văn minh, hiện đại, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.
- Phát triển thêm từ 2-3 điểm kinh doanh mới.

- *Đối với hoạt động kinh doanh bán buôn:*

- Xây dựng định hướng phát triển bền vững và có chọn lọc; xem xét, lựa chọn ngành hàng kinh doanh có tiềm năng, hiệu quả đáp ứng cho nhu cầu sản xuất - tiêu dùng và các trung tâm bán lẻ của Công ty.
- Phát triển sản phẩm mới, đa dạng nguồn hàng, chủng loại hàng hóa nhằm cung ứng hàng hóa cho hoạt động bán lẻ của Công ty, các siêu thị, khách hàng truyền thống của Công ty và quan trọng nhất là cung cấp nguyên liệu phục vụ cho các đơn vị sản xuất, nhằm tạo sự phát triển bền vững cho Công ty.
- Ngành hàng kinh doanh chủ yếu là: điện gia dụng, điện lạnh, máy điều hòa không khí, dụng cụ cầm tay, xe nâng, máy tháo lốp...

*Dịch vụ bất động sản:*

- Được xem là lĩnh vực kinh doanh chiến lược của Công ty kể từ năm 2006, tạo được lợi thế cạnh tranh và giúp cho Công ty giữ vững được tốc độ phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.
- Phấn đấu đến 2020 toàn Công ty sẽ có ít nhất 12 cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại, khách sạn và tổng số phòng của chuỗi căn hộ và khách sạn cho thuê đạt tối thiểu 275 phòng. Từng bước khẳng định là doanh nghiệp có thương hiệu mạnh về cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao.
- Phát huy lợi thế so sánh về vị trí trung tâm thành phố và tiềm năng phát triển các loại hình dịch vụ, Công ty sẽ tập trung đầu tư cơ sở vật chất, chuyển đổi công năng, mục đích sử dụng của các tòa nhà để khai thác các loại hình dịch vụ bất động sản:
  - Văn phòng và trung tâm thương mại cho thuê.
  - Khách sạn, căn hộ cho thuê.

*c) Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:*

- Tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường, sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường trong hoạt động kinh doanh cũng như trong đầu tư xây dựng.
- Về thương mại: tạo được uy tín, thương hiệu đối với khách hàng trong nước cũng như ngoài nước, tạo được hình ảnh thân thiện, yên tâm khi mua sắm tại các điểm bán hàng của Công ty; Về dịch vụ: tăng hiệu quả sử dụng đất, cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp, tạo cơ sở hạ tầng tốt góp phần làm tăng thu hút đầu tư phát triển đất nước.

- Duy trì tốc độ tăng trưởng, đóng góp ngân sách Nhà nước ngày càng tăng, quan tâm công tác xã hội, tích cực hỗ trợ các địa phương, Thành phố tổ chức hoạt động chăm lo đối tượng chính sách, nghèo, bị thiên tai...

## **5. Các rủi ro:**

- Mục tiêu của hoạt động Quản lý rủi ro (QLRR) tại doanh nghiệp nhằm phòng ngừa, giảm thiểu những rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra để góp phần duy trì hoạt động kinh doanh theo phương châm ổn định, an toàn, hiệu quả; góp phần bảo vệ tài sản của doanh nghiệp.
- Hoạt động QLRR được thực hiện thống nhất từ Ban Lãnh đạo đến từng bộ phận chức năng theo một nguyên tắc chung nhằm chủ động phát hiện, đánh giá và kiểm soát tác động của các loại rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

### **❖ Quản lý tài sản - vốn**

- Mọi rủi ro về tài sản được đảm bảo trên cơ sở chấp hành đầy đủ chế độ quản lý, sử dụng vốn, tài sản theo qui định của pháp luật và điều lệ Công ty. Định kỳ vào đầu quý 4 của năm trước năm kế hoạch, Công ty lập kế hoạch và thực hiện mua bảo hiểm cho các danh mục tài sản hiện có. Lập hội đồng để trích lập dự phòng tổn thất như: giảm giá hàng tồn kho, phải thu khó đòi, giảm giá các khoản đầu tư tài chính và các khoản dự phòng khác theo qui định.

### **❖ Quản lý rủi ro tài chính**

- Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### **• Rủi ro thị trường**

- Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.
- Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.
- Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.
- Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### **• Rủi ro lãi suất**

- Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của doanh nghiệp chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của doanh nghiệp và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.
- Độ nhạy đối với lãi suất
- Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.
- Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Anh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017		
VND	+200	1.158.026.659
VND	-200	(1.158.026.659)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016		
VND	+100	418.053.175
VND	-100	418.053.175)

- Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

- **Rủi ro ngoại tệ**

- Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Doanh nghiệp chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.
- Doanh nghiệp quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi doanh nghiệp lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.
- *Độ nhạy đối với ngoại tệ*
- Doanh nghiệp không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

- **Rủi ro về giá cổ phiếu**

- Các cổ phiếu chưa niêm yết do Doanh nghiệp nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Doanh nghiệp quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

- **Rủi ro tín dụng**

- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Doanh nghiệp có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay.

### *Phải thu khách hàng*

- Doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách ưu tiên lựa chọn các khách hàng có khả năng tài chính tốt, có uy tín nhằm giảm thiểu rủi ro. Đồng thời Công ty thực hiện định mức công nợ cho từng đối tượng khách hàng và thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi đúng hạn, đối chiếu công nợ vào cuối kỳ để giảm thiểu và phân tán rủi ro. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định. Công ty sẽ thực hiện trích lập dự phòng dựa trên tổn thất ước tính khi có bằng chứng các khoản phải thu không có khả năng thu hồi.

### *Tiền gửi ngân hàng*

- Doanh nghiệp chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Doanh nghiệp nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.
- Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

- ***Rủi ro thanh khoản***

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Doanh nghiệp gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Doanh nghiệp chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.
- Doanh nghiệp giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Doanh nghiệp và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Ngày 31/12/2017	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	24.608.432.907	-	-	24.608.432.907
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	530.780.000	39.670.400.000	50.719.709.900	90.920.889.900
Chi phí phải trả	131.593.455	-	-	131.593.455
<b>Cộng</b>	<b>25.270.806.362</b>	<b>39.670.400.000</b>	<b>50.719.709.900</b>	<b>115.660.916.262</b>
Ngày 31/12/2016	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	-	8.672.000.000	1.066.689.925	9.738.689.925
Phải trả người bán	31.891.319.023	-	-	31.891.319.023
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	197.469.439	35.485.700.000	25.895.273.900	61.578.443.339
Chi phí phải trả	290.643.948	-	-	290.643.948
<b>Cộng</b>	<b>32.379.432.410</b>	<b>44.157.700.000</b>	<b>26.961.963.825</b>	<b>103.499.096.235</b>

❖ **Các rủi ro khác:**

• **Rủi ro về đối thủ cạnh tranh**

Doanh nghiệp chuyên về lĩnh vực bán lẻ, chủ yếu tại các chợ truyền thống nên đối thủ cạnh tranh là các hộ kinh doanh, doanh nghiệp bán lẻ tại các sạp chợ. Doanh nghiệp luôn tăng cường nghiên cứu thị trường, cập nhật thông tin, phân tích, đánh giá đối thủ cạnh tranh. Luôn duy trì quan hệ với các nhà cung cấp có uy tín và sản phẩm chất lượng để đảm bảo nguồn hàng cung cấp. Kinh doanh sản phẩm gắn với hàng chất lượng tốt, có thương hiệu. Tìm kiếm nguồn hàng, sản phẩm mới, mẫu mã đẹp tham gia các kênh hội chợ nhằm hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh bán lẻ và góp phần quảng bá thương hiệu Ben Thanh TSC. Tăng cường kiểm soát rủi ro: kiểm tra, giám sát hàng hoá tồn kho tránh hàng chậm luân chuyển làm kém phẩm chất, vòng quay hàng hoá tồn kho, công nợ, định mức nợ, các chi phí hoạt động toàn doanh nghiệp.

• **Rủi ro khác**

Từ giữa tháng 3/2017, các nhà thầu Dự án Metro Bến Thành - Suối Tiên đã bắt đầu rào chắn dọc trục đường Lê Lợi và khu vực vòng xoay chợ Bến Thành để tiến hành thi công gói thầu 1a tuyến metro số 1 (Bến Thành - Suối Tiên). Để hạn chế các rủi ro phát sinh trong kinh doanh, doanh nghiệp đã thường xuyên cập nhật các thông tin về tiến độ thực hiện dự án xây dựng tuyến Metro khu vực Chợ Bến Thành để chủ động hơn trong kế hoạch dự trữ hàng hoá phù hợp với tình hình kinh doanh trên địa bàn Chợ.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) **Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế toàn hệ thống:**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017	Tỷ lệ Tăng- Giảm
1. Doanh thu thuần TM-DV	365.708	357.384	-2,28%
2. Lợi nhuận trước thuế	39.009	48.623	24,65%
3. Lợi nhuận sau thuế	31.138	38.524	23,72%
4. Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông công ty mẹ	30.780	38.524	25,16%

**b) Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần TM-DV Bến Thành:**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So sánh (%)	
				2017/2016	TH/KH
1. Doanh thu thuần TM-DV	361.010	310.000	351.743	97,43	113,47
2. Lợi nhuận trước thuế	38.563	35.000	47.297	122,65	135,13
3. Lợi nhuận sau thuế	31.604	28.700	38.347	121,34	133,61
4. Vốn điều lệ	106.000	106.000	135.000	127,36	127,36
5. Tỷ suất LNTT/VĐL (%)	36,38	33,02	35,03		
6. Tỷ suất LNST/VĐL (%)	29,81	27,08	28,41		
7. Cổ tức (%)	18	15	15		

❖ **Chỉ tiêu doanh thu:**

*Lĩnh vực kinh doanh thương mại: Chi tiết*

Doanh thu thuần thực hiện năm 2017	
	<b>275,07 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 78,20%, đạt 107,87% kế hoạch, giảm 10,28%</b>
	

- Lĩnh vực bán buôn: Chủ yếu là hàng của Bộ phận TM-DV nhập khẩu về phân phối bán trong nước.
  - Trong kỳ doanh thu bán buôn thực hiện 102,45 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 29,13%, đạt 128,07% kế hoạch và giảm 9,35% so với cùng kỳ năm trước.
  - Nguyên nhân giảm là do Bộ phận TM-DV chủ động hạn chế hoạt động bán buôn do tỷ suất sinh lời thấp nhưng rủi ro về tỷ giá, giá cả, công nợ và hàng tồn kho cao.
- Lĩnh vực bán lẻ: Ngành hàng chủ yếu là vải sợi may mặc, quần áo may sẵn, hàng thủ công mỹ nghệ tại các Trung tâm Bến Thành và điện gia dụng, máy móc thiết bị, dụng cụ điện cầm tay ở Trung tâm Dân Sinh.
  - Doanh thu thực hiện 172,62 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 49,07%, đạt 98,64% kế hoạch và giảm 10,83% so với năm trước.
  - Nguyên nhân doanh thu giảm là do chủ trương của Công ty chủ động sắp xếp lại quầy hàng, với quầy có vị trí không thuận lợi tiến hành hợp tác phân chia lợi nhuận nhằm tăng hiệu quả để đối phó với khó khăn từ phân lại luồng giao thông của dự án Metro.





**Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ:**

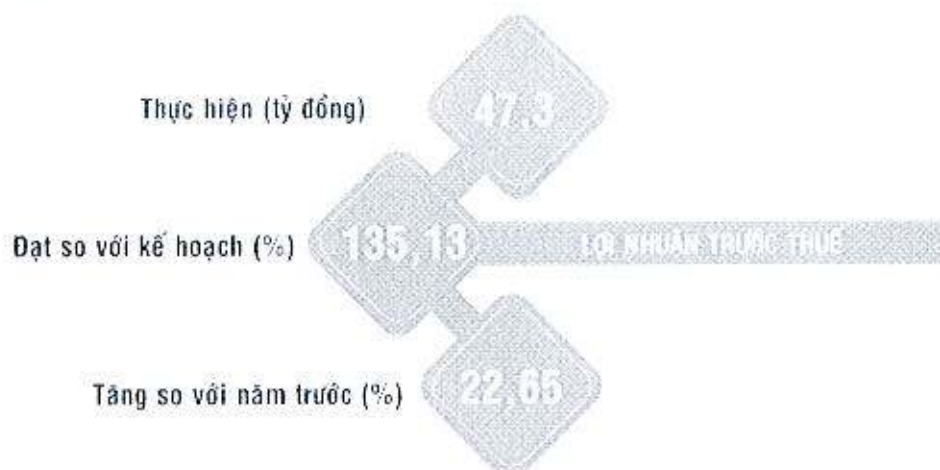


Tổng Doanh thu thực hiện năm 2017 là 76,67 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 21,80%, đạt 139,41% kế hoạch, tăng 40,91% so với năm trước. Doanh thu dịch vụ năm nay tăng cao so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do năm nay có thêm doanh thu từ dự án 129-131 Tôn Thất Dạm từ tháng 7/2017 và cùng kỳ năm trước doanh thu cho thuê khách sạn 186-188 Lê Thánh Tôn chỉ phát sinh từ tháng 5/2016. Ngoài ra, đối với các hợp đồng hết hạn Công ty đã tích cực đàm phán điều chỉnh tăng giá cho thuê khách hàng cũ và tìm khách hàng thuê mới giá cao hơn.

**❖ Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế:**

- **Lợi nhuận trước thuế:** thực hiện năm 2017 là 47,3 tỷ đồng, đạt 135,13% kế hoạch năm và tăng 22,65% so với năm trước. Nguyên nhân tăng chủ yếu là do giá vốn cho thuê bất động sản giảm từ chi phí đi thuê giảm.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ đạt 35,03%, giảm 1,35% so với năm 2016; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 28,41% và giảm 1,40%. Nguyên nhân giảm là do tăng vốn điều lệ từ 106 lên 135 tỷ đồng.

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu đạt 15,03%, tăng 1,91% so với năm trước; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt 12,41% và tăng 1,44%



## 2. Tổ chức và nhân sự:

### a) Danh sách Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Ông Trần Hữu Hoàng Vũ	Tổng Giám đốc	01/01/2016	-
2. Ông Phạm Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	01/04/2013	-
3. Bà Nguyễn Thị Mai Trâm	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2015	-
4. Bà Huỳnh Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc	01/05/2016	-
5. Ông Nguyễn Khắc Cường	Kế Toán trưởng	01/04/2013	-

## ❖ Ông TRẦN HỮU HOÀNG VŨ – Tổng Giám đốc

- *Giới tính* : Nam
- *Năm sinh* : 1972 *Nơi sinh* : Bình Thuận
- *Số CMND* : 023006811 cấp ngày 08/08/2013 tại CA Tp. Hồ Chí Minh
- *Quốc tịch* : Việt Nam *Dân tộc* : Kinh
- *Địa chỉ thường trú* : 12/3 Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
- *Số điện thoại liên lạc* : 3822 3390
- *Trình độ văn hóa* : 12/12
- *Trình độ chuyên môn* : Kỹ sư xây dựng
- *Kinh nghiệm làm việc:*
  - Chuyên viên phòng Quản lý đô thị quận 1 - Ủy ban nhân dân Quận 1, TP. HCM.
  - Chuyên viên phòng đầu tư Tổng Công ty Bến Thành –TNHH MTV.
  - Trưởng ban Quản lý Dự án KDC Lô 3 tiểu khu B, tiểu khu C (Khu dân cư Bình Trưng Đông, Cát Lái) - Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV.
  - Phó Giám đốc Ban điều hành Dự án Dịch vụ Cảng và dân cư Cát Lái - Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV.
  - Giám đốc Bộ phận Đầu tư Phát triển Công ty CP Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.
  - Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Bộ phận Đầu tư Phát triển Công ty CP Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.
  - Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT Công ty CP Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.
- *Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức niêm yết* : Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT.
- *Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:*
  - Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Thịnh Vương.
  - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành – Non Nước.
  - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Bến Thành – Mũi Né.
  - Chủ tịch Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny.
- *Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2017 là: 1.176.898 cổ phần*  
*Trong đó:*
  - Cá nhân : 59.267 cổ phần, chiếm 0,44 % vốn điều lệ
  - Đại diện : 1.117.631 cổ phần, chiếm 8,28 % vốn điều lệ
- *Số cổ phần của những người có liên quan* : Không có
- *Hành vi vi phạm pháp luật* : Không
- *Những khoản nợ đối với Công ty* : Không
- *Lợi ích liên quan đối với Công ty* : Không
- *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty* : Không

## ❖ Ông PHẠM HOÀNG NAM – Phó Tổng Giám đốc

- *Giới tính* : Nam
- *Năm sinh* : 1966 *Nơi sinh* : Sài Gòn
- *Số CMND* : 021583288 cấp ngày 19/5/2014 tại CA Tp. Hồ Chí Minh
- *Quốc tịch* : Việt Nam *Dân tộc* : Kinh
- *Địa chỉ thường trú* : 212/170.110 Nguyễn Văn Nguyễn, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM
- *Số điện thoại liên lạc* : 3822 3390
- *Trình độ văn hóa* : 12/12
- *Trình độ chuyên môn* : Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- *Kinh nghiệm làm việc:*
  - *Kế toán tổng hợp Công ty cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.*
  - *Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng CTCP Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.*
  - *Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Bộ phận Tài chính – Kế toán, Công ty CP Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.*
  - *Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.*
- *Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức niêm yết* : Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách công bố thông tin.
- *Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:*
  - *Giám đốc Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny.*
- *Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2017 là: 1.158.497 cổ phần*  
*Trong đó:*
  - *Cá nhân* : 40.866 cổ phần, chiếm 0,3 % vốn điều lệ
  - *Đại diện* : 1.117.631 cổ phần, chiếm 8,28 % vốn điều lệ
- *Số cổ phần của những người có liên quan* : Không có
- *Hành vi vi phạm pháp luật* : Không
- *Những khoản nợ đối với Công ty* : Không
- *Lợi ích liên quan đối với Công ty* : Không
- *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty* : Không

## ❖ Bà NGUYỄN THỊ MAI TRÂM – Phó Tổng Giám đốc

- *Giới tính* : Nữ
- *Năm sinh* : 1979 ; *Nơi sinh* : Tp. Hồ Chí Minh
- *Số CMND* : 023325827 cấp ngày 04/03/2010 tại CA Tp. Hồ Chí Minh
- *Quốc tịch* : Việt Nam ; *Dân tộc* : Kinh
- *Địa chỉ thường trú* : 61/19 Cô Giang, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP.HCM
- *Số điện thoại liên lạc* : 38223390
- *Trình độ văn hóa* : 12/12
- *Trình độ chuyên môn* : Cử nhân luật; Thạc sĩ quản trị kinh doanh.
- *Kinh nghiệm làm việc:*
  - Chuyên viên pháp chế Công ty TMTH Bến Thành (nay là CTCP TM-DV Bến Thành).
  - Quyền Trưởng phòng Tổ chức nhân sự CTCP TM – DV Bến Thành.
  - Giám đốc BP. Quản trị nhân sự CTCP TM-DV Bến Thành.
  - Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc BP. Quản trị nhân sự CTCP TM-DV Bến Thành.
- *Chức vụ công tác hiện nay tại* : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Bộ phận Quản trị Tổ chức niêm yết nhân sự.
- *Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:*
  - Kiểm soát viên tại Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny
- *Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2017* là: 60.200 cổ phần
- *Trong đó:*
  - Cá nhân 60.200 cổ phần, chiếm 0,45% vốn điều lệ
  - Đại diện 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- *Số cổ phần của những người có liên quan:*

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1. Nguyễn Thị Mai Thảo	Chị ruột	1.975 cổ phần
2. Lê Thúc Đức	Anh rể	555 cổ phần
- *Hành vi vi phạm pháp luật* : Không
- *Những khoản nợ đối với Công ty* : Không
- *Lợi ích liên quan đối với Công ty* : Không
- *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty* : Không

## ❖ Bà HUỖNH THỊ THU – Phó Tổng Giám đốc

- *Giới tính* : Nữ
- *Năm sinh* : 1964 *Nơi sinh:* Hòa Bình, Hà Sơn Bình.
- *Số CMND* : 021575095, ngày cấp: 25/12/2001, tại CA Tp. Hồ Chí Minh
- *Quốc tịch* : Việt Nam *Dân tộc:* Kinh
- *Địa chỉ thường trú* : 47/42/10 đường Bùi Đình Túy, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- *Số điện thoại liên lạc* : 3822 3390
- *Trình độ văn hóa* : 12/12
- *Trình độ chuyên môn* : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- *Kinh nghiệm làm việc:*
  - *Tổ trưởng Tổ kinh doanh – Bộ phận Kinh doanh, Công ty cổ phần TM – DV Bến Thành.*
  - *Quyển Trưởng phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu, Công ty cổ phần TM – DV Bến Thành.*
  - *Phó Giám đốc Bộ phận Thương mại - Dịch vụ, Công ty cổ phần TM – DV Bến Thành.*
  - *Giám đốc Bộ phận Thương mại - Dịch vụ kiêm Giám đốc Trung tâm Bến Thành Đông, Công ty CP Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.*
  - *Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Bộ phận Thương mại – Dịch vụ, Công ty CP Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.*
- *Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức niêm yết* : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Bộ phận Thương mại – Dịch vụ.
- *Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:* không có
- *Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2017 là:* 58.834 cổ phần  
*Trong đó:*
  - *Cá nhân* : 58.834 cổ phần, chiếm 0,44 % vốn điều lệ
  - *Đại diện* : 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
- *Số cổ phần của những người có liên quan* : Không có
- *Hành vi vi phạm pháp luật* : Không
- *Những khoản nợ đối với Công ty* : Không
- *Lợi ích liên quan đối với Công ty* : Không
- *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty* : Không

## ❖ Ông NGUYỄN KHẮC CƯỜNG – Kế toán trưởng

- *Giới tính* : Nam
- *Năm sinh* : 1966 *Nơi sinh* : Sài Gòn
- *Số CMND* : 022150245 cấp ngày 14/6/2014 tại CA Tp. Hồ Chí Minh
- *Quốc tịch* : Việt Nam *Dân tộc* : Kinh
- *Địa chỉ thường trú* : 174/25/10 Nguyễn Thiện Thuật, P.3, Q.3, TPHCM
- *Số điện thoại liên lạc* : 3822 3390
- *Trình độ văn hóa* : 12/12
- *Trình độ chuyên môn* : Cử nhân kinh tế ngành kế toán.
- *Kinh nghiệm làm việc:*
  - Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.
  - Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.
  - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.
  - Giám đốc Bộ phận Tài chính - Kế toán kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.
- *Chức vụ công tác hiện nay* : Giám đốc Bộ phận Tài chính - Kế toán kiêm Kế toán trưởng.  
*tại Tổ chức niêm yết*
- *Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:*
  - Kiểm soát viên Công ty cổ phần Đầu tư Thịnh Vương.
- *Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2017 là:* 26.115 cổ phần
- *Trong đó:*
  - Cá nhân : 26.115 cổ phần, chiếm 0,19 % vốn điều lệ
  - Đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- *Số cổ phần của những người có liên quan* : Không có
- *Hành vi vi phạm pháp luật* : Không
- *Những khoản nợ đối với Công ty* : Không
- *Lợi ích liên quan đối với Công ty* : Không
- *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty* : Không

b) *Thay đổi trong Ban điều hành: Không có*

c) *Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:*

Số lượng lao động tại 31/12/2017: 238 lao động.

Lao động	Số lượng	Tỷ lệ
• <b>Phân theo giới tính</b>		
• Nam	70	29,41%
• Nữ	168	70,59%
• <b>Phân theo trình độ</b>		
• Đại học & trên đại học	54	22,69%
• Dưới đại học	184	77,31%

**Các chính sách đối với người lao động:**

- ***Chính sách phát triển nguồn nhân lực***

- Doanh nghiệp luôn tạo điều kiện tối đa về thời gian và kinh phí để người lao động tham gia các khóa đào tạo nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng làm việc. Định kỳ hằng năm, doanh nghiệp luôn xây dựng kế hoạch đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người lao động theo chiến lược kinh doanh và quy hoạch kế thừa. Lực lượng lao động tại doanh nghiệp ngày càng được trẻ hóa, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu công việc. Trong năm 2017, doanh nghiệp đã cử 42 lượt lao động tham gia các khóa đào tạo như: báo cáo tài chính hợp nhất, nghề nhân sự, kỹ năng soạn thảo hợp đồng, đo bóc khối lượng và lập dự toán chuyên sâu... Đặc biệt trong năm 2017, doanh nghiệp đã thực hiện chương trình đào tạo kiến thức pháp luật dành cho nhà quản lý cho 30 lượt lao động hiện là quản lý cấp trung và lao động quy hoạch kế thừa của doanh nghiệp.
- Thường xuyên đánh giá hiệu quả công việc của người lao động tại các đơn vị trực thuộc, các bộ phận chức năng làm cơ sở để đào tạo, luân chuyển, kịp thời động viên, khen thưởng người lao động có thành tích xuất sắc nhằm tăng hiệu quả sử dụng lao động tại doanh nghiệp. Định biên lại nhân sự trên cơ sở phân tích, đánh giá hiệu quả công việc của từng bộ phận chức năng, đơn vị trực thuộc.
- Bên cạnh đó, doanh nghiệp luôn coi trọng việc thu hút nhân tài nhằm bổ sung thêm người giỏi, trẻ, phát triển năng lực – kiến thức – kỹ năng của đội ngũ sẵn có theo hướng chuyên nghiệp hoá, đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ mới trong thời kỳ hội nhập toàn cầu hiện nay.

- ***Chính sách tiền lương, tiền thưởng***

- Định hướng tiền lương, tiền thưởng phân phối cho người lao động phải tương xứng với chức danh và hiệu quả làm việc của người lao động trong từng bộ phận, đơn vị công tác; thường xuyên đánh giá hiệu quả công việc của người lao động tại các đơn vị trực thuộc, các bộ phận chức năng làm cơ sở để đào tạo, luân chuyển, kịp thời động viên, khen thưởng người lao động có thành



tích xuất sắc. Trong năm 2016, doanh nghiệp đã tiến hành sửa đổi, bổ sung quy chế lương – thưởng và đưa vào áp dụng từ đầu năm 2017; đồng thời trong năm 2017, Công ty đã sửa đổi, bổ sung quy định đánh giá hiệu quả công việc của người lao động phù hợp với tình hình thực tế nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng lao động tại doanh nghiệp, góp phần tăng năng suất lao động.

- **Các chính sách khác đối với người lao động**

- Doanh nghiệp đảm bảo việc làm, ổn định được đời sống và thu nhập cho người lao động: ký kết 100% hợp đồng lao động đối với người lao động đang làm việc; trang bị đầy đủ đồng phục, tặng quà nhân dịp Tết dương lịch, Tết nguyên đán, Tết trung thu cho toàn thể cán bộ công nhân viên.
- Doanh nghiệp thực hiện tốt thỏa ước lao động tập thể, quy chế dân chủ cơ sở. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách bảo hiểm, lương tháng 13 cho người lao động theo đúng quy định pháp luật, doanh nghiệp luôn quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.
- Tổ chức tham quan nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ hàng năm và mua bảo hiểm tai nạn cho toàn thể người lao động. Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho người lao động khi nghỉ việc, nghỉ hưu, nghỉ ốm đau, thai sản.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

**a) Các khoản đầu tư lớn trong năm:**

Năm 2017, thực hiện theo Quyết định số 19/QĐ-HDQT ký ngày 06/7/2017 về việc chấp thuận mua cổ phần Công ty CP Bến Thành - Mũi Né, công ty đã tiến hành mua số lượng cổ phần là 1.312.000 cổ phần, trị giá hơn 16 tỷ đồng.

**b) Tình hình thực hiện các dự án lớn:**

Năm 2017, với sự nỗ lực không ngừng, phát huy tối đa tính sáng tạo và năng động của tập thể, doanh nghiệp đã thành công trong việc Phối hợp với nhà thầu, đơn vị kiểm toán hoàn thành quyết toán vốn dự án 186-188 Lê Thánh Tôn. Với dự án 129 – 131 Tôn Thất Đạm đã hoàn tất thi công hoàn thành cơ bản, bàn giao cho đối tác thực hiện công tác hoàn thiện và có doanh thu từ 01/7/2017; Dự án 361 Trần Hưng Đạo đã được cấp phép xây dựng và tiến hành khởi công trong tháng 9/2017; Dự án 152-154 Võ Văn Kiệt đang trình phương án kinh doanh để có thể phối hợp cùng đối tác chuẩn bị thủ tục để thực hiện dự án đầu năm 2018.

**c) Công ty con, Công ty liên kết, Công ty có vốn góp lớn:**



**- Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny:**

Vốn điều lệ 20 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu của Công ty là 100%.

Tổng doanh thu thực hiện năm 2017 đạt 8,66 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế đạt 4,47 tỷ đồng tăng 24,76% so năm trước. Nguyên nhân tăng chủ yếu do giảm chi phí đi thuê. Lợi nhuận năm 2016 phân phối Công ty mẹ trong năm 2017 là 35% trên vốn góp.

**- Công ty CP Đầu tư Thịnh Vượng:**

Vốn điều lệ 132 tỷ đồng, tỷ lệ vốn góp của Công ty 46,21%.

Doanh thu thuần thực hiện năm 2017 đạt 8,78 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế lỗ 11,43 tỷ đồng. Công ty đã lập dự phòng tại đây theo quy định.

Nguyên nhân: do chưa tìm được khách hàng thuê phù hợp để khai thác các mặt bằng còn trống.



**- Công ty CP Du lịch Bến Thành Non Nước:**

Vốn điều lệ 145 tỷ đồng, tỷ lệ vốn góp của Công ty 17,28%.

Doanh thu thuần thực hiện năm 2017 đạt 112,28 tỷ đồng đạt 106,24% kế hoạch năm, tăng 74,66% so với năm 2016. Lợi nhuận trước thuế 0,14 tỷ đồng (kế hoạch lỗ 1,58 tỷ đồng) và giảm mạnh so với năm trước. Nguyên nhân lợi nhuận trước thuế giảm so với năm trước là do chi phí thuê đất tăng.



**- Công ty CP Bến Thành Mũi Né:**

Vốn điều lệ 140,5 tỷ đồng, tỷ lệ vốn góp của Công ty 9,34%.

Doanh thu thuần thực hiện năm 2017 đạt 44,12 tỷ đồng, đạt 116,26% kế hoạch năm và tăng 29,17% so với năm trước.

Lợi nhuận sau thuế 9,54 tỷ đồng, đạt 187,5% kế hoạch năm và tăng 216,67% so với năm trước.



#### 4. Tình hình tài chính:

##### a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017	Tỷ lệ Tăng-Giảm
1. Tổng giá trị tài sản	418.488	458.489	9,56%
2. Doanh thu thuần TM-DV	365.708	357.384	-2,28%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	37.934	48.320	27,38%
4. Lợi nhuận khác	1.075	303	-71,81%
5. Lợi nhuận trước thuế	39.009	48.623	24,65%
6. Lợi nhuận sau thuế	31.138	38.524	23,72%
7. Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông công ty mẹ	30.780	38.524	25,16%
8. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	61,99%	46,54%	-15,45%

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017	Tỷ lệ Tăng-giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,68	2,17	0,49
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,06	1,56	0,50
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,30	0,32	0,02
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,44	0,48	0,04
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
+ Vòng quay hàng tồn kho	7,17	6,87	-0,30
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,87	0,78	-0,09
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	0,09	0,11	0,02
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	0,11	0,12	0,01
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản	0,07	0,08	0,01
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,10	0,14	0,04

Tình hình tài chính lành mạnh; cơ cấu nguồn vốn hợp lý, đòn bẩy tài chính thấp; các lĩnh vực hoạt động kinh doanh đều được kiểm soát các rủi ro thông qua việc trích lập các quỹ dự phòng, mua bảo hiểm nhằm bảo toàn vốn.

**5. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2017, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**a) Cổ phần:**

Tổng số cổ phần:	13.500.000
Loại cổ phần đang lưu hành:	13.500.000
Cổ phiếu quỹ	0
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	12.878.479
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	621.521

**b) Thông tin chung về cơ cấu cổ đông:**

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>514</b>	<b>13.491.834</b>	<b>99,94%</b>
1	Nhà nước	1	5.588.157	41,39%
2	HDQT, BTGD, BKS, KTT	12	1.383.308	10,25%
3	Cá nhân	479	2.657.595	19,69%
4	Tổ chức	22	3.862.774	28,61%
<b>II</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>9</b>	<b>8.166</b>	<b>0,06%</b>
1	Cá nhân	5	4.156	0,03%
2	Tổ chức	4	4.010	0,03%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>523</b>	<b>13.500.000</b>	<b>100%</b>

**- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:**

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu đến 31/12/2017	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công Ty Bến Thành TNHH Một thành viên	27 Nguyễn Trung Trực, Q.1, TP.HCM	5.588.157	41,39%
2	Công ty CP Đầu tư Toàn Việt	56 Phạm Ngọc Thạch, Q.3, TP.HCM	2.858.425	21,17%
3	Trần Cảnh Thông	8.07 Cao ốc Thịnh Vượng, 531 Nguyễn Duy Trinh, P. Bình Trưng Đông, Quận 2, TP.HCM	774.585	5,74%

**c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.**

**d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần.
- Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm: phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty.

**e) Chứng khoán khác:**

Trong năm không có các đợt phát hành chứng khoán khác.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của doanh nghiệp:**

Doanh nghiệp bên cạnh việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế thì việc đảm bảo cân đối hài hòa giữa lợi ích doanh nghiệp và trách nhiệm đối với cổ đông, người lao động, môi trường, cộng đồng và xã hội cũng là một trong những nhiệm vụ luôn được ưu tiên hàng đầu.

**a) Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

- Đối với công ty thương mại dịch vụ thì nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm, dịch vụ là không có, doanh nghiệp sử dụng bao bì để đóng gói các sản phẩm như quần áo, sơn mài, túi xách...

Năm	Doanh thu thuần TM- DV (tr.đồng)	Bao bì đóng gói (kg)	Bao bì đóng gói trung bình (kg/trđ Doanh thu)
2016	361.010	6.533	0,0181
2017	351.743	4.344	0,0124

- Từ số liệu trên cho thấy, khối lượng bao bì đóng gói của năm 2017 giảm 33,51%, khối lượng bao bì đóng gói trung bình tính trên doanh thu giảm đến 31,49% so với năm 2016. Người tiêu dùng đã có thói quen sử dụng túi nylon khi mua sắm từ lâu, để thay đổi thói quen này cần nhiều thời gian và sự vận động, tuyên truyền từ nhiều phía. Doanh nghiệp đang từng bước trong việc thực hiện các giải pháp để chung tay cùng cộng đồng vì một môi trường xanh. Trong tương lai việc xanh hóa trong sản xuất kinh doanh là tất yếu vì đó là giải pháp phát triển bền vững của doanh nghiệp.

**b) Tiêu thụ năng lượng**

Để kiểm soát và quản lý việc sử dụng năng lượng hiệu quả, Doanh nghiệp đã có những quy định và giám sát việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại các bộ phận trong Doanh nghiệp, các đơn vị trực thuộc. Nhờ các giải pháp đồng bộ, hiệu quả sử dụng điện, xăng, dầu, nước đã có sự cải thiện qua các năm, góp phần quan trọng trong việc giảm chi phí sản xuất kinh doanh và nâng cao trách nhiệm với cộng đồng.

### **Sử dụng năng lượng điện**

- Tình hình sử dụng năng lượng điện (kwh) và hiệu quả sử dụng năng lượng điện (kwh/ triệu đồng doanh thu) năm 2016, 2017 như sau:

Năm	Doanh thu thuần TM- DV (tr.đồng)	Lượng điện tiêu thụ (kwh)	Lượng điện tiêu thụ trung bình (kwh/trở Doanh thu)
2016	361.010	376.315	1,0424
2017	351.743	370.661	1,0538

- Từ số liệu trên cho thấy, lượng điện tiêu thụ của năm 2017 giảm 1,50% tương đương với 5.654 kwh so với năm trước, nguyên nhân là do doanh nghiệp tiếp tục thực hiện những giải pháp thực hiện tiết kiệm năng lượng điện trong năm 2017.
- Các giải pháp thực hiện tiết kiệm năng lượng điện bao gồm:
  - Xây dựng ý thức tiết kiệm điện đến từng người lao động.
  - Lắp đặt, sử dụng các thiết bị hiện đại, ít tiêu hao năng lượng và không ảnh hưởng đến môi trường.
  - Tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên, tắt các thiết bị sử dụng điện khi không sử dụng quá 30 phút.
  - Để điều hoà nhiệt độ không thấp hơn 26<sup>0</sup>C, tắt điều hoà 30 phút trước khi về.
  - Thay thế hệ thống chiếu sáng bằng đèn led thay cho đèn huỳnh quang (đèn led ngoài các ưu điểm về kinh tế như tuổi thọ bóng đèn, chi phí điện năng thì còn các ưu điểm khác như thân thiện với môi trường, không sinh nhiệt cao, không thải ra môi trường các chất độc hại khi trở thành rác thải...).

### **Sử dụng dầu Diezen và xăng**

- Tình hình sử dụng năng lượng dầu Diezen và xăng (sử dụng chủ yếu cho việc vận chuyển) và hiệu quả sử dụng năng lượng từ dầu Diezen (lít/triệu đồng doanh thu) năm 2016, 2017 như sau:

Năm	Doanh thu thuần TM- DV (tr.đồng)	Lượng dầu diezen, xăng tiêu thụ (lít)	Lượng dầu diezen, xăng tiêu thụ trung bình (lít/trở Doanh thu)
2016	361.010	11.563	0,0320
2017	351.743	13.093	0,0372

- Trong năm 2017, doanh nghiệp sử dụng lượng dầu diezen và xăng với tỷ lệ tăng là 13,23%; lượng dầu diezen, xăng tiêu thụ trung bình trên doanh thu tăng 16,25% so với năm 2016.

### ***c) Sử dụng nguồn nước hiệu quả:***

- Xác định nước là yếu tố quan trọng cần quan tâm trong chuỗi hoạt động bảo vệ môi trường, nguồn nước tại Doanh nghiệp đang sử dụng sinh hoạt là nguồn nước sạch do Công ty CP Cấp nước Bến Thành cung cấp.
- Tình hình sử dụng nguồn nước và hiệu quả sử dụng nguồn nước (m<sup>3</sup>/triệu đồng doanh thu) năm 2016, 2017 như sau:

Năm	Doanh thu thuần TM- DV (tr.đồng)	Lượng nước tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Lượng nước tiêu thụ trung bình (m <sup>3</sup> /trđ Doanh thu)
2016	361.010	6.760	0,0187
2017	351.743	6.533	0,0186

- Từ số liệu trên cho thấy trong năm 2017, doanh nghiệp sử dụng tiết kiệm lượng nước tiêu thụ với tỷ lệ giảm là 3,36%; lượng nước tiêu thụ trung bình trên doanh thu giảm không đáng kể so với năm trước.
- Để kiểm soát việc sử dụng nguồn nước, hạn chế tối đa sự lãng phí trong việc sử dụng nước, doanh nghiệp có một số biện pháp quản lý, cụ thể như:
  - Xây dựng hệ thống cấp thoát nước chắc chắn, đảm bảo không bị rò rỉ nước, để kiểm soát và sửa chữa kịp thời khi có sự cố.
  - Tuyên truyền ý thức tiết kiệm nước, có theo dõi thống kê hàng tháng, nhắc nhở tắt mở, sử dụng đúng mục đích đối với toàn bộ cán bộ công nhân viên trong công ty.

### ***d) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:***

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không có.*
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không có.*

### ***e) Chính sách liên quan đến người lao động:***

Con người là yếu tố cốt lõi, quyết định đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, vì vậy trong chiến lược quản trị nguồn nhân lực, các giải pháp tập trung nhằm xây dựng, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ, chuyên nghiệp, thân thiện. Doanh nghiệp luôn trân trọng những giá trị do người lao động tạo ra và đóng góp vào thành công chung, luôn mang đến cho người lao động một môi trường làm việc tốt, công bằng, mỗi cá nhân đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện, đào tạo để hướng đến sự thành công và phát triển sự nghiệp.

#### **❖ Tổng quan về lực lượng lao động**

- Lực lượng lao động ngày càng được trẻ hóa, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, năng lực và bản lĩnh vững vàng là nền tảng vững chắc giúp doanh nghiệp

hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh năm 2017, chiến lược kinh doanh các năm tiếp theo.

- Trong năm 2017, Công ty đã bổ nhiệm 05 lao động giữ vị trí quản lý cấp trung; tuyển dụng mới 09 lao động; điều động, bố trí 09 lao động tại văn phòng công ty và một số đơn vị trực thuộc.

#### Tổng số lao động theo giới tính:

Chi tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Nam	83	30%	70	29%
Nữ	195	70%	168	71%
<b>Tổng số lao động</b>	<b>278</b>	<b>100%</b>	<b>238</b>	<b>100%</b>

#### Tổng số lao động theo độ tuổi:

Chi tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Dưới 30 tuổi	89	32%	71	30%
30-50 tuổi	104	37%	87	36%
Trên 50 tuổi	85	31%	80	34%
<b>Tổng số lao động</b>	<b>278</b>	<b>100%</b>	<b>238</b>	<b>100%</b>

#### Tổng số lao động theo trình độ học vấn:

Chi tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Trung học cơ sở	25	9%	21	9%
Phổ thông trung học, trong đó:	253	91%	217	91%
- Cao đẳng	19	7%	18	7%
- Đại học	48	17%	47	20%
- Trên đại học	6	2%	7	3%
<b>Tổng số lao động</b>	<b>278</b>	<b>100%</b>	<b>238</b>	<b>100%</b>



### Tổng số lao động theo hợp đồng lao động:

Chi tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
HDLĐ không xác định thời hạn	234	84,17%	215	90,34%
HDLĐ xác định thời hạn	37	13,31%	22	9,24%
HDLĐ có thời hạn dưới 12 tháng	7	2,52%	01	0,42%
<b>Tổng số lao động</b>	<b>278</b>	<b>100%</b>	<b>238</b>	<b>100%</b>

### Mức lương trung bình đối với người lao động qua các năm:

Nội dung	Năm 2016	Năm 2017
Thu nhập bình quân	9.200.000 đồng	11.300.000 đồng

#### ❖ Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

##### - Về an toàn lao động, vệ sinh lao động:

- Tổng Giám đốc và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc luôn đảm bảo nơi làm việc cho người lao động đạt yêu cầu về không gian về các điều kiện an toàn, vệ sinh lao động; Định kỳ kiểm tra an toàn lao động, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện làm việc, chăm sóc sức khỏe người lao động. Chương trình thực hành 5S (Sàng lọc, Sắp xếp, Sạch sẽ, Sẵn sàng, Sẵn sàng) luôn được Doanh nghiệp triển khai và áp dụng tại đơn vị nhằm mục đích chính là cung cấp một môi trường làm việc với tinh thần cải tiến liên tục, thuận tiện, nhanh chóng, chính xác, hiệu quả.
- Doanh nghiệp luôn thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ, bảo vệ tài sản, tiền, hàng hoá, an ninh trật tự trên toàn hệ thống với các giải pháp cụ thể, phù hợp với đặc thù của từng đơn vị. Trong nhiều năm liền, không xảy ra trường hợp mất cắp, cháy nổ.
- Song song đó, người lao động luôn có ý thức bảo vệ an toàn lao động, bảo vệ tài sản, hàng hóa, thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng cháy chữa cháy và vệ sinh lao động tại nơi làm việc.
- Phát động không gian xanh trong văn phòng công ty với hình thức trên bàn làm việc có cây xanh để điều hoà và thanh lọc không khí mang lại một môi trường làm việc luôn trong lành, tươi mới...

##### - Về thời gian làm việc, thời giờ nghỉ ngơi:

- Việc bố trí thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi tùy thuộc vào điều kiện kinh doanh của từng đơn vị trực thuộc nhưng vẫn đảm bảo thực hiện theo Bộ Luật

Lao động. Các chế độ phép hàng năm, ốm đau, thai sản... đều được hưởng theo quy định pháp luật và Thỏa ước lao động tập thể đã ký kết.

- Các trường hợp nghỉ việc riêng mà vẫn hưởng nguyên lương của người lao động đã được thực hiện theo đúng Thỏa ước lao động tập thể như: người lao động kết hôn, con kết hôn, gia đình có tang...

- **Về tiền lương, tiền thưởng:**

- Thu nhập bình quân trong năm 2017 của người lao động là 11,3 triệu đồng/người/tháng. Công ty đã thực hiện việc nâng bậc lương cho người lao động đủ điều kiện theo qui định của pháp luật và theo qui định của công ty.
- Ngoài tiền lương, các chế độ phụ cấp, trợ cấp, nâng bậc, nâng lương, tiền cơm trưa, tiền đồng phục, các chế độ công tác phí và các chế độ khuyến khích khác đều được Tổng Giám đốc thực hiện trên cơ sở thỏa thuận trong hợp đồng lao động hoặc quy định trong quy chế Công ty.
- Căn cứ vào kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty, của các đơn vị trực thuộc và mức độ hoàn thành công việc của người lao động, Tổng Giám đốc quyết định mức thưởng cho người lao động. Định hướng tiền lương, tiền thưởng phân phối cho người lao động tương xứng với chức danh và hiệu quả làm việc của người lao động trong từng bộ phận, đơn vị công tác. Trong năm 2016, doanh nghiệp đã tiến hành sửa đổi, bổ sung quy chế lương – thưởng và đưa vào áp dụng từ đầu năm 2017; đồng thời trong năm 2017, Công ty đã sửa đổi, bổ sung quy định đánh giá hiệu quả công việc của người lao động phù hợp với tình hình thực tế nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng lao động tại doanh nghiệp, góp phần tăng năng suất lao động.

- **Về chính sách tuyển dụng:**

- Doanh nghiệp luôn coi trọng việc thu hút nhân tài nhằm bổ sung thêm người giỏi, trẻ, mạnh dạn bổ nhiệm cán bộ trẻ có năng lực, phẩm chất tham gia vào bộ máy quản lý điều hành của doanh nghiệp.
- Doanh nghiệp luôn định hướng xây dựng đội ngũ nhân viên năng động, chuyên nghiệp nhằm tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.
- Tiêu chí tuyển dụng của doanh nghiệp là lựa chọn những ứng viên không chỉ đáp ứng yêu cầu về trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức mà còn phù hợp với môi trường, văn hóa doanh nghiệp.

- **Về chính sách phúc lợi:**

- Doanh nghiệp luôn thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về chế độ, chính sách đối với người lao động. Hàng năm, Doanh nghiệp đều thực hiện trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động đầy đủ theo đúng qui định pháp luật. Ngoài các quyền lợi về khám chữa bệnh theo chế độ Bảo hiểm y tế, Doanh nghiệp mua thêm Bảo hiểm tai nạn

con người 24/24 cho toàn thể người lao động trong doanh nghiệp và tổ chức khám sức khỏe định kỳ để người lao động an tâm công tác.

- Đồng thời doanh nghiệp cũng giải quyết đầy đủ các chế độ, chính sách về thai sản, ốm đau, thôi việc, nghỉ hưu cho người lao động theo đúng quy định. Chế độ đối với các trường hợp nghỉ dài hạn (thai sản, ốm đau...): 100% nhân viên nghỉ thai sản hoặc ốm đau được trở lại làm việc theo chế độ của Doanh nghiệp.
- Bên cạnh đó, công tác chăm lo người lao động luôn được Doanh nghiệp quan tâm thực hiện tốt như: trang bị đồng phục cho người lao động; tổ chức tham quan nghỉ mát hàng năm nhằm tạo sự gắn kết giữa các cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với tập thể; tổ chức chương trình Giờ thứ 9 – Tháng Công nhân với Hội thi Karaoke; tặng quà cho toàn thể người lao động nhân dịp Tết Nguyên đán, Tết Trung thu và các ngày lễ lớn của đất nước, tặng thưởng cho con của người lao động có thành tích cao trong học tập; chi mừng người lao động lập gia đình; người lao động nữ sinh con, khen thưởng các cá nhân Lao động giỏi tiêu biểu... Vì vậy, người lao động luôn an tâm công tác, tin tưởng và gắn bó với doanh nghiệp.
- Doanh nghiệp đảm bảo quyền tự do tham gia hoạt động công đoàn của người lao động và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức Công đoàn hoạt động theo Luật công đoàn và Bộ luật Lao động. Thực hiện Nghị định 60 của Chính phủ về thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc, Công đoàn phối hợp với lãnh đạo Công ty tổ chức Hội Nghị người lao động đúng theo qui định, thực hiện Quy chế đối thoại, Quy chế Hội nghị người lao động, bầu Ban đối thoại...
- Ngoài ra doanh nghiệp còn tổ chức thăm hỏi, chăm lo cho người lao động kết hôn, ốm đau, thai sản; chi đám tang tứ thân phụ mẫu, vợ, chồng, con của người lao động. Tất cả các phúc lợi này đều được nêu rõ trong Thỏa ước Lao động, áp dụng với toàn bộ nhân viên Công ty.
- Tổng số tiền chi cho công tác bảo hiểm trong năm 2016, 2017 như sau:

Nội dung	Năm 2016	Năm 2017
Bảo hiểm xã hội	2.912.880.555	2.908.668.214
Bảo hiểm y tế	485.999.874	492.519.545
Bảo hiểm thất nghiệp	161.823.000	164.175.346
Bảo hiểm tai nạn con người 24/24	73.306.451	69.571.990
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.634.009.880</b>	<b>3.634.935.095</b>

Nội dung	Năm 2016	Năm 2017
Chi phí du lịch	1.032.716.000	1.148.000.000
Khám sức khỏe	197.824.000	206.739.000
Trợ cấp thôi việc	802.783.341	2.043.008.338
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.033.323.341</b>	<b>3.397.747.338</b>

## ❖ Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình theo cấp bậc như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016			Năm 2017		
	Quản lý	Nhân viên	Tổng Cộng	Quản lý	Nhân viên	Tổng Cộng
Tổng số giờ đào tạo	690	1.596	2.286	885	690	1.575
Tổng số lao động tham gia	19	46	65	26	16	42
Số giờ đào tạo trung bình	36,3	34,7	35,2	34,03	43,13	37,5

- Trong những năm qua, công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ rất được doanh nghiệp chú trọng. Doanh nghiệp luôn tạo điều kiện tối đa về thời gian và kinh phí để người lao động tham gia các khóa đào tạo nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng làm việc. Kết quả các chương trình đào tạo được đánh giá là khả quan thông qua chuyên biến nhận thức, ứng dụng được vào thực tiễn, góp phần xây dựng hình ảnh mới và làm gia tăng giá trị doanh nghiệp.
- Công tác huấn luyện, đào tạo đội ngũ người lao động phù hợp với chiến lược phát triển trung và dài hạn của doanh nghiệp. Trong năm 2017, Doanh nghiệp đã cử 42 lượt lao động tham gia các khóa đào tạo như nghề nhân sự, báo cáo tài chính hợp nhất, kỹ năng soạn thảo hợp đồng, kiến thức pháp luật dành cho nhà quản lý doanh nghiệp...
- Bên cạnh đó, toàn thể người lao động đều tích cực hưởng ứng và thực hiện tốt cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.
- Một số chương trình đào tạo đã thực hiện trong năm 2017:

Stt	Tên chương trình đào tạo	Số lượng được huấn luyện	Đối tượng được huấn luyện
1	Dẫn chương trình	4	Quản lý + nhân viên
2	Nghề nhân sự	1	Nhân viên
3	Báo cáo tài chính hợp nhất	2	Quản lý + nhân viên
4	Kỹ năng soạn thảo HĐ	2	Quản lý + nhân viên
5	Xử lý và chuẩn hoá về sai phạm hoá đơn chứng từ	2	Quản lý + nhân viên
6	Đo bóc khối lượng và lập dự toán chuyên sâu	1	Nhân viên
7	Kiến thức pháp luật dành cho nhà quản lý Doanh nghiệp	30	Quản lý + nhân viên

## **f) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

### **❖ Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, tuân thủ pháp luật:**

- Doanh nghiệp chấp hành đúng các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước; chấp hành tốt công tác quản lý tài chính và chế độ thông tin báo cáo; thực hiện tốt việc công khai về tài chính và phân phối; thực hiện tốt Nghị quyết số 11 của Chính Phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.
- Doanh nghiệp chấp hành và thực hiện tốt các nghĩa vụ nộp thuế, không để tồn đọng các khoản thuế đối với Nhà nước, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý, sử dụng vốn và tài sản theo quy định của pháp luật và Công ty, trích lập đầy đủ các khoản dự phòng.
- Tổng số tiền thuế Doanh nghiệp đã nộp vào ngân sách Nhà nước năm 2016, 2017 như sau:
  - Năm 2016: 58.731.744.844 đồng.
  - Năm 2017: 48.399.604.521 đồng.

### **❖ Thực hiện nghĩa vụ chi trả cổ tức:**

Đại hội đồng cổ đông được tổ chức chu đáo hàng năm, doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các thủ tục, báo cáo cần thiết để công bố thông tin kịp thời đến cổ đông, nhà đầu tư và người lao động. Ngoài các cuộc tiếp xúc trực tiếp với cổ đông, doanh nghiệp thường xuyên trả lời câu hỏi qua email, điện thoại cho cổ đông và cộng đồng đầu tư nắm rõ các vấn đề về doanh nghiệp. Doanh nghiệp thực hiện việc chi trả cổ tức qua các năm theo đúng tỷ lệ % chia cổ tức được thông qua theo Nghị Quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên.

### **❖ Hoạt động xã hội, cộng đồng:**

- Bên cạnh việc phát triển hiệu quả kinh doanh theo phương hướng nhiệm vụ đề ra, Doanh nghiệp còn quan tâm đến việc thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội, và xem như là nét đẹp văn hoá của doanh nghiệp.
- Trong năm 2017, các hoạt động xã hội từ thiện, hướng đến cộng đồng, đền ơn đáp nghĩa, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng... đã được triển khai và tích cực thực hiện, tiêu biểu như:
  - Phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng ở Bến Tre.
  - Đóng góp quỹ xã hội Tổng Công ty Bến Thành; đóng góp từ thiện cho gia đình chính sách huyện Củ Chi.
  - Đóng góp cứu trợ đồng bào lũ lụt miền Trung.
  - Đóng góp quỹ Vì người nghèo Quận 1, quỹ bảo trợ trẻ em Quận 1.

- Thăm, tặng quà bệnh nhân trại nuôi người già neo đơn, bệnh nhân bệnh viện Ung bướu Thành phố.
- Hỗ trợ các địa phương chăm lo Tết cho người nghèo.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

❖ Tình hình chung năm 2017:

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% và vượt mục tiêu đề ra của năm nay là 6,7%. Bất chấp sự sụt giảm sản lượng khai khoáng và dầu thô, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đạt kết quả khả quan, được thúc đẩy bởi hai động lực là sản xuất định hướng xuất khẩu và tăng tiêu dùng nội địa. Công nghiệp chế biến, chế tạo đã tăng trưởng mạnh trong thời gian qua do các nhà máy FDI đẩy mạnh sản xuất, trong khi khu vực dịch vụ tiếp tục tăng trưởng nhờ sự gia tăng hoạt động bán lẻ, mở rộng cho vay của ngân hàng, cũng như mức tăng trưởng số du khách tới Việt Nam.
- Số liệu năm 2017 so với năm trước: Chi số giá tiêu dùng tăng 3,53%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 10,86%; vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tăng 7,2%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tăng 10,8%; khách quốc tế đến Việt Nam tăng 29,1%.

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu kinh doanh:
  - Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 48,62 tỷ đồng; trong đó công ty mẹ thực hiện 47,30 tỷ đồng, vượt 35,13% kế hoạch ĐHCĐ giao, tăng 22,65% so với năm trước. Nguyên nhân lợi nhuận trước thuế tăng so với năm 2016 chủ yếu là do giá vốn cho thuê bất động sản giảm từ chi phí đi thuê giảm.
  - Tỷ lệ cổ tức: Dự kiến mức chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông là 15% đảm bảo mức chi trả cổ tức theo chỉ tiêu do ĐHCĐ giao năm 2017.
- Những mặt làm được:
  - Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017.
  - Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2017 và lễ kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Công ty.
  - Điều chỉnh giảm đơn giá thuê đất theo Thông tư 333/2016/TT-BTC.
  - Đối với các dự án đầu tư: Đã hoàn thành quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Công trình tại 186-188 Lê Thánh Tôn; Bàn giao Công trình 129-131 Tôn Thất Đạm, Quận 1 đảm bảo an toàn, đúng tiến độ; Hoàn thành thủ tục pháp lý và đã khởi công dự án 361 Trần Hưng Đạo.
  - Tìm kiếm thêm nhiều đối tác mới có tiềm lực nâng cao hiệu quả hoạt động cho thuê tài sản.

- Về hoạt động đầu tư tài chính đã cơ cấu lại danh mục đầu tư đúng theo định hướng phát triển của Hội đồng quản trị; Tham mưu cơ cấu lại nợ vay tại Công ty Thịnh Vượng để duy trì hoạt động và có thêm thời gian để tìm kiếm đối tác chuyển nhượng.
- Phát hành tăng vốn theo đúng tiến độ nghị quyết ĐHĐCĐ từ 106 tỷ lên 135 tỷ đồng.
- Đảm bảo tình hình tài chính của Công ty lành mạnh.
- Duy trì được việc làm và nâng cao thu nhập cho hơn 250 người lao động, đồng thời hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách nhà nước; Thực hiện quy chế phân phối tiền lương mới cho toàn Công ty từ 01/01/2017.
- Công tác đào tạo, huấn luyện luôn được duy trì thường xuyên đáp ứng được nhu cầu phát triển.

## 2. Tình hình tài chính:

### a) Tình hình tài sản:

#### - Tài sản cố định:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>201.384</b>	<b>59.469</b>	<b>141.915</b>	<b>70,47</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	169.701	34.222	135.479	79,83
Máy móc thiết bị	25.686	20.912	4.774	18,59
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5.520	4.031	1.489	26,97
Thiết bị, dụng cụ quản lý	477	304	173	36,27
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>25.291</b>	<b>230</b>	<b>25.061</b>	<b>99,09</b>
Phần mềm vi tính	425	230	195	45,88
Quyền sử dụng đất	24.866	-	24.866	100,00
<b>Chi phí XDCB dở dang</b>	<b>34.094</b>		<b>34.094</b>	<b>100,00</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>260.769</b>	<b>59.699</b>	<b>201.070</b>	<b>77,11</b>

- Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2015		31/12/2016		31/12/2017	
	Tổng số	Trong đó quá hạn	Tổng số	Trong đó quá hạn	Tổng số	Trong đó quá hạn
Phải thu khách hàng	408	-	353	-	348	-
Trả trước cho người bán (*)	1.796	-	550	-	27.542	-
Các khoản phải thu khác	957	-	1.746	-	2.091	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn			5.000		-	
<b>Tổng các khoản phải thu</b>	<b>3.161</b>	<b>-</b>	<b>7.649</b>	<b>-</b>	<b>29.981</b>	<b>-</b>
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Số dư chi tiêu Trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2017 tăng mạnh chủ yếu do khoản ứng trước tiền cho nhà thầu thực hiện công trình 129-131 Tôn Thất Đạm.

**b) Tình hình nợ phải trả:**

- Doanh nghiệp hiện không có các khoản nợ phải thanh toán quá hạn nào. Doanh nghiệp luôn thanh toán đúng và đầy đủ các khoản nợ của Doanh nghiệp khi đến hạn. Căn cứ báo cáo kiểm toán các năm 2015, 2016 và 2017 Doanh nghiệp đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

- Tổng dư nợ ngân hàng:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2015		31/12/2016		31/12/2017	
	Giá trị	% dư nợ vay	Giá trị	% dư nợ vay	Giá trị	% dư nợ vay
Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	11.907	91,66	9.739	100	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.084	8,34	-	-	-	-
<b>Tổng dư nợ vay</b>	<b>12.991</b>	<b>100</b>	<b>9.739</b>	<b>100</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



- **Nợ ngắn hạn:**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2015		31/12/2016		31/12/2017	
	Tổng số	Trong đó quá hạn	Tổng số	Trong đó quá hạn	Tổng số	Trong đó quá hạn
Phải trả người bán	27.204	-	31.891	-	24.608	-
Người mua trả tiền trước	5.917	-	4.254	-	4.192	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.877	-	6.711	-	10.396	-
Phải trả người lao động	11.407	-	7.457	-	14.040	-
Chi phí phải trả	346	-	291	-	132	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	258	-	60	-	60	-
Phải trả ngắn hạn khác	573	-	392	-	817	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.084	-	-	-	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.302	-	5.296	-	3.089	-
<b>Tổng các khoản phải trả</b>	<b>52.968</b>	<b>-</b>	<b>56.352</b>	<b>-</b>	<b>57.334</b>	<b>-</b>
Dự phòng phải trả	-	-	-	-	-	-

- **Nợ dài hạn:**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2015		31/12/2016		31/12/2017	
	Tổng số	Trong đó quá hạn	Tổng số	Trong đó quá hạn	Tổng số	Trong đó quá hạn
Phải trả dài hạn khác	22.954	-	61.381	-	90.390	-
Doanh thu chưa thực hiện DH	-	-	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính DH	11.907	-	9.739	-	-	-
<b>Tổng các khoản phải trả</b>	<b>34.861</b>	<b>-</b>	<b>71.120</b>	<b>-</b>	<b>90.390</b>	<b>-</b>
Dự phòng phải trả	-	-	-	-	-	-

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:**

- Trong năm 2017, Công ty đã tiến hành sửa đổi, bổ sung quy định đánh giá hiệu quả công việc người lao động phù hợp với tình hình thực tế nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng lao động tại doanh nghiệp, góp phần tăng năng suất lao động.
- Thực hiện hoàn tất lưu trữ hồ sơ điện tử của toàn thể người lao động tại doanh nghiệp, góp phần hiệu quả trong việc lưu trữ, trích lục hồ sơ người lao động được nhanh chóng, chính xác.
- Hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu của Công ty và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động; thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

### **4. Công tác quản trị tại doanh nghiệp:**

#### **❖ Thực hiện các dự án đầu tư:**

- Phối hợp với nhà thầu, đơn vị kiểm toán hoàn thành quyết toán vốn dự án 186-188 Lê Thánh Tôn.
- Với dự án 129 – 131 Tôn Thất Đạm đã hoàn tất thi công hoàn thành cơ bản, bàn giao cho đối tác thực hiện công tác hoàn thiện và có doanh thu từ 01/7/2017.
- Dự án 361 Trần Hưng Đạo đã được cấp phép xây dựng và tiến hành khởi công trong tháng 9/2017.
- Dự án 152-154 Võ Văn Kiệt đang trình phương án kinh doanh để có thể phối hợp cùng đối tác chuẩn bị thủ tục để thực hiện dự án trong năm 2018.
- Tích cực liên hệ với các Sở ban ngành để hoàn thành việc điều chỉnh đơn giá thuê đất theo Thông tư 333/2016/TT-BTC cho 29 mặt bằng kể từ 01/01/2017 và cấp đổi sổ cho một số mặt bằng, giúp công ty mạnh dạn hơn trong việc đầu tư, phát triển các dự án.

#### **❖ Công tác kinh doanh:**

Doanh nghiệp đã tích cực tìm kiếm thêm các đối tác mới và đàm phán với các khách hàng sắp hết hạn hợp đồng thuê để điều chỉnh tăng giá cho thuê phù hợp với tình hình thị trường nhằm mang lại hiệu quả cao hơn cho doanh nghiệp, tích cực trong việc giải quyết hàng tồn đọng, chậm luân chuyển nhằm giảm dự trữ tồn kho, giảm lãi vay, tăng hiệu quả kinh doanh.

#### **❖ Công tác hành chính:**

- Sắp xếp lại kho tàng hợp lý, giảm diện tích làm kho để tăng diện tích khai thác kinh doanh.
- Thực hành công tác tiết kiệm chống lãng phí trong chi tiêu mua sắm vật dụng văn phòng, vật dụng tiếp tân, vệ sinh, văn phòng phẩm... sử dụng thiết bị tiết kiệm

điện năng; khoán định mức hàng tháng chi phí điện thoại, xăng đi công tác cho nhân viên.

## **5. Kế hoạch phát triển:**

### **❖ Dự báo tình hình:**

- Tăng trưởng kinh tế năm 2018 ở nước ta theo chỉ tiêu của Quốc hội đề ra là 6,5 - 6,7%, tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%.
- Các vấn đề xoay quanh việc căng thẳng ở Biển Đông vẫn còn diễn biến phức tạp.
- Các chi phí đầu vào nhiều khả năng tăng: xăng, dầu, điện, nước được điều chỉnh theo giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch của đơn vị. Ngoài ra, việc giao cho TP.HCM cơ chế đặc thù, trong đó được quyền tăng mức thuế hoặc thuế suất đối với một số hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường; quyết định tăng phí, lệ phí trên địa bàn hoặc áp dụng các loại phí, lệ phí chưa có trong danh mục sẽ ít nhiều ảnh hưởng chi phí đầu vào của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.
- Thường xuyên cập nhật các thông tin về dự án xây dựng tuyến Metro khu vực Chợ Bến Thành để các đơn vị chủ động hơn trong kế hoạch dự trữ hàng hoá phù hợp với tình hình kinh doanh doanh trên địa bàn Chợ.
- Hoạt động của Công ty Thịnh Vượng tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm khách thuê làm ảnh hưởng đến dòng thu nhập của Công ty.

### **❖ Mục tiêu**

- Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2017, Doanh nghiệp sẽ tiếp tục duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, huy động mọi nguồn lực, tập trung các giải pháp điều hành nhằm phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018. Cụ thể:
  - Tổng doanh thu: 310 tỷ
  - Lợi nhuận trước thuế: 45 tỷ
  - Cổ tức tối thiểu: 15%
- Khai thác các mô hình kinh doanh mới; Phát triển sản phẩm mới, riêng biệt, nâng cao giá trị thương hiệu.
- Đẩy nhanh tiến độ khởi công, xây dựng các dự án
- Đảm bảo tình hình tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.
- Duy trì ổn định việc làm, đảm bảo thu nhập, đời sống của người lao động.

### **❖ Giải pháp:**

- **Hoạt động kinh doanh:**
  - Chú trọng nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ hậu mãi; Giảm lượng hàng tồn kho chậm luân chuyển tại Trung Tâm Dân Sinh; Giảm nhập khẩu những ngành hàng nhiều rủi ro; Phát triển sản phẩm mới góp phần quảng bá uy tín,

hình ảnh Công ty đến với khách hàng nhằm nâng cao giá trị thương hiệu, nghiên cứu phát triển loại hình thương mại điện tử.

- Tăng cường công tác dự báo tình hình thị trường, đặc biệt là tỷ giá USD/VND để phòng tránh các rủi ro liên quan đến hoạt động kinh doanh thương mại và các hoạt động khác của công ty.
- Thường xuyên phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động của một số đơn vị trực thuộc, tái cơ cấu tổ chức và hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Khai thác tối đa bất động sản hiện có trên cơ sở đầu tư, nâng cấp mở rộng để tăng hiệu quả. Nghiên cứu, đàm phán mua lại phần diện tích nhà của các hộ sử dụng chung theo chủ trương của Hội đồng quản trị công ty để gia tăng giá trị tài sản dài hạn.
- **Thực hiện các dự án đầu tư:**
  - Trong năm 2018, Công ty sẽ tiếp tục cố gắng cùng với các nhà thầu, công ty kiểm toán quyết toán vốn dự án tại 129 – 131 Tôn Thất Đạm; Đưa dự án 361 Trần Hưng Đạo, vào khai thác đảm bảo an toàn, đúng tiến độ; Hoàn thành thủ tục pháp lý để khởi công xây dựng công trình 152-154 Võ Văn Kiệt và tiếp tục hoàn thành hồ sơ cấp đổi sổ cho 07 mặt bằng còn lại.
  - Nghiên cứu và đề xuất đầu tư nâng cấp sửa chữa các mặt bằng để gia tăng giá trị tài sản kinh doanh, khai thác sử dụng.
- **Tài chính:**
  - Đầu tư, liên kết, hợp tác mở rộng vào các lĩnh vực hoạt động phù hợp với định hướng chiến lược phát triển của Công ty.
  - Chú trọng công tác quản trị rủi ro, kiểm soát tồn kho, công nợ, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh toàn Công ty.
  - Thường xuyên thực hiện công tác dự báo về kinh tế vĩ mô để hạn chế tối đa những rủi ro thiệt hại của Công ty.
- **Nguồn nhân lực:**
  - Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật và thỏa ước lao động tập thể tại doanh nghiệp.
  - Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn bộ máy nhân sự của Công ty, chuẩn bị nhân sự kế thừa trong những năm tiếp theo.
  - Xây dựng định mức lao động của toàn doanh nghiệp.
  - Tiếp tục tổ chức các chương trình huấn luyện và đào tạo cho người lao động phù hợp với mục tiêu phát triển của từng thời kỳ và chiến lược phát triển dài hạn của doanh nghiệp nhằm đáp ứng đủ nguồn nhân lực theo yêu cầu phát triển hoạt động kinh doanh tại đơn vị.
  - Ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế liên quan đến công tác quản trị nhân sự phù hợp với tình hình thực tế tại doanh nghiệp.

▪ **Quản trị hành chính:**

- Thực hành tiết kiệm trong mua sắm vật dụng, trong sử dụng điện, nước và các trang thiết bị khác.
- Thực hành có hiệu quả công tác lưu trữ hồ sơ trên hệ thống điện tử nhằm phục vụ kịp thời yêu cầu hoạt động chung của doanh nghiệp.
- Duy trì và phát huy công tác bảo vệ an ninh trật tự, an toàn vệ sinh lao động, an toàn phòng, chống cháy nổ, bảo vệ tài sản và con người trong toàn Công ty.
- Xây dựng tinh thần làm việc nhóm cho người lao động tại bộ phận nhằm đáp ứng yêu cầu kịp thời, chính xác và có hiệu quả trong các hoạt động chung của doanh nghiệp.

▪ **Công tác quản trị khác:**

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý để gia hạn thời gian thuê đất của các thửa đất sắp đến hạn để chủ động hơn trong các hoạt động đầu tư, khai thác, nâng cao lợi nhuận.
- Sửa đổi Quy chế quản trị Công ty, Điều lệ Công ty phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.
- Thường xuyên sửa đổi, bổ sung kịp thời các quy trình làm việc cho phù hợp, đạt hiệu quả, hiệu suất cao; Nghiên cứu ứng dụng sử dụng hóa đơn điện tử thí điểm tại Văn phòng công ty; Chủ động trong việc ứng phó với những thay đổi về chính sách thuế.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

- HĐQT đã thực hiện phối hợp tốt với Ban Kiểm soát trong việc giám sát, hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Với nhận định năm 2018, tuy tình hình kinh tế trong nước có những chuyển biến tích cực nhưng doanh nghiệp vẫn còn phải đối mặt với những thách thức, những diễn biến khó lường ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp, Hội đồng quản trị chủ trương đề ra các mục tiêu định hướng phát triển Công ty theo hướng ổn định bền vững, bám sát theo diễn biến thực tế hoạt động của doanh nghiệp, tập trung chỉ đạo Ban điều hành trong hoạt động để thực hiện hoàn thành và vượt các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao, đảm bảo quyền lợi của quý cổ đông.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt chức năng và hoàn thành tốt nhiệm vụ:

- Thực hiện đúng chức năng quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh của công ty; kịp thời đưa ra các giải pháp và quyết định thuộc thẩm quyền phù hợp với tình

hình thực tế của doanh nghiệp; hoàn thành và vượt các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2017.

- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được triển khai nhanh chóng và đạt hiệu quả khá cao.
- Các ý kiến tham mưu, đề xuất phù hợp định hướng phát triển của doanh nghiệp và tình hình thực tế, góp phần quan trọng đem lại kết quả kinh doanh khá quan trọng những năm qua.
- Báo cáo đầy đủ và cung cấp thông tin cho HĐQT được thực hiện thường xuyên đã phục vụ kịp thời công tác chỉ đạo, góp ý của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc để tháo gỡ những khó khăn trong hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp.

### 3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Kế hoạch lợi nhuận trước thuế công ty mẹ:

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	% tăng giảm so với năm 2017
Lợi nhuận trước thuế	47,30	45	-9,23%
Tỷ lệ cổ tức chi trả	Dự kiến 15%	Tối thiểu 15%	

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:
  - Chỉ đạo, quản trị hoạt động của doanh nghiệp tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 do Đại hội đồng cổ đông giao.
  - Tăng cường công tác dự báo, đánh giá kịp thời những biến động thị trường để có những giải pháp kịp thời đối với từng đơn vị, từng lĩnh vực.
  - Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn doanh nghiệp an toàn, hiệu quả, đáp ứng được mục tiêu sản xuất kinh doanh.
  - Chỉ đạo Ban điều hành tăng cường kiểm soát chi phí hiệu quả, tăng cường công tác quản trị rủi ro của toàn doanh nghiệp, kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho.
  - Tiếp tục cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tiên tiến để đáp ứng đủ lực cho việc quản trị hệ thống với quy mô phát triển ngày một lớn mạnh.
  - Tiếp tục khai thác lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh bán lẻ để giữ vững thị trường hiện có và gia tăng lợi nhuận, nâng cao uy tín thương hiệu; đồng thời, nâng cao chất lượng phục vụ và chú trọng dịch vụ hậu mãi.

- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới để gia tăng thị phần: phát triển sản phẩm, lĩnh vực mới; tiếp tục mở rộng mạng lưới kinh doanh thông qua tự đầu tư và hợp tác đa sở hữu vốn.
- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng công trình tại 361 Trần Hưng Đạo để hoàn thành và đưa vào khai thác trong năm 2018.
- Chỉ đạo chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực, đội ngũ kế thừa của doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu chiến lược phát triển kinh doanh trong giai đoạn mới.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và các quy chế khác.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị:

#### a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

HỌ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP NĂM GIỮ		Tỷ lệ % CP năm giữ	Ghi chú
		Số CP đại diện	Số CP cá nhân sở hữu		
1. Ông Phan Văn Quang	Chủ tịch	1.676.447	60.634	12,87	TV, Không điều hành
2. Ông Trần Cảnh Thông	Thành viên	0	774.585	5,74	TV, Không điều hành
3. Ông Vũ Hoàng Tuấn	Thành viên	1.117.631	43.804	8,6	TV, Không điều hành
4. Ông Đỗ Ngọc Đông	Thành viên	0	183.886	1,36	TV, Không điều hành
5. Ông Trần Hữu Hoàng Vũ	Thành viên	1.117.631	59.267	8,72	TV, Điều hành

#### ❖ Ông PHAN VĂN QUANG – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bến Thành - TNHH MTV.
  - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Liên Doanh Khách sạn Plaza.
  - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch Huế.
  - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bến Thành – Mũi Né.

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2017 là: 1.737.081 cổ phần.  
Trong đó:

- Cá nhân: 60.634 cổ phần, chiếm 0,45% vốn điều lệ
- Đại diện: 1.676.447 cổ phần, chiếm 12,42% vốn điều lệ

- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
Tổng Công ty Bến Thành - TNHH MTV	Chủ tịch HĐQT	5.588.157 cổ phần

❖ Ông TRẦN HỮU HOÀNG VŨ – Thành viên Hội đồng quản trị

(Hồ sơ chi tiết đã được thể hiện ở trang 18)

❖ Ông TRẦN CẢNH THÔNG – Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Giám đốc tài chính Công ty TNHH “Kaluzskaia obuv”

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2017 là: 774.585 cổ phần;  
Trong đó:

- Cá nhân: 774.585 cổ phần, chiếm 5,74% vốn điều lệ
- Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
Ngô Thị Thái	Vợ	638.080 cổ phần

❖ Ông VŨ HOÀNG TUẤN – Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Giám đốc Kiểm soát nội bộ Tổng Công ty Bến Thành - TNHH MTV
- Trưởng Ban Kiểm soát CTCP XNK Giày dép Nam Á.
- Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Du lịch Bến Thành – Non Nước.

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2017 là: 1.161.435 cổ phần;  
Trong đó:

- Cá nhân: 43.804 cổ phần, chiếm 0,32% vốn điều lệ
- Đại diện: 1.117.631 cổ phần, chiếm 8,28 % vốn điều lệ

- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
Tổng Công ty Bến Thành - TNHH MTV	Giám đốc KSNB	5.588.157 cổ phần



❖ Ông ĐỖ NGỌC ĐÔNG – Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - Thành viên HĐQT CTCP Du lịch Bến Thành – Non nước.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2017 là: 183.886 cổ phần;  
Trong đó:
  - Cá nhân: 183.886 cổ phần, chiếm 1,36% vốn điều lệ
  - Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

❖ Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017:

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao và thực hiện theo đúng quy định tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017. Hội đồng quản trị Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật trong hoạt động quản trị. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên và thường xuyên được kiểm tra, kiểm soát việc triển khai thực hiện và kết quả thực hiện. Từng thành viên Hội đồng quản trị đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị hoạt động doanh nghiệp theo đúng định hướng phát triển, hành động vì lợi ích cổ đông và vì sự phát triển chung của doanh nghiệp.

❖ Các hoạt động khác của HĐQT năm 2017:

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 phiên họp để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Phiên họp Hội đồng quản trị được mở rộng tham gia dự họp của Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng công ty. Nội dung các cuộc họp gồm:

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Tại phiên họp lần 01/2017	22/3/2017	<ul style="list-style-type: none"><li>- Xem xét mức trích khấu hao tài sản cố định năm 2017.</li><li>- Xem xét phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 của Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny.</li><li>- Xem xét dự thảo Tài liệu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.</li></ul>

<b>STT</b>	<b>Nghị quyết/Quyết định</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung</b>
2	Tại phiên họp lần 02/2017	18/5/2017	- Thông qua việc vay vốn hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh 1, TP HCM.
3	Tại phiên họp lần 3/2017	29/6/2017	- Thông qua việc vay vốn hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – chi nhánh TP HCM.
4	Tại phiên họp lần 4/2017	20/7/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua báo cáo về tình hình hoạt động Hội đồng quản trị Công ty 06 tháng đầu năm 2017 và phương hướng hoạt động 06 tháng cuối năm 2017.</li> <li>- Thông qua báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh Công ty 06 tháng đầu năm 2017 và phương hướng hoạt động 06 tháng cuối năm 2017.</li> <li>- Chấp thuận mua cổ phần do Công ty cổ phần Đầu tư Thịnh Vượng phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ.</li> <li>- Chấp thuận chủ trương cho thuê nhà tại 1-3 Phan Chu Trinh, phường Bến Thành, quận 1.</li> <li>- Thông qua việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2016 và đợt 1 năm 2017 và phát hành cổ phiếu thương để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.</li> </ul>
5	Tại phiên họp lần 5/2017	06/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua báo cáo về tình hình hoạt động Hội đồng quản trị Công ty 09 tháng đầu năm 2017 và phương hướng hoạt động 03 tháng cuối năm 2017.</li> <li>- Thông qua báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh Công ty 09 tháng đầu năm 2017 và phương hướng hoạt động 03 tháng cuối năm 2017.</li> </ul>
6	Tại phiên họp lần 6/2017	09/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty.</li> <li>- Thông qua phương án xử lý số cổ phiếu của cá nhân được duyệt mua nhưng từ chối mua.</li> <li>- Thông qua việc tiến hành đăng ký thay</li> </ul>

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
			<p>đòi nội dung đăng ký doanh nghiệp về việc tăng vốn điều lệ; sửa đổi điều lệ Công ty phù hợp với vốn điều lệ mới; đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm sau khi hoàn tất việc phát hành.</p> <p>- Thông qua Quy chế thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty.</p>

Ngoài ra, trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức 20 lần lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị để xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phát sinh giữa 02 phiên họp. Cụ thể đã ban hành các quyết định sau:

- **Về nhân sự:**

- Cử ông Trần Hữu Hoàng Vũ kiêm giữ chức vụ Chủ tịch Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny.
- Cử bà Nguyễn Thị Mai Trâm kiêm giữ nhiệm vụ Kiểm soát viên tại Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny.

- **Về đầu tư:**

- Phê duyệt điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí trong tổng dự toán công trình “Sửa chữa nâng cấp Trung tâm Vàng bạc đá quý Bến Thành” và công trình “Gia cường toàn bộ hiện trạng kết cấu tòa nhà” tại 186 – 188 Lê Thánh Tôn.
- Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành các công trình:
  - + Công trình “Trụ sở văn phòng Công ty” tại 2-4-6 Lưu Văn Lang.
  - + Công trình “Sửa chữa nâng cấp Trung tâm Vàng bạc đá quý Bến Thành”.
  - + Công trình “Gia cường toàn bộ hiện trạng kết cấu tòa nhà” tại 186 – 188 Lê Thánh Tôn.
  - + Công trình “Khách sạn và cửa hàng kinh doanh” tại 186 – 188 Lê Thánh Tôn.
- Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình “Cửa hàng kinh doanh” tại 361 Trần Hưng Đạo.
- Đầu tư tài chính: phê duyệt tăng vốn điều lệ Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny, mua thêm cổ phần CTCP Đầu tư Thịnh Vượng và mua cổ phần CTCP Bến Thành – Mùi Né.

- **Các quyết định khác:**

- Phê duyệt kế hoạch mua bảo hiểm mọi rủi ro tài sản năm 2017 của công ty.
- Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2017 của công ty.
- Phê duyệt dự toán quỹ phúc lợi của công ty năm 2017.
- Phê duyệt thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Phê duyệt mức trích khấu hao tài sản cố định năm 2017.
- Ủy quyền phê duyệt mức trích khấu hao tài sản cố định hằng năm.
- Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quy chế chi hoa hồng môi giới.
- Phê duyệt việc đăng ký tăng vốn điều lệ Công ty và sửa đổi Điều lệ Công ty do phát hành cổ phiếu thưởng và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
- Phê duyệt triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
- Phê duyệt ban hành Quy chế thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

Trình HĐQT xem xét thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2017, phân phối lợi nhuận năm 2016, chọn đơn vị kiểm toán, thù lao HĐQT và BKS năm 2017, phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và chương trình ESOP.

Thực hiện việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức đợt 2 – năm 2016, chi trả cổ tức đợt 1 – năm 2017 và trả cổ phiếu thưởng do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông đợt 2 – năm 2016 với tỷ lệ 10%, chi trả cổ tức đợt 1 – năm 2017 với tỷ lệ 8%.

Thực hiện các thủ tục liên quan để tăng vốn điều lệ từ 10.600.000 cổ phần lên 12.878.703 cổ phần và từ 12.878.703 cổ phần lên 13.500.000 cổ phần, đồng thời lưu ký bổ sung số cổ phần tăng thêm.

Thực hiện công bố thông tin, các báo cáo quản trị cho các cơ quan chức năng theo đúng quy định pháp luật.

Thực hiện phối hợp tốt với Ban Kiểm soát tiếp tục giám sát nhằm duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác để đảm bảo thực hiện đúng Nghị quyết HĐQT và các quyết định của HĐQT.

Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và các qui định pháp luật liên quan.

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:**

Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị và cho ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị.

**e) Các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

Phần lớn các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia chương trình đào tạo quản trị cho các Công ty Cổ phần Đại chúng và được Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học vào năm 2010.

**2. Ban kiểm soát:**

**a) Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:**

HỌ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP NĂM GIỮ		Tỷ lệ % CP năm giữ	Ghi chú
		Số CP đại diện	Số CP cá nhân sở hữu		
1. Ông Lê Minh Phú	Trưởng ban	558.817	12.200	4,23	
2. Bà Lê Thị Yến Tuyết	Thành viên	0	53.117	0,39	
3. Bà Lê Trần Quỳnh Thư	Thành viên	0	9.800	0,07	

**❖ Ông LÊ MINH PHÚ – Trưởng Ban Kiểm soát**

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2017 là: 571.017 cổ phần;  
Trong đó:
  - Cá nhân: 12.200 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ
  - Đại diện: 558.817 cổ phần, chiếm 4,14% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
Tổng Công ty Bến Thành - TNHH MTV	Chuyên viên P. Tài chính – Kế hoạch	5.588.157 cổ phần

❖ Bà LÊ THỊ YẾN TUYẾT – Thành viên Ban Kiểm soát

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2017 là: 53.117 cổ phần; Trong đó:

- Cá nhân: 53.117 cổ phần, chiếm 0,39% vốn điều lệ
- Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có

❖ Bà LÊ TRẦN QUỲNH THU – Thành viên Ban Kiểm soát

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2017 là: 9.800 cổ phần; Trong đó:

- Cá nhân: 9.800 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ
- Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Căn cứ theo các quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, trong năm 2017 Ban Kiểm soát đã tiến hành triển khai hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ của ban. Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch; xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên mọi hoạt động của công ty, cụ thể:

❖ Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị

- Xem xét, đánh giá hoạt động của HĐQT, ban Tổng Giám đốc liên quan đến việc thực hiện kế hoạch của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Kiểm tra tính tuân thủ của Hội đồng quản trị, ban điều hành, các đơn vị và bộ phận trực thuộc.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, quyết định của HĐQT và các quy định của Công ty.

❖ Các cuộc họp của Ban Kiểm soát năm 2017

- Trong năm 2017, Ban kiểm soát họp 2 lần với 100% thành viên tham dự.

❖ Phối hợp của Ban Kiểm soát với hoạt động của Hội đồng Quản trị

- Định kỳ hàng quý kiểm tra và phân tích báo cáo tài chính, xem xét đánh giá các hoạt động trọng yếu của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót. Từ đó góp ý công tác quản trị, kiến nghị giải pháp phù hợp, những biện pháp hạn chế rủi ro trong lĩnh vực kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp.

- Kiểm tra, đánh giá báo cáo về tình hình tài chính hàng quý của Công ty nhằm đánh giá kịp thời, hợp lý các số liệu tài chính.
- Tư vấn HĐQT trong việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM là đơn vị kiểm toán độc lập kiểm tra báo cáo tài chính năm 2017.
- Xem xét việc thực hiện quy trình, trình tự và thủ tục hồ sơ các dự án đầu tư của Công ty. Tham gia rà soát kiểm tra các công trình Công ty đang triển khai thi công xây dựng, sửa chữa lớn.
- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, BHXH, BHYT và các nghĩa vụ tài chính khác.
- Giám sát công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật; xem xét tính minh bạch trong quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.
- Kiểm tra các văn bản nội bộ ban hành.
- Nhìn chung, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát được HĐQT và Ban điều hành tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát:

#### a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

STT	DIỄN GIẢI	Lương (đồng/năm)	Thù lao (đồng/năm)	Thưởng (đồng/năm)
01	HĐQT và Ban Kiểm soát	0	540.000.000	1.280.000.000
02	Ban Tổng Giám đốc	1.485.903.334	0	850.000.000

#### b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và những người liên quan của cổ đông nội bộ:

S T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sơ hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sơ hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Hữu Hoàng Vũ	Cổ đông nội bộ	0	0%	220	0,002%	Giao dịch mua do nhu cầu cá nhân

S T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đồng nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
2	Phan Văn Quang	Cổ đồng nội bộ	12.045	0,11%	14.634	0,11%	Nhận cổ phiếu thưởng cho cổ đồng hiện hữu
3	Vũ Hoàng Tuấn	Cổ đồng nội bộ	7.658	0,07%	9.304	0,07%	Nhận cổ phiếu thưởng cho cổ đồng hiện hữu
4	Đỗ Ngọc Đông	Cổ đồng nội bộ	122.952	1,16%	149.386	1,16%	Nhận cổ phiếu thưởng cho cổ đồng hiện hữu
5	Trần Cảnh Thông	Cổ đồng nội bộ	608.959	5,74%	739.885	5,74%	Nhận cổ phiếu thưởng cho cổ đồng hiện hữu
6	Lê Thị Yên Tuyết	Cổ đồng nội bộ	35.652	0,34%	43.317	0,34%	Nhận cổ phiếu thưởng cho cổ đồng hiện hữu
7	Trần Hữu Hoàng Vũ	Cổ đồng nội bộ	220	0,002%	267	0,002%	Nhận cổ phiếu thưởng cho cổ đồng hiện hữu
8	Phạm Hoàng Nam	Cổ đồng nội bộ	55	0,001%	66	0,001%	Nhận cổ phiếu thưởng cho cổ đồng hiện hữu
9	Nguyễn Thị Mai Trâm	Cổ đồng nội bộ	4.116	0,04%	5.000	0,04%	Nhận cổ phiếu thưởng cho cổ đồng hiện hữu
10	Huỳnh Thị Thu	Cổ đồng nội bộ	2.168	0,02%	2.634	0,02%	Nhận cổ phiếu thưởng cho cổ đồng hiện hữu
11	Nguyễn Khắc Cường	Cổ đồng nội bộ	1.000	0,01%	1.215	0,01%	Nhận cổ phiếu thưởng cho cổ đồng hiện hữu
12	Phan Văn Quang	Cổ đồng nội bộ	14.634	0,11%	60.634	0,45%	Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP
13	Vũ Hoàng Tuấn	Cổ đồng nội bộ	9.304	0,07%	43.804	0,32%	Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP
14	Đỗ Ngọc Đông	Cổ đồng nội bộ	149.386	1,16%	183.886	1,36%	Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP
15	Trần Cảnh Thông	Cổ đồng nội bộ	739.885	5,74%	774.585	5,74%	Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP



S T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đồng nội bộ	Số cổ phiếu sơ hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sơ hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
16	Lê Minh Phú	Cổ đồng nội bộ	0	0%	12.200	0,09%	Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP
17	Lê Thị Yên Tuyết	Cổ đồng nội bộ	43.317	0,34%	53.117	0,39%	Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP
18	Lê Trần Quỳnh Thư	Cổ đồng nội bộ	0	0%	9.800	0,07%	Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP
19	Trần Hữu Hoàng Vũ	Cổ đồng nội bộ	267	0,002%	59.267	0,44%	Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP
20	Phạm Hoàng Nam	Cổ đồng nội bộ	66	0,001%	40.866	0,3%	Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP
21	Nguyễn Thị Mai Trâm	Cổ đồng nội bộ	5.000	0,04%	60.200	0,45%	Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP
22	Huỳnh Thị Thu	Cổ đồng nội bộ	2.634	0,02%	58.834	0,44%	Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP
23	Nguyễn Khắc Cường	Cổ đồng nội bộ	1.215	0,01%	26.115	0,19%	Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP

*c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ và những người liên quan của cổ đông nội bộ: Không có.*

*d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng quản trị Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017 Công ty cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành (đính kèm phụ lục)
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 Công ty cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành (vui lòng xem trên trang web: [www.benthanhtsc.com.vn](http://www.benthanhtsc.com.vn)) *lu*

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2018*

Xác nhận của đại diện theo pháp luật *gou*



**Trần Hữu Hoàng Vũ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
BẾN THÀNH

## MỤC LỤC

\*\*\*

---

	16-02
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN TỰ LẬP	04
3. BẢNG CÂN BỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10-11
6. BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH LỢP NHÃI	12-18

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN TRẠNG

## BÁI CÁI CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày 26/05/2024 (Số báo cáo: 01/2024/BCTG)

Ban Tổng Giám Đốc xin báo cáo về tình hình kinh doanh, tài chính và các chỉ tiêu quản lý của Công ty trong năm 2023.

### I. Tổng quan công ty trong năm

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Trạng (sau đây gọi tắt là Công ty). Địa chỉ: 123 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Mã số thuế: 0312345678. Ngày 20/05/2024. Số báo cáo: 01/2024/BCTG. Ban Tổng Giám Đốc: Ông Nguyễn Văn A, Ông Nguyễn Văn B, Ông Nguyễn Văn C. Năm báo cáo: 2023. Ngày lập báo cáo: 26/05/2024. Đơn vị: Bến Trạng.

Ban Tổng Giám Đốc xin báo cáo về tình hình:

Hoạt động kinh doanh Công ty

Mục tiêu kinh doanh năm 2023 là tăng trưởng doanh thu, cải thiện hiệu quả hoạt động tài chính, và duy trì uy tín thương hiệu. Công ty đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong năm 2023, vượt qua những thách thức kinh tế và thị trường. Các chỉ tiêu chính của báo cáo này bao gồm: doanh thu, lợi nhuận, chi phí, và các chỉ số tài chính khác. Công ty đã duy trì được vị thế vững chắc trên thị trường và tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động. Các chỉ số tài chính thể hiện sự ổn định và hiệu quả trong việc quản lý tài chính. Công ty cũng đã đầu tư vào nghiên cứu và phát triển để nâng cao năng lực cạnh tranh. Các chỉ số nhân sự và văn hóa doanh nghiệp cũng được chú trọng, góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty. Các chỉ số khác như chi phí, lợi nhuận, và các chỉ số tài chính khác cũng được phân tích chi tiết. Công ty đã duy trì được vị thế vững chắc trên thị trường và tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động. Các chỉ số tài chính thể hiện sự ổn định và hiệu quả trong việc quản lý tài chính. Công ty cũng đã đầu tư vào nghiên cứu và phát triển để nâng cao năng lực cạnh tranh. Các chỉ số nhân sự và văn hóa doanh nghiệp cũng được chú trọng, góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.

Kính mong Ban Giám Đốc và Quý Khách hàng thông cảm.

Trụ sở: 123 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

Công ty xin cảm ơn Quý Khách hàng đã tin tưởng và ủng hộ Công ty trong năm 2023.

Trưởng Ban Tổng Giám Đốc: Ông Nguyễn Văn A  
Ban Tổng Giám Đốc

Ông Nguyễn Văn B (Chức vụ)

100%

### 2. Tình hình tài chính và lợi nhuận trong năm

Tình hình tài chính và lợi nhuận của Công ty trong năm 2023 được thể hiện qua các chỉ số sau đây:

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

CỦA CÔNG TY VÀO NGÀY 17 tháng 12 năm 2017

**3. Tình hình Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Được đưa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

**Hội đồng Quản trị**

Ông NGUYỄN VĂN QUANG	Chủ tịch
Ông ĐỖ VĂN HỮU HUÂN VŨ	Thành viên
Ông NGUYỄN VĂN TIẾN	Thành viên
Ông TRẦN VĂN THỈNH	Thành viên
Ông ĐỖ VĂN ĐÔNG	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông LÊ VĂN HỮU	Chủ tịch
Bà LÊ THUYỀN TUYẾT	Thành viên
Bà T. TRẦN NGUYỄN MIỆT	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông TRẦN VĂN HỮU HUÂN VŨ	Tổng Giám đốc
Ông NGUYỄN VĂN TIẾN	Hành Tổng Giám đốc
Bà NGUYỄN THỊ HAI THÂM	Hành Tổng Giám đốc
Bà NGUYỄN THỊ THÙY	Hành Tổng Giám đốc
Ông NGUYỄN VĂN ĐÔNG	Kế toán trưởng

Ngay lập tức đưa pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông ĐỖ VĂN HỮU HUÂN VŨ	Chủ tịch
------------------------	----------

**4. Các bằng tài liệu không có**

**5. Kế toán độc lập**

Công ty ĐƯỢC KẾ TOÁN ĐỘC LẬP TỰ TẠO (TỰ CHẤM SỬ) được chỉ định là kế toán độc lập của công ty kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**6. Các hoạt động của Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc có các hoạt động được thể hiện chi tiết như sau như kế hoạch trong năm và kỳ bị phê duyệt và chấp thuận của Hội đồng Quản trị: 01 tháng 12 năm 2017, có nội dung đính kèm báo cáo tài chính công bố theo quy định pháp luật, nội dung chi tiết như sau, cùng với các quy định pháp luật khác liên quan. Ban Tổng Giám đốc được thông tin chi tiết như sau:

- Các tài liệu cần thiết liên quan đến nội dung của kế hoạch chi tiết được;
- Các tài liệu cần thiết liên quan đến nội dung kế hoạch chi tiết được.

Bên cạnh đó kế hoạch chi tiết được thông tin và đính kèm các tài liệu liên quan, cùng với các quy định pháp luật khác liên quan, cùng với các quy định pháp luật khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

CHÍNH SÁCH VÀ SỰ NGHIỆP ĐÓNG góp năm 2017

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành đã hoàn thành hợp đồng kinh doanh với Ủy ban Olympic Việt Nam và Ủy ban Olympic Việt Nam, Ủy ban Olympic Việt Nam và Ủy ban Olympic Việt Nam. Ủy ban Olympic Việt Nam đã hoàn thành các nhiệm vụ của mình và đã hoàn thành các nhiệm vụ của mình. Ủy ban Olympic Việt Nam đã hoàn thành các nhiệm vụ của mình và đã hoàn thành các nhiệm vụ của mình.

**7. Nhận xét**

Trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành đã hoàn thành các nhiệm vụ của mình và đã hoàn thành các nhiệm vụ của mình. Ủy ban Olympic Việt Nam đã hoàn thành các nhiệm vụ của mình và đã hoàn thành các nhiệm vụ của mình.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành

TP. HCM, ngày 20 tháng 7 năm 2017

Trần Hữu Hoàng Việt



TRẦN HỮU HOÀNG VIỆT

Chủ tịch HĐQT



**THAM KHẢO VÀ CHIA SẺ** **HIỆU QUẢ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Author:** **QUỸ CÁ NHÂN, TỔNG HỘI QUỐC TẾ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TOÁN & DỊCH VỤ KỸ THUẬT HCM**

Công ty Cổ phần Điện Toán & Dịch Vụ Kỹ Thuật HCM (sau đây gọi là CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TOÁN & DỊCH VỤ KỸ THUẬT HCM) được thành lập theo Quyết định số 123/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2017, từ đó đã phát huy hiệu quả kinh doanh và dịch vụ, đồng thời duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, góp phần vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam.

**Thực hiện các Báo cáo Kiểm toán**

Thực hiện các Báo cáo Kiểm toán độc lập về các nội dung tài chính và pháp lý của Công ty Cổ phần Điện Toán & Dịch Vụ Kỹ Thuật HCM (sau đây gọi là Công ty Cổ phần Điện Toán & Dịch Vụ Kỹ Thuật HCM) theo yêu cầu của pháp luật và các quy định hiện hành, để đảm bảo tính minh bạch và trung thực của tài liệu tài chính và pháp lý của Công ty Cổ phần Điện Toán & Dịch Vụ Kỹ Thuật HCM, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là thực hiện các thủ tục kiểm toán độc lập để có được bằng chứng đầy đủ và đáng tin cậy về các nội dung tài chính và pháp lý của Công ty Cổ phần Điện Toán & Dịch Vụ Kỹ Thuật HCM (sau đây gọi là Công ty Cổ phần Điện Toán & Dịch Vụ Kỹ Thuật HCM) theo yêu cầu của pháp luật và các quy định hiện hành, để đảm bảo tính minh bạch và trung thực của tài liệu tài chính và pháp lý của Công ty Cổ phần Điện Toán & Dịch Vụ Kỹ Thuật HCM, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Công ty Cổ phần Điện Toán & Dịch Vụ Kỹ Thuật HCM là đơn vị chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và tài liệu tài chính và pháp lý của Công ty Cổ phần Điện Toán & Dịch Vụ Kỹ Thuật HCM (sau đây gọi là Công ty Cổ phần Điện Toán & Dịch Vụ Kỹ Thuật HCM) theo yêu cầu của pháp luật và các quy định hiện hành, để đảm bảo tính minh bạch và trung thực của tài liệu tài chính và pháp lý của Công ty Cổ phần Điện Toán & Dịch Vụ Kỹ Thuật HCM, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Chúng tôi không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ ai khác ngoài các đối tượng được nêu trên, và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ ai khác ngoài các đối tượng được nêu trên.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán độc lập để có được bằng chứng đầy đủ và đáng tin cậy về các nội dung tài chính và pháp lý của Công ty Cổ phần Điện Toán & Dịch Vụ Kỹ Thuật HCM (sau đây gọi là Công ty Cổ phần Điện Toán & Dịch Vụ Kỹ Thuật HCM) theo yêu cầu của pháp luật và các quy định hiện hành, để đảm bảo tính minh bạch và trung thực của tài liệu tài chính và pháp lý của Công ty Cổ phần Điện Toán & Dịch Vụ Kỹ Thuật HCM, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

TP HCM, ngày 20 tháng 1 năm 2018

**KIỂM TOÁN CHỨC ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



*(Handwritten signature)*

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TOÁN & DỊCH VỤ KỸ THUẬT HCM**  
 Số điện thoại: 090 90 90 90

**KIỂM TOÁN VIÊN**

*(Handwritten signature)*

**Nguyễn Thị Hoàng Yến**  
**ĐIỀU HÀNH VIÊN**  
 Số điện thoại: 090 90 90 90



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày lập: 31/12/2023 (31/12/2023)

Đơn vị: VND (Số nguyên)

TÀI SẢN	Khoá số	Thuộc tính	31/12/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>134.618.235.969</b>	<b>41.551.531.000</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	103	V.1	27.581.331.032	21.246.807.424
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	112		2.184.531.722	4.236.512.232
3. Tài khoản phải thu ngắn hạn	112		24.396.802.111	47.002.295.164
B. Hàng tồn kho, bất động sản	120		-	-
1. Hàng tồn kho kinh doanh	121		-	-
2. Hàng tồn kho quản lý hàng hoá không kinh doanh	122		-	-
3. Bất động sản quản lý hàng hoá không kinh doanh	123		-	-
III. Các khoản phải trả ngắn hạn	130		39.931.136.155	2.510.094.328
1. Phải trả ngắn hạn của khách hàng	131	V.1	318.936.218	352.916.218
2. Phải trả ngắn hạn phải trả ngắn hạn	132	V.1	23.512.212.222	550.124.222
3. Phải trả ngắn hạn khác	133		-	-
4. Phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp (kỳ tính)	134		-	-
5. Phải trả thuế thu nhập cá nhân	135	V.5a	-	1.000.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	136	V.6	2.036.362.673	1.056.947.740
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn khác (đi)	137		-	-
8. Tài sản phải trả khác	138		-	-
IV. Hàng phải thu	140	V.7	25.257.174.812	54.807.183.431
1. Hàng phải thu	141		25.257.174.812	54.807.183.431
2. Dự phòng phải thu hàng phải thu	142		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.346.422.634	777.648.550
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	1.346.422.634	777.648.550
2. Tài sản ngắn hạn khác (đi)	152		-	-
3. Tài sản ngắn hạn của nhà đầu tư (NĐT) (đi)	153		-	-
4. Công cụ nợ của nhà đầu tư (NĐT) (đi)	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019

Đơn vị: Tỷ đồng

TÀI SẢN	2018	Thành vốn	2019/2018	01/01/2019
<b>I. TÀI SẢN DẠNG HẠ</b>	<b>168</b>			<b>335.955.224.773</b>
1. Cơ sở vật chất của đơn vị	718			16.900.000.000
1.1. Tài sản cố định hữu hình	21			-
2. Tài sản vô hình của đơn vị	212			-
3. Quyền sử dụng đất của đơn vị	213			-
4. Tài sản cố định vô hình	214			-
5. Đầu tư vào cơ sở vật chất	215	V.01		16.900.000.000
6. Tài sản cố định khác	216			-
7. Dự phòng giảm giá tài sản cố định	217			-
<b>II. Tài sản ở địa phương</b>	<b>223</b>			<b>196.794.815.884</b>
1. Tài sản ở tỉnh (thị xã, thị trấn)	22	V.0		141.915.120.254
- Nguyên vật liệu	220			231.569.949.467
- Tài sản cố định	221			109.299.814.250
2. Tài sản ở huyện (thị trấn)	223			-
- Nguyên vật liệu	220			-
- Tài sản cố định	221			-
3. Tài sản ở xã (thị trấn)	227	V.10		22.669.271.980
- Nguyên vật liệu	220			22.209.662.600
- Tài sản cố định	221			219.267.980
<b>III. Tài sản ở nước ngoài</b>	<b>231</b>			<b>-</b>
- Nguyên vật liệu	231			-
- Tài sản cố định	232			-
<b>IV. Tài sản ở dạng khác</b>	<b>141</b>	V.0		<b>24.644.237.697</b>
1. Tài sản ở dạng khác (không phải tài sản cố định)	141			-
2. Dự phòng giảm giá tài sản ở dạng khác	142			24.644.237.697
<b>V. Tài sản ở dạng khác</b>	<b>251</b>	V.11		<b>102.684.346.522</b>
1. Tài sản ở dạng khác	251			-
2. Đầu tư vào công ty liên kết kinh doanh	252			51.627.766.522
3. Đầu tư vào công ty liên kết kinh doanh	253			142.194.000.000
4. Dự phòng giảm giá tài sản ở dạng khác	254			-
5. Tài sản ở dạng khác khác	255			-
<b>VI. Tài sản ở dạng khác</b>	<b>261</b>			<b>8.419.442.962</b>
1. Công cụ tài chính của đơn vị	261	V		6.197.616.170
2. Dự phòng giảm giá công cụ tài chính	262	V.0		793.216.792
3. Tài sản công cụ tài chính của đơn vị	263			-
4. Tài sản công cụ tài chính khác	264			-
5. Tài sản ở dạng khác	265	V.11		527.609.999
<b>TỔNG QUỸ TÀI SẢN</b>	<b>280</b>			<b>458.455.339.742</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31/12/2017 và 2016

Đơn vị: VNĐ (Tỷ đồng)

NGUỒN VỐN	Số s	Thời điểm	31/12/2017	31/12/2016
<b>C. KINH TÀI</b>	<b>283</b>		<b>135.314.990.000</b>	<b>137.472.819.216</b>
<b>I. Ngân hàng</b>	<b>310</b>		<b>57.224.259.822</b>	<b>56.392.486.894</b>
1. Ngân hàng trong nước	311	V.12	24.648.426.366	23.291.319.000
2. Ngân hàng ở nước ngoài	312	V.12	4.151.269.570	1.053.891.500
3. Tài khoản khác của ngân hàng	313	V.14	10.258.015.990	6.711.510.000
4. Ngân hàng ở nước ngoài	314		14.088.014.196	7.455.010.910
5. Tài khoản khác của ngân hàng	315	V.13	12.140.547	242.617.910
6. Ngân hàng ủy thác	316		-	-
7. Ngân hàng theo ủy thác khác ngân hàng	317		-	-
<b>II. Bảo hiểm chi trả cho người lao động</b>	<b>318</b>	<b>V.16</b>	<b>78.023.200</b>	<b>83.000.000</b>
<b>III. Phải trả người lao động</b>	<b>319</b>	<b>V.17</b>	<b>517.421.500</b>	<b>352.910.000</b>
10. Phải trả lương	319.1	V.18	-	-
11. Phải trả tiền thưởng	319.2		-	-
12. Phải trả tiền trợ cấp	319.3		2.000.230.300	3.290.000.000
13. Phải trả tiền nghỉ phép	319.4		-	-
14. Phải trả tiền bồi thường	319.5		-	-
15. Phải trả tiền khác	319.6		-	-
<b>IV. Dự trữ tài sản</b>	<b>320</b>		<b>90.558.100.000</b>	<b>71.319.950.000</b>
1. Dự trữ tài sản khác	320.1		-	-
2. Dự trữ tài sản khác	320.2		-	-
3. Dự trữ tài sản khác	320.3		-	-
4. Dự trữ tài sản khác	320.4		-	-
5. Dự trữ tài sản khác	320.5		-	-
6. Dự trữ tài sản khác	320.6		-	-
7. Dự trữ tài sản khác	320.7	V.17	90.558.100.000	61.282.000.000
8. Dự trữ tài sản khác	320.8	V.18	-	9.037.950.000
9. Dự trữ tài sản khác	320.9		-	-
10. Dự trữ tài sản khác	320.10		-	-
11. Dự trữ tài sản khác	320.11		-	-
12. Dự trữ tài sản khác	320.12		-	-
13. Dự trữ tài sản khác	320.13		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2020 đến 31/03/2020

Đơn vị: VND/Đang/100 VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Đơn vị tính	31/03/2020	01/01/2020
<b>I. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>30.670.199.129</b>	<b>29.015.455.298</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	V20	30.670.199.129	29.015.455.298
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.900.000.000	17.900.000.000
- Cổ phần phổ thông (chính thức)	411.1		17.900.000.000	17.900.000.000
- Cổ phần ưu đãi	411.2		-	-
2. Quỹ dự trữ tài sản	412		8.670.000.000	1.964.150.000
3. Quỹ dự trữ chuyển đổi tài sản	413		-	-
4. Nguồn tích lũy khác	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	(2.000.000)
6. Chưa kết chuyển từ trước	416		-	-
7. Chưa kết chuyển từ trước	417		-	-
8. Quỹ đầu tư nước ngoài	418		52.124.015.129	40.124.015.129
9. Quỹ đầu tư nước ngoài khác	419		-	-
10. Quỹ đầu tư nước ngoài khác	420		-	-
11. Lợi nhuận tích lũy theo pháp luật	421		25.070.000.000	20.046.345.198
- Lợi nhuận tích lũy theo pháp luật	421.1		2.400.000.000	7.500.000.000
- Lợi nhuận tích lũy khác	421.2		22.670.000.000	12.546.345.198
12. Nguồn vốn đầu tư XE.02	422		-	-
13. Lợi nhuận tích lũy khác	423		-	1.296.345.198
II. Nguồn tích lũy, quỹ khác	424		-	-
- Quỹ đầu tư	424		-	-
2. Nguồn vốn đầu tư khác XE.02	425		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>490</b>		<b>49.460.960.012</b>	<b>48.087.520.517</b>

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn

Số: 01/2020, ngày 01/04/2020

Treasurer

CÔNG TY CỔ PHẦN VESTAS VIỆT NAM

179 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

T. Nguyễn Văn Tuấn

T. Nguyễn Văn Tuấn

T. Nguyễn Văn Tuấn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cụm công ty được tổ chức ngày 27 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND, Triệu (000 VND)

Công việc	Mã số	Đơn vị tính	2017	2016
I. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	31	VND	227.283.306,54	20.354.414,94
II. Doanh thu ghi nhận khác	32		-	-
3. Doanh thu khác từ hoạt động kinh doanh	39	VND	157.181.576,567	162.708.411,54
- Từ bán hàng	31	VND	112.181.594,212	211.279.441,111
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (31 - 32 - 33)	33		118.595.000,289	10.157.893,135
6. Doanh thu hoạt động tài chính	34	VND	3.194.371,155	4.171.715,196
7. Chi phí tài chính	35	VND	(373.476,901)	(773.672,504)
Trong đó: Chi phí lãi vay	35		(373.476,901)	(773.672,504)
8. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	36		(2.278.105,646)	(705.529,812)
9. Chi phí thuế thu nhập	37	VND	(1.488.475,752)	11.593,211,002
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	38	VND	(27.023.770,316)	(21.441.181,177)
11. Lợi nhuận trước thuế thu nhập cá nhân (36 - 37 - 38 - 39 - 40 - 41 - 42 - 43 - 44)	38		(48.239.346,613)	(10.944.151,989)
D. Thuế thu nhập cá nhân	39	VND	(67.825,402)	(227.861,530)
E. Chi phí khác	40	VND	(24.785,931)	(62.883,378)
H. Lợi nhuận khác (40 - 41 - 42)	40		(262.850,732)	(104.513,780)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập cá nhân (38 - 39 - 40 - 41)	40		(48.927.008,346)	(11.076.547,707)
16. Chi phí tài trợ TMSN Hệ thống	41	VND	10.143.054,540	6.013.111,214
17. Chi phí tài trợ TMSN khác	42	VND	62.148,761	(7.507,690)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (40 - 41 - 42)	40		(38.721.805,546)	(14.127.944,183)
B. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61		(38.721.805,546)	(14.127.944,183)
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ và công ty chi nhánh	61		-	(48.351,197)
21. Lợi nhuận sau thuế của công ty con	70	VND	2.536	2.894
22. Lợi nhuận sau thuế của công ty liên kết	71	VND	2.536	2.894

Người lập báo cáo

Kế toán trưởng

Trần Văn Dũng

Nguyễn Quốc Cường



Trần Văn Dũng

**BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIẾN TỰ HỢP NHẤT**

Chức danh: Kỹ sư Điện

Chức vụ: Chuyên viên kỹ thuật ngày 01 tháng 10 năm 2017

Đơn vị: Trường Đại Học Quản Lý

CHI TIẾT	Số số	Điểm đạt	Năm 2017	Năm 2015
<b>I. LƯU CHUYÊN TIẾN TỰ HỢP ĐỘNG HỒI ĐƯƠNG</b>				
1. Tự đánh giá mức độ	01		43021905866	30080073589
<b>2. Đánh giá của các thành viên</b>				
- Đánh giá của thành viên trong Ban Giám đốc	02	5,00	30010192001	10400005001
- Các thành viên khác	03	5,00	10010010000	-
- Các thành viên cấp phó và các cấp dưới cấp phó	04	5,00	10010010000	10010010000
- Các thành viên cấp phó	05	5,00	10010010000	10010010000
- Các cấp phó	06	5,00	1000010000	0000000000
- Các thành viên cấp phó	07		-	-
3. Lợi ích của tổ hợp đồng hành trong các lĩnh vực	08		20001000000	40000000000
- Tăng (giảm) thu nhập của người lao động	09		100000000	000000000
- Tăng (giảm) chi phí trong kinh doanh	10		10000000000	0000000000
- Tăng (giảm) các chỉ số phát triển bền vững về môi trường, xã hội và quản lý nhân sự	11		00000000000	10000000000
- Tăng (giảm) các chỉ số khác	12		00000000000	00000000000
- Tăng (giảm) các chỉ số khác	13		00000000000	00000000000
- Tăng (giảm) các chỉ số khác	14	5,00	00000000000	00000000000
- Tăng (giảm) các chỉ số khác	15	5,00	10000000000	00000000000
- Tăng (giảm) các chỉ số khác	16		-	-
- Tăng (giảm) các chỉ số khác	17		00000000000	00000000000
Lưu chuyên tiến tiến tự hợp đồng hành	18		00000000000	00000000000
<b>II. LƯU CHUYÊN TIẾN TỰ HỢP ĐỒNG ĐẶC BIỆT</b>				
1. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm	21		10000000000	00000000000
2. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm	22		-	00000000000
3. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm	23		00000000000	00000000000
4. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm	24		00000000000	00000000000
5. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm	25		00000000000	00000000000
6. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm	26		00000000000	00000000000
7. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm	27		00000000000	00000000000
Lưu chuyên tiến tiến tự hợp đồng đặc biệt	28		00000000000	00000000000

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

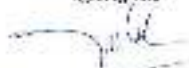
(Theo phương pháp giá gốc)

Ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHI TIẾT	Số số	Hàng hóa nhập	Năm 2017	Năm 2016
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp giá gốc)</b>				
1. Tiền thanh toán phải có/được ở các đơn vị khác (USD)	1		6.015.012.000	-
2. Tiền và giá trị ngoại tệ của các đơn vị khác của các chi nhánh của công ty tại địa phương khác	22			
3. Tiền thanh toán nợ	23			
4. Tiền và giá trị ngoại tệ	24		(30.725.843.000)	(32.200.000.000)
5. Tiền và giá trị ngoại tệ thanh toán	25			
6. Các tài sản khác (theo chi tiết có thể)	26		1.990.405.000	(5.115.115.000)
- Các khoản đầu tư dài hạn không định kỳ	48		(25.080.000.000)	(24.870.000.000)
- Các khoản đầu tư dài hạn ngắn hạn (20 - 30 - 40)	58		6.628.840.000	(24.800.000.000)
- Tài sản đang dùng để đầu tư	68		21.544.000.000	(8.034.000.000)
- Tài sản đang chờ để đầu tư	69		000.000	000.000
- Tài sản đang dùng để đầu tư (70 - 80 - 90)	78	01	6.000.000.000	21.544.000.000

Người ký tên

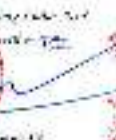


Trần Thị Hằng

Hộ nội dung



Nguyễn Thị Cẩm





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

CÁI LẠCH VÀ KẾ TOÁN ĐƯỢC CHẤM Duyệt 31/12/2017

ĐƠN VỊ CHẤM Duyệt: **ĐIỂM****1. Các khoản thanh toán****2.1. Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tỷ lệ lệ 31 tháng 12 năm 2017, Công ty (bên có) có các khoản thanh toán như sau:

Tên Công ty, cá nhân	Địa chỉ đăng ký	Giá trị VND	Tỷ lệ %/Số	Tỷ lệ thanh toán
Đông Hưng Phát (bên có)	Chợ rau Thủ Đức	10.000.000.000	100%	100%

**2.2. Báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty TNHH có quan hệ liên đới nhưng không nắm giữ 50% vốn điều lệ của công ty**

Tỷ lệ lệ 31 tháng 12 năm 2017, Công ty (bên có) có các khoản thanh toán của các công ty TNHH có quan hệ liên đới nhưng không nắm giữ 50% vốn điều lệ của công ty như sau:

Tên Công ty (bên có)	Địa chỉ đăng ký	Giá trị VND	Tỷ lệ %/Số	Tỷ lệ thanh toán
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam (bên có)	Chợ rau Thủ Đức	10.000.000.000	40,21%	40,21%

**3. Các khoản thanh toán và các khoản phải thu của công ty**

Về thanh toán của công ty, Công ty không phải thanh toán bất kỳ khoản nợ nào đối với các đơn vị khác và các khoản phải thu của công ty đang trong tình trạng thanh toán.

**g. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ DỰ ĐOÁN TRONG KẾT QUẢ****1. CÁC KHOẢN THU**

Về các khoản thu trong kỳ là doanh thu từ việc bán thành phẩm ngày 31 tháng 12 năm 2017:

**1. Doanh thu từ bán hàng trong kỳ**

Công ty (bên có) được công ty liên đới thanh toán trong kỳ là:

**h. CÁC KHOẢN VÀ CHẾ ĐỘ HỒ TỐN VÀ DỰ NG****1. CHẾ ĐỘ HỒ TỐN VÀ DỰ NG**

Công ty đang áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam về Kế toán Tài chính (Số 15/2008/QĐ-BTC ngày 23/06/2008 của Bộ Tài chính và Thông tư số 24/2009/TT-BTC ngày 27/07/2009 của Bộ Tài chính).

Công ty đang áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam về Kế toán Tài chính (Số 15/2008/QĐ-BTC ngày 23/06/2008 của Bộ Tài chính và Thông tư số 24/2009/TT-BTC ngày 27/07/2009 của Bộ Tài chính).

**2. Các khoản dự phòng và các khoản dự phòng chi phí của công ty**

Về các khoản dự phòng và các khoản dự phòng chi phí của công ty, Công ty không phải dự phòng bất kỳ khoản nào đối với các đơn vị khác và các khoản dự phòng chi phí của công ty đang trong tình trạng thanh toán.

Về các khoản dự phòng và các khoản dự phòng chi phí của công ty, Công ty không phải dự phòng bất kỳ khoản nào đối với các đơn vị khác và các khoản dự phòng chi phí của công ty đang trong tình trạng thanh toán.

**HẸN THUYẾT MINH CÁC CHẾ ĐỘ TÍNH HỢP NHẤT**

Cố định được số dư ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số tài khoản: 2010/2017

**IV. CÁC CHẾ ĐỘ KẾT TOÁN ÁP DỤNG****1. Các chế độ kế toán áp dụng**

Kế toán tài chính áp dụng theo hệ thống kế toán thống nhất của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành (Bến Thành) và áp dụng theo Công ty con - Công ty TNHH Bến Thành (Bến Thành), các chế độ kế toán áp dụng ngày 01 tháng 12 năm 2017.

Công ty con, Công ty mẹ và các Công ty con khác của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành áp dụng theo chế độ kế toán thống nhất của Công ty mẹ.

Đối với các tài khoản của Công ty con áp dụng chế độ kế toán thống nhất của Công ty mẹ, Công ty con có thể áp dụng chế độ kế toán tài chính khác của Công ty mẹ để kế toán các tài khoản khác của Công ty con và Công ty mẹ.

Các chế độ kế toán khác của Công ty con theo Chế độ kế toán thống nhất của Công ty mẹ áp dụng theo chế độ kế toán thống nhất của Công ty mẹ. Các chế độ kế toán khác của Công ty con áp dụng theo chế độ kế toán thống nhất của Công ty mẹ.

Các chế độ kế toán khác của Công ty con theo Chế độ kế toán thống nhất của Công ty mẹ áp dụng theo chế độ kế toán thống nhất của Công ty mẹ.

Các chế độ kế toán khác của Công ty con theo Chế độ kế toán thống nhất của Công ty mẹ áp dụng theo chế độ kế toán thống nhất của Công ty mẹ.

Các chế độ kế toán khác của Công ty con theo Chế độ kế toán thống nhất của Công ty mẹ áp dụng theo chế độ kế toán thống nhất của Công ty mẹ.

Các chế độ kế toán khác của Công ty con theo Chế độ kế toán thống nhất của Công ty mẹ áp dụng theo chế độ kế toán thống nhất của Công ty mẹ.

**1. Các chế độ kế toán áp dụng trong kế toán**

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng theo (1) Các chế độ kế toán áp dụng theo chế độ kế toán thống nhất của Công ty mẹ.

**Ngành kế toán áp dụng chế độ kế toán**

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng theo (1) Các chế độ kế toán áp dụng theo chế độ kế toán thống nhất của Công ty mẹ.

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng theo (1) Các chế độ kế toán áp dụng theo chế độ kế toán thống nhất của Công ty mẹ.

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng theo (1) Các chế độ kế toán áp dụng theo chế độ kế toán thống nhất của Công ty mẹ.

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng theo (1) Các chế độ kế toán áp dụng theo chế độ kế toán thống nhất của Công ty mẹ.

**BẢN CHỮ Ý MINH BẠCH CÁI CHỈNH HỢP NHẤT**

Số: 01/2024/ĐH-M&amp;D ngày 15 tháng 05 năm 2024

Địa chỉ: Văn Phòng Miền Bắc

Căn cứ Luật Kế toán, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đến Thời và các quy định pháp luật có liên quan, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đến Thời đã họp và thống nhất các nội dung sau đây:

**1. Nguyên tắc chi phí quảng cáo và tiếp thị**

Tất cả các khoản chi phí quảng cáo và tiếp thị phải được ghi rõ nội dung chi tiêu, địa điểm, thời gian và mục đích chi tiêu trong hồ sơ chi tiêu và được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị Công ty trước khi thực hiện.

**2. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quảng cáo và tiếp thị**

Tất cả các khoản chi phí quảng cáo và tiếp thị phải được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật.

Các khoản chi phí quảng cáo và tiếp thị chỉ được ghi nhận khi có đủ các điều kiện sau đây: chi phí đã được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật, chi phí đã được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật, chi phí đã được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật.

**3. Nguyên tắc minh bạch chi tiêu quảng cáo và tiếp thị**

Nguyên tắc minh bạch chi tiêu quảng cáo và tiếp thị phải được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Các khoản chi phí quảng cáo và tiếp thị phải được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật, chi phí đã được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật, chi phí đã được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đến Thời đã họp và thống nhất các nội dung sau đây: chi phí đã được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật, chi phí đã được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật, chi phí đã được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật.

Trên đây là nội dung của Bản Chữ Ý Minh Bạch Cái Chỉnh Hợp Nhất.

Trên đây là nội dung của Bản Chữ Ý Minh Bạch Cái Chỉnh Hợp Nhất, được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật.

**Nguyên tắc minh bạch chi tiêu quảng cáo và tiếp thị**

Các khoản chi phí quảng cáo và tiếp thị phải được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật, chi phí đã được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật, chi phí đã được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật.

**Nguyên tắc minh bạch chi tiêu quảng cáo và tiếp thị**

Kính đề nghị Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đến Thời chấp thuận các nội dung trên đây và phê duyệt chi tiêu quảng cáo và tiếp thị đúng theo quy định của pháp luật.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đến Thời đã họp và thống nhất các nội dung sau đây: chi phí đã được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật, chi phí đã được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật, chi phí đã được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật.

Trên đây là nội dung của Bản Chữ Ý Minh Bạch Cái Chỉnh Hợp Nhất, được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đến Thời đã họp và thống nhất các nội dung sau đây: chi phí đã được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật, chi phí đã được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật, chi phí đã được ghi nhận đúng theo quy định của pháp luật.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chiến lược kinh doanh 2023-2025 (Đã cập nhật năm 2023)

Số: 183/CK-BTC/ĐKTĐ

**Nội dung báo cáo tài chính hợp nhất theo định lệ:**

Bản báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sài Gòn và các đơn vị thành viên liên kết kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sài Gòn được trình bày như sau:

Chiến lược kinh doanh phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sài Gòn và các đơn vị thành viên liên kết kinh doanh được trình bày chi tiết trong Báo cáo tài chính hợp nhất và được giải thích trong phần tiếp theo của Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bản báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sài Gòn và các đơn vị thành viên liên kết kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sài Gòn được trình bày như sau:

Chiến lược tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sài Gòn và các đơn vị thành viên liên kết kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sài Gòn được trình bày chi tiết trong Báo cáo tài chính hợp nhất và được giải thích trong phần tiếp theo của Báo cáo tài chính hợp nhất.

**6. Nội dung ghi chú các khoản phải thu thường xuyên phù hợp:**

Nội dung ghi chú các khoản phải thu thường xuyên phù hợp được trình bày chi tiết trong phần tiếp theo của Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiến lược tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sài Gòn và các đơn vị thành viên liên kết kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sài Gòn được trình bày chi tiết trong Báo cáo tài chính hợp nhất và được giải thích trong phần tiếp theo của Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiến lược tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sài Gòn và các đơn vị thành viên liên kết kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sài Gòn được trình bày chi tiết trong Báo cáo tài chính hợp nhất và được giải thích trong phần tiếp theo của Báo cáo tài chính hợp nhất.

**7. Nội dung ghi chú các khoản phải thu:**

Nội dung ghi chú các khoản phải thu thường xuyên phù hợp được trình bày chi tiết trong phần tiếp theo của Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiến lược tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sài Gòn:

Nội dung ghi chú các khoản phải thu thường xuyên phù hợp được trình bày chi tiết trong Báo cáo tài chính hợp nhất và được giải thích trong phần tiếp theo của Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiến lược tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sài Gòn:

Nội dung ghi chú các khoản phải thu thường xuyên phù hợp:

Chiến lược tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sài Gòn được trình bày chi tiết trong Báo cáo tài chính hợp nhất và được giải thích trong phần tiếp theo của Báo cáo tài chính hợp nhất.

**8. Nội dung ghi chú các khoản phải thu (TSCĐ):****8.1. Nội dung ghi chú các khoản phải thu:**

Nội dung ghi chú các khoản phải thu thường xuyên phù hợp được trình bày chi tiết trong phần tiếp theo của Báo cáo tài chính hợp nhất và được giải thích trong phần tiếp theo của Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nội dung ghi chú các khoản phải thu thường xuyên phù hợp được trình bày chi tiết trong phần tiếp theo của Báo cáo tài chính hợp nhất và được giải thích trong phần tiếp theo của Báo cáo tài chính hợp nhất.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Hàng năm theo quy định của pháp luật về kế toán

Ngày 30 tháng 01 năm 2017

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất trong kỳ

Được lập theo đúng quy định pháp luật

Quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế được áp dụng thống nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế được áp dụng thống nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế

**2.2. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc chi phí thực tế phát sinh theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế được áp dụng thống nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế

Chi phí tài chính được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật

Được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật

Quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế được áp dụng thống nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế được áp dụng thống nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế được áp dụng thống nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế

Chi phí tài chính được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế được áp dụng thống nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế

Được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính được áp dụng thống nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế được áp dụng thống nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế

Được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật

Được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế được áp dụng thống nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế

**2.3. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế được áp dụng thống nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế

Được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật

Được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật

Được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật

Được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật

Được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật

Được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật

Được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật

Được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật

Được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật

Được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế được áp dụng thống nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế

Được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật

Được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật

**3. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế được áp dụng thống nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế được áp dụng thống nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo đúng quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế được áp dụng thống nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế

**HỒ SƠ THỰC TẾ MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

CHUYÊN TẬP CÁC HỒ SƠ THỰC TẾ VÀ CÁC VỤ VIỆC ĐIỂN HÌNH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ CÔNG

**9. Nguyên nhân ghi nhận chi phí tài trợ:**

Chi phí tài trợ được ghi nhận theo nguyên tắc ghi nhận chi phí tài trợ bằng số tiền quy định số quỹ hoặc tổng số chi phí tài trợ của đơn vị nhận. Các phát sinh khác của chi phí tài trợ được ghi nhận theo nguyên tắc của pháp luật về kế toán tài chính (1999).

Trong quá trình tài trợ các phát sinh khác được ghi nhận theo nguyên tắc ghi nhận chi phí tài trợ bằng số tiền quy định hoặc tổng số chi phí tài trợ của đơn vị nhận. Các phát sinh khác của chi phí tài trợ được ghi nhận theo nguyên tắc của pháp luật về kế toán tài chính (1999).

**10. Nguyên nhân ghi nhận chi phí lãi:**

Chi phí lãi được ghi nhận theo nguyên tắc ghi nhận chi phí lãi bằng số tiền lãi thực tế phát sinh.

Trong quá trình ghi nhận chi phí lãi các phát sinh khác được ghi nhận theo nguyên tắc ghi nhận chi phí tài trợ bằng số tiền quy định hoặc tổng số chi phí tài trợ của đơn vị nhận. Các phát sinh khác của chi phí tài trợ được ghi nhận theo nguyên tắc của pháp luật về kế toán tài chính (1999).

Trong quá trình ghi nhận chi phí lãi các phát sinh khác được ghi nhận theo nguyên tắc ghi nhận chi phí tài trợ bằng số tiền quy định hoặc tổng số chi phí tài trợ của đơn vị nhận. Các phát sinh khác của chi phí tài trợ được ghi nhận theo nguyên tắc của pháp luật về kế toán tài chính (1999).

Trong quá trình ghi nhận chi phí lãi các phát sinh khác được ghi nhận theo nguyên tắc ghi nhận chi phí tài trợ bằng số tiền quy định hoặc tổng số chi phí tài trợ của đơn vị nhận. Các phát sinh khác của chi phí tài trợ được ghi nhận theo nguyên tắc của pháp luật về kế toán tài chính (1999).

**11. Nguyên nhân ghi nhận chi phí:**

Chi phí tài trợ được ghi nhận theo nguyên tắc ghi nhận chi phí tài trợ bằng số tiền quy định số quỹ hoặc tổng số chi phí tài trợ của đơn vị nhận. Các phát sinh khác của chi phí tài trợ được ghi nhận theo nguyên tắc của pháp luật về kế toán tài chính (1999).

Trong quá trình ghi nhận chi phí tài trợ các phát sinh khác được ghi nhận theo nguyên tắc ghi nhận chi phí tài trợ bằng số tiền quy định hoặc tổng số chi phí tài trợ của đơn vị nhận. Các phát sinh khác của chi phí tài trợ được ghi nhận theo nguyên tắc của pháp luật về kế toán tài chính (1999).

**12. Nguyên nhân ghi nhận chi phí tài trợ khác:**

Nguyên nhân ghi nhận chi phí tài trợ khác được ghi nhận theo nguyên tắc ghi nhận chi phí tài trợ bằng số tiền quy định số quỹ hoặc tổng số chi phí tài trợ của đơn vị nhận. Các phát sinh khác của chi phí tài trợ được ghi nhận theo nguyên tắc của pháp luật về kế toán tài chính (1999).

Trong quá trình ghi nhận chi phí tài trợ khác các phát sinh khác được ghi nhận theo nguyên tắc ghi nhận chi phí tài trợ bằng số tiền quy định hoặc tổng số chi phí tài trợ của đơn vị nhận. Các phát sinh khác của chi phí tài trợ được ghi nhận theo nguyên tắc của pháp luật về kế toán tài chính (1999).

**13. Nguyên nhân ghi nhận chi phí tài trợ khác:**

Nguyên nhân ghi nhận chi phí tài trợ khác được ghi nhận theo nguyên tắc ghi nhận chi phí tài trợ bằng số tiền quy định số quỹ hoặc tổng số chi phí tài trợ của đơn vị nhận. Các phát sinh khác của chi phí tài trợ được ghi nhận theo nguyên tắc của pháp luật về kế toán tài chính (1999).

**14. Nguyên nhân ghi nhận chi phí tài trợ khác:**

Nguyên nhân ghi nhận chi phí tài trợ khác được ghi nhận theo nguyên tắc ghi nhận chi phí tài trợ bằng số tiền quy định số quỹ hoặc tổng số chi phí tài trợ của đơn vị nhận. Các phát sinh khác của chi phí tài trợ được ghi nhận theo nguyên tắc của pháp luật về kế toán tài chính (1999).

Nguyên nhân ghi nhận chi phí tài trợ khác được ghi nhận theo nguyên tắc ghi nhận chi phí tài trợ bằng số tiền quy định số quỹ hoặc tổng số chi phí tài trợ của đơn vị nhận. Các phát sinh khác của chi phí tài trợ được ghi nhận theo nguyên tắc của pháp luật về kế toán tài chính (1999).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kính gửi các chủ sở hữu Công ty Đức Thành (Cổ đông)

Ngày 01/01/2024 (Ngày lập báo cáo)

- Các thông tin ghi tại đây chỉ mang tính chất tham khảo và không có tính ràng buộc pháp lý.
- Các thông tin báo cáo được trình bày ghi nhận dựa trên những dữ liệu có sẵn và không có tính ràng buộc pháp lý, trừ trường hợp có sự điều chỉnh.

Bản báo cáo tài chính này được lập ra để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các thông tin khác của Công ty Đức Thành trong kỳ báo cáo tài chính.

**18. Nguyên nhân của phương pháp ghi nhận ghi về hàng tồn**

Nguyên nhân của phương pháp ghi nhận ghi về hàng tồn là do việc ghi nhận hàng tồn kho dựa trên giá trị gốc của hàng tồn kho, trừ đi các khoản giảm giá hàng tồn kho. Việc ghi nhận hàng tồn kho dựa trên giá trị gốc của hàng tồn kho là phù hợp với nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho theo quy định của pháp luật.

**19. Nguyên nhân của phương pháp ghi nhận ghi về tài sản**

Nguyên nhân của phương pháp ghi nhận ghi về tài sản là do việc ghi nhận tài sản dựa trên giá trị gốc của tài sản, trừ đi các khoản giảm giá tài sản. Việc ghi nhận tài sản dựa trên giá trị gốc của tài sản là phù hợp với nguyên tắc ghi nhận tài sản theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân của phương pháp ghi nhận ghi về tài sản là do việc ghi nhận tài sản dựa trên giá trị gốc của tài sản, trừ đi các khoản giảm giá tài sản. Việc ghi nhận tài sản dựa trên giá trị gốc của tài sản là phù hợp với nguyên tắc ghi nhận tài sản theo quy định của pháp luật.

**20. Nguyên nhân của phương pháp ghi nhận ghi về phần THỜI KỲ TÍNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Nguyên nhân của phương pháp ghi nhận ghi về phần THỜI KỲ TÍNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH là do việc ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên giá trị gốc của kết quả hoạt động kinh doanh, trừ đi các khoản giảm giá kết quả hoạt động kinh doanh. Việc ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên giá trị gốc của kết quả hoạt động kinh doanh là phù hợp với nguyên tắc ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân của phương pháp ghi nhận ghi về phần THỜI KỲ TÍNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH là do việc ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên giá trị gốc của kết quả hoạt động kinh doanh, trừ đi các khoản giảm giá kết quả hoạt động kinh doanh. Việc ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên giá trị gốc của kết quả hoạt động kinh doanh là phù hợp với nguyên tắc ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân của phương pháp ghi nhận ghi về phần THỜI KỲ TÍNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH là do việc ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên giá trị gốc của kết quả hoạt động kinh doanh, trừ đi các khoản giảm giá kết quả hoạt động kinh doanh. Việc ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên giá trị gốc của kết quả hoạt động kinh doanh là phù hợp với nguyên tắc ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân của phương pháp ghi nhận ghi về phần THỜI KỲ TÍNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH là do việc ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên giá trị gốc của kết quả hoạt động kinh doanh, trừ đi các khoản giảm giá kết quả hoạt động kinh doanh. Việc ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên giá trị gốc của kết quả hoạt động kinh doanh là phù hợp với nguyên tắc ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân của phương pháp ghi nhận ghi về phần THỜI KỲ TÍNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH là do việc ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên giá trị gốc của kết quả hoạt động kinh doanh, trừ đi các khoản giảm giá kết quả hoạt động kinh doanh. Việc ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên giá trị gốc của kết quả hoạt động kinh doanh là phù hợp với nguyên tắc ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân của phương pháp ghi nhận ghi về phần THỜI KỲ TÍNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH là do việc ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên giá trị gốc của kết quả hoạt động kinh doanh, trừ đi các khoản giảm giá kết quả hoạt động kinh doanh. Việc ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên giá trị gốc của kết quả hoạt động kinh doanh là phù hợp với nguyên tắc ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

**21. Nguyên nhân của phương pháp ghi nhận ghi về phần**

Nguyên nhân của phương pháp ghi nhận ghi về phần là do việc ghi nhận phần dựa trên giá trị gốc của phần, trừ đi các khoản giảm giá phần. Việc ghi nhận phần dựa trên giá trị gốc của phần là phù hợp với nguyên tắc ghi nhận phần theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân của phương pháp ghi nhận ghi về phần là do việc ghi nhận phần dựa trên giá trị gốc của phần, trừ đi các khoản giảm giá phần. Việc ghi nhận phần dựa trên giá trị gốc của phần là phù hợp với nguyên tắc ghi nhận phần theo quy định của pháp luật.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, ngày 27 tháng 12 năm 2017

Hàng số: 16030001/2017

**12. Các quỹ tài chính****12.1 Quỹ tài chính của****12.1.1 Công ty (chiếm)**

Trong tổng số 21.040.857.741 đồng tương đương 11.100.225 (Một triệu 110 ngàn 225) đồng VND, Công ty đã trích lập quỹ tài chính của Công ty bằng các khoản trích lập theo quy định của pháp luật và theo kế hoạch của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và kế hoạch của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

Tại thời điểm kết thúc báo cáo tài chính, các quỹ tài chính của Công ty được phân loại theo quy định của pháp luật như sau:

Công ty trích lập các quỹ tài chính của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và kế hoạch của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

**12.1.2 Quỹ tài chính của**

Ngay khi bắt đầu lập báo cáo tài chính, Công ty đã trích lập các quỹ tài chính của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và kế hoạch của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật. Công ty đã trích lập các quỹ tài chính của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và kế hoạch của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

Trong kỳ báo cáo tài chính, Công ty đã trích lập các quỹ tài chính của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và kế hoạch của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

Ngay khi bắt đầu lập báo cáo tài chính, Công ty đã trích lập các quỹ tài chính của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và kế hoạch của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

**12.1.3 Quỹ tài chính của**

Trong kỳ báo cáo tài chính, Công ty đã trích lập các quỹ tài chính của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và kế hoạch của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

**12.1.4 Quỹ tài chính của**

Công ty đã trích lập các quỹ tài chính của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và kế hoạch của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật. Công ty đã trích lập các quỹ tài chính của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và kế hoạch của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

**13. Các khoản chi phí**

Các khoản chi phí của Công ty được ghi nhận theo quy định của pháp luật và kế hoạch của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và kế hoạch của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật. Công ty đã trích lập các quỹ tài chính của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và kế hoạch của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

**14. Nguyên nhân làm thay đổi các khoản chi phí, chi phí tài chính của Công ty**

Trong kỳ báo cáo tài chính, Công ty đã trích lập các quỹ tài chính của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và kế hoạch của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

Trong kỳ báo cáo tài chính, Công ty đã trích lập các quỹ tài chính của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và kế hoạch của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật. Công ty đã trích lập các quỹ tài chính của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và kế hoạch của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

Trong kỳ báo cáo tài chính, Công ty đã trích lập các quỹ tài chính của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và kế hoạch của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật. Công ty đã trích lập các quỹ tài chính của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và kế hoạch của Công ty để chi trả các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

**BẢN TỰ YẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Đến thời điểm kết thúc ngày 31/12/2017 và 31/12/2016

Đơn vị: VND (tỷ đồng)

**V. THÔNG TIN SỐ CHỈ CHỊ & NGÀY MỤC TRÍCH BÝ TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tổng tài sản không thanh toán	54.022.017	81.010.017
Tiền	3.184.937.737	4.356.614.377
Chứng khoán	50.700.000	19.800.000
Tăng giảm Hợp đồng mua bán	2.675.237.737	4.157.814.377
Chi khoản không thanh toán	24.716.419.211	47.297.202.164
Thuế và phí phải nộp	24.716.419.211	47.297.202.164
Tổng	27.861.552.953	51.244.897.454

## 2. Bảng chi thành chi chi số nợ ngắn hạn

## 3. Bảng chi ngắn hạn chi chi số nợ ngắn hạn

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Đang phải	Giá trị	Đang phải
3200. Hàng mua trả tiền	146.800.000	-	122.916.948	-
- Hàng mua trả tiền chưa thanh toán	-	-	122.916.948	-
3300. Thuế phải nộp	1.100.000.000	-	11.500.000	-
- Thuế phải nộp	-	-	11.500.000	-
3400. Phải trả người bán	267.062.380	-	73.771.924	-
- Phải trả người bán	-	-	73.771.924	-
3500. Phải trả người mua	22.200.000	-	15.800.000	-
- Phải trả người mua	-	-	15.800.000	-
3600. Phải trả người vay	146.800.000	-	146.800.000	-
Tổng	342.862.380	-	369.988.872	-

## 4. Bảng chi chi ngắn hạn chi chi số nợ ngắn hạn

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Đang phải	Giá trị	Đang phải
3700. Phải trả người bán	27.140.000.000	-	14.811.111	-
- Phải trả người bán	-	-	14.811.111	-
3800. Phải trả người mua	24.990.000.000	-	-	-
- Phải trả người mua	-	-	-	-
Tổng	52.130.000.000	-	14.811.111	-

**BẢN TUYÊN BỐ VÀ CÁI CHENH LẠCH NHẬT**

Chiều dài: 01 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017

Đơn vị: VND (Số Nguyên)

**5. Phải thu từ khách**

	31/12/2017		31/12/2016	
	Ghi nợ	Đang phải	Ghi nợ	Đang phải
a. Số dư	-	-	9.800.000,00	-
- Tăng, giảm theo thời hạn (1)	-	-	9.800.000,00	-
<b>b. Dư phải</b>	<b>10.400.000,00</b>	-	<b>14.800.000,00</b>	-
- Công ty Cổ phần Thương Hại Dịch Vụ (1)	10.400.000,00	-	-	-
- Tăng, giảm theo thời hạn (2)	10.400.000,00	-	14.800.000,00	-
<b>Cộng</b>	<b>10.400.000,00</b>	-	<b>14.800.000,00</b>	-

(1) Nguyên nhân phát sinh chi phí không có căn cứ pháp lý để được khấu trừ.

**6. Phải thu giá trị khác**

	31/12/2017		31/12/2016	
	Ghi nợ	Đang phải	Ghi nợ	Đang phải
Phải thu từ các khách hàng khác, khác	21.000,00	-	21.000,00	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.022.000,00	-	1.022.000,00	-
- Nguyên nhân khác	500.000,00	-	-	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Thương Hại Dịch Vụ	522.000,00	-	1.022.000,00	-
<b>Cộng</b>	<b>1.043.000,00</b>	-	<b>1.043.000,00</b>	-

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		31/12/2016	
	Ghi nợ	Đang phải	Ghi nợ	Đang phải
Hàng tồn kho	20.774.958,57	179.817,99	14.016.712,25	-
<b>Cộng</b>	<b>20.774.958,57</b>	<b>179.817,99</b>	<b>14.016.712,25</b>	-

- Công ty đã áp dụng các công cụ và thủ tục để giảm thiểu sai sót trong quá trình ghi sổ kế toán.

- Công ty đã áp dụng các thủ tục kiểm soát nội bộ để đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của các tài khoản ghi sổ kế toán.

- Công ty đã áp dụng các thủ tục kiểm soát nội bộ để đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của các tài khoản ghi sổ kế toán.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho các năm kế toán trong kỳ báo cáo 2017

Đơn vị: VND, triệu (VNĐ)

8. Tài sản không tài trợ	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Đổi bằng	Giá trị	Đổi bằng
Xây dựng cơ bản đang	34.091.237.957	-	71.256.086.134	-
- Xây dựng hoàn	34.091.237.957	-	71.256.086.134	-
- Công tác xây dựng				
phòng thí nghiệm Công				
Nghiên cứu	27.425.236.863	-	31.497.025.431	-
- Công tác xây dựng				
phòng thí nghiệm Công				
Nghiên cứu			31.150.057.281	-
- Công tác khác	6.665.991.094	-	3.609.053.422	-
<b>Cộng</b>	<b>34.091.237.957</b>	<b>-</b>	<b>71.256.086.134</b>	<b>-</b>

1) Công ty không có các công trình xây dựng đang xây dựng dở dang để ghi nhận giá trị tài sản dở dang theo quy định pháp luật về kế toán.

## 9. Tài sản định kỳ tài trợ (nếu có)

## a) Tài sản định kỳ tài trợ

	Giá trị tài trợ (VNĐ)	Hàng năm (VNĐ)	Tổng cộng
<b>Ngân sách</b>			
Số định kỳ tài trợ	24.856.000.000	24.856.000	24.856.000.000
- Đã thực hiện	-	24.856.000	24.856.000
- Chưa thực hiện	-	0	0
Số còn lại	24.856.000.000	24.856.000	24.856.000.000
<b>Tài trợ theo các hợp đồng</b>			
Số định kỳ tài trợ	-	122.903.903	122.903.903
- Đã thực hiện hợp đồng	-	57.517.903	57.517.903
Số còn lại	-	65.386.000	65.386.000
<b>Giá trị tổng cộng</b>			
Số định kỳ tài trợ	24.856.000.000	25.078.903	24.881.078.903
Số còn lại	24.856.000.000	24.856.000	24.880.856.000

- Giá trị tài trợ theo TSCĐ-H đã được ghi nhận theo số tài khoản tài trợ theo quy định pháp luật.

- Nguyên nhân của số chênh lệch là do giá tài trợ bằng pháp luật trong kỳ báo cáo 2017 khác 2016.

## 10. Chi phí tài trợ

	2017 (VNĐ)	2016 (VNĐ)
<b>Chi phí tài trợ ngân sách</b>	12.428.410.854	12.428.410.854
- Chi phí tài trợ ngân sách	12.428.410.854	12.428.410.854
- Chi phí khác	-	-
<b>Chi phí tài trợ theo hợp đồng</b>	6.754.903.417	6.754.903.417
- Chi phí tài trợ theo hợp đồng	6.754.903.417	6.754.903.417
- Chi phí khác	-	-
<b>Lợi nhuận gộp</b>	61.928.228	61.928.228
- Chi phí tài trợ theo pháp luật	12.428.410.854	12.428.410.854
<b>Cộng</b>	<b>62.546.456.481</b>	<b>62.546.456.481</b>

**BẢN TẾMẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Đơn vị: Triệu đồng và ngàn đồng (chưa tính thuế)

Đến ngày: 30/09/2017

12. Tài sản ngắn hạn	30/09/2017		31/03/2017	
	Giá trị	Giá trị thuần, sau thuế	Giá trị	Số dư kế toán trị giá
Nội ứng góp ứng mới	24.985.432.581	24.985.432.581	1.491.019.224	24.985.432.581
- Công ty TNHH Cổ phần ĐIỀU HÀNH ĐÀO - Đào Mạnh Tuấn công nhân mới	-	-	1.491.019.224	1.491.019.224
Cộng	24.985.432.581	24.985.432.581	1.491.019.224	24.985.432.581
<b>13. Nghĩa vụ ngắn hạn</b>			210.14817	0,000000
Phải nộp, ứng trước			410.538.274	4.252.851,500
- Công ty TNHH Cổ phần ĐÀO - Công ty TNHH Cổ phần ĐÀO - Công ty TNHH Cổ phần ĐÀO - Công ty TNHH Cổ phần ĐÀO - Công ty TNHH Cổ phần ĐÀO - Công ty TNHH Cổ phần ĐÀO - Công ty TNHH Cổ phần ĐÀO - Công ty TNHH Cổ phần ĐÀO			410.538.274	4.252.851,500
Cộng			410.538.274	4.252.851,500
<b>14. Thuế và các khoản phải nộp khác</b>				
	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/03/2017
Thuế giá trị gia tăng	1.121.000.200	23.070.000.000	18.749.412.000	3.741.688.000
Thuế GTGT ứng trước	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.600.000	1.255.170.100	1.255.170.100	18.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	-	6.752.000.000	6.752.000.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.000.000	131.100.000.000	131.100.000.000	3.517.117.000
Thuế thu nhập cá nhân	10.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	43.000.000
Thuế đất đai và thuế bất động sản	1.000.000.000	2.100.000.000	900.000.000	4.800.000.000
Các loại thuế khác	-	40.000.000	40.000.000	-
Các khoản phải nộp khác	-	15.000.000	15.000.000	-
Cộng	6.716.000.000	22.966.000.000	48.269.604.000	18.266.000.000
<b>15. Tổng giá trị ngắn hạn</b>			510.18637	0,000000
Đến thời điểm cuối năm			121.802.225	25.000.000
Cộng			121.802.225	25.000.000

## BẢN TÍNH LỆ PHÍ MÌNH HẢI CÁI TÀI CHÍNH QUỐC NHẬT

Số và nội dung hồ sơ đăng ký: 11/00001/0000000000

Ngày 01/01/2017 - Ngày 31/12/2017

<b>16. Doanh thu chi phí hợp lý ngắn hạn</b>			31/12/2017	31/12/2016
Doanh thu chi phí ngắn hạn			4.148.282,2	1.230.130,2
Cộng			<b>4.148.282,2</b>	<b>1.230.130,2</b>
<b>17. Phải trả khác</b>			391220107	391402310
<b>a. Phải trả</b>				
Chi phí chi trả ngắn hạn			229.501.300	199.307.500
Chi phí chi trả ngắn hạn khác			527.717.300	199.400.000
Cộng			<b>757.218.600</b>	<b>398.707.500</b>
<b>b. Phải trả</b>				
Chi phí chi trả ngắn hạn khác			6.145.114.900	6.145.241.300
Cộng			<b>6.145.114.900</b>	<b>6.145.241.300</b>
<b>18. Nguồn vốn đầu tư khác</b>			31/12/2017	31/12/2017
			Ghi chú	Chi phí chi trả ngắn hạn
<b>Vốn đầu tư</b>				
Chi phí chi trả ngắn hạn			-	-
Nguồn vốn đầu tư khác			3.728.608.000	3.728.608.000
Cộng			<b>3.728.608.000</b>	<b>3.728.608.000</b>
<b>19. Tài sản và khoản phải trả ngắn hạn khác chi phí hợp lý phải trả</b>			391220107	391402310
<b>Tài sản và khoản phải trả ngắn hạn khác chi phí hợp lý phải trả</b>			758.024.900	745.748.000
- Tài sản và khoản phải trả ngắn hạn khác chi phí hợp lý phải trả chi phí chi trả ngắn hạn khác			757.218.600	745.241.300
Cộng			<b>758.024.900</b>	<b>745.748.000</b>
<b>20. Vốn chủ sở hữu</b>				
- Tổng số vốn chủ sở hữu của công ty đã được cấp và đang trong quá trình thanh toán				
<b>k. Chi phí chi trả ngắn hạn khác khác</b>				
			31/12/2017	31/12/2017
Vốn đầu tư khác			25.811.570.000	25.811.570.000
Vốn đầu tư khác khác			74.118.120.000	63.263.020.000
Cộng			<b>100.000.000.000</b>	<b>89.074.590.000</b>
<b>l. Chi phí chi trả ngắn hạn khác khác</b>				
Chi phí chi trả ngắn hạn khác khác			125.908.908.908	108.000.000.000
Chi phí chi trả ngắn hạn khác khác khác			229.501.300	199.307.500
Cộng			<b>126.138.410.208</b>	<b>108.199.307.500</b>
<b>m. Chi phí chi trả ngắn hạn khác khác khác</b>				
Chi phí chi trả ngắn hạn khác khác khác			125.908.908.908	108.000.000.000
Chi phí chi trả ngắn hạn khác khác khác khác			229.501.300	199.307.500
Cộng			<b>126.138.410.208</b>	<b>108.199.307.500</b>
<b>n. Chi phí chi trả ngắn hạn khác khác khác khác</b>				
Chi phí chi trả ngắn hạn khác khác khác khác			125.908.908.908	108.000.000.000
Chi phí chi trả ngắn hạn khác khác khác khác khác			229.501.300	199.307.500
Cộng			<b>126.138.410.208</b>	<b>108.199.307.500</b>

**BẢN THUYẾT MINH BẢNG CẢNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Theo các năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND/1000

<b>a. Tài sản</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
<b>Tài sản không phân loại chi phí tài trợ</b> (Tài sản không phân loại chi phí tài trợ)	0	0
<b>c. Tài sản</b>	2.122.201,7	810.220,7
Tài sản ở phân loại tài trợ tài trợ	15.933,00	15.933,00
Tài sản ở phân loại tài trợ tài trợ	15.933,00	15.933,00
(Tài sản ở phân loại tài trợ tài trợ)	15.933,00	15.933,00
Tài sản ở phân loại tài trợ tài trợ	-	0
(Tài sản ở phân loại tài trợ tài trợ)	-	0
Tài sản ở phân loại tài trợ tài trợ	15.933,00	15.933,00
(Tài sản ở phân loại tài trợ tài trợ)	15.933,00	15.933,00
Tài sản ở phân loại tài trợ tài trợ	25,00	25,00
<b>Tài sản ở phân loại tài trợ tài trợ</b>	2.106.268,7	810.220,7
<b>Giá trị hợp lý</b>	22.122.518,148	22.122.518,148
<b>Tổng</b>	22.122.518,148	22.122.518,148

Tài sản ở phân loại tài trợ tài trợ của công ty

Được tính toán dựa trên các tài sản ở phân loại tài trợ tài trợ của công ty và các tài sản ở phân loại tài trợ tài trợ của công ty và các tài sản ở phân loại tài trợ tài trợ của công ty.

**31. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn**

Loại khoản nợ	31/12/2017		31/12/2016	
	Nguyên giá	Giá trị thực tế	Nguyên giá	Giá trị thực tế
USD	\$ 4.114,25	\$ 4.114,25	\$ 4.280,00	\$ 4.280,00
VND	\$ 4.114,25	\$ 4.114,25	\$ 4.280,00	\$ 4.280,00

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHÓA SỬ DỤNG TRÌNH TAY THÔNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (17)</b>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	215.903.425,89	24.925.711,94
Doanh thu cung cấp dịch vụ	42.514.368,68	15.117,964
<b>Cộng</b>	258.417.794,57	24.940.829,90
(1) Tổng chi doanh thu đã nhận và đang nhận (1) Tổng chi doanh thu đã nhận và đang nhận	211.407,627	24.940,829
<b>2. Doanh thu khác của các công cụ tài trợ tài trợ</b>		
Doanh thu khác của các công cụ tài trợ tài trợ	215.903.425,89	24.925.711,94
Doanh thu khác của các công cụ tài trợ tài trợ	42.514.368,68	15.117,964
<b>Cộng</b>	258.417.794,57	24.940.829,90
<b>3. Giá trị hàng bán</b>		
Giá trị hàng bán	14.155.565,54	24.423,732,9
Giá trị hàng bán	14.155.565,54	24.423,732,9
Giá trị hàng bán	14.155.565,54	24.423,732,9
<b>Cộng</b>	24.423,732,9	24.423,732,9

**BẢNG TẾ YẾU MINH BẠCH CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Đơn vị: VND (trừ số nguyên) và VND (triệu) VND

Đơn vị tính: Đồng VND (tr)

	Ngày 2017	Ngày 2016
<b>1. Doanh thu tổng cộng tài chính</b>		
Doanh thu bán hàng	4.304.942,70	4.364.022,52
Doanh thu khác	722.261,39	43.944,00
Chi phí vận chuyển hàng hóa	224.828,55	311.751,44
Giá trị hàng giảm giá hàng bán	16.225,224	34.549,55
Giá trị hàng giảm giá hàng bán khác	419.622	1.772,600
<b>Tổng</b>	<b>4.734.873,18</b>	<b>4.475.438,01</b>
<b>2. Chi phí tài chính</b>		
Lãi vay	819.401,244	616.896,732
Chi phí dự phòng chi trả lãi vay	-	111.230,213
Chi phí khác liên quan đến vay	1.000,273	2.252,594
Chi phí khác liên quan đến tài chính	33,115	-
Chi phí tài chính khác	-	732,534
<b>Tổng</b>	<b>820.735,632</b>	<b>731.112,063</b>
<b>3. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	2.045.178,629	2.136.653,654
Chi phí vật tư bán hàng	239.571,394	251.471,290
Chi phí tiếp khách	738.127,079	546.246,336
Chi phí vận chuyển	22.654,279	6.114,75
Chi phí bao bì vận chuyển hàng hóa	55.424,836	73.614,89
Chi phí tiếp xúc ngoài	2.620.856,256	2.736.119,413
Chi phí quảng cáo	6.478,522	781.074,432
<b>Tổng</b>	<b>41.196.674,726</b>	<b>41.982.261.180</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	12.423,21936	34.812,11559
Chi phí vật tư bán hàng	216.952,226	197.559,836
Chi phí chi trả lương phụ cấp	229.272,622	340.411,5719
Chi phí vận chuyển	540.196,212	1.062,1199
Chi phí khác	1.114.612,636	6.662.231,724
Chi phí chi trả chi phí quản lý doanh nghiệp	8334,5226	2.422.279,276
Chi phí chi trả chi phí quản lý	19.600,5624	2.774.452,256
Chi phí chi trả chi phí khác	3.413.496,535	4.512.467,96
<b>Tổng</b>	<b>22.022.679,616</b>	<b>21.496.199,78</b>
<b>3. Thu nhập thuế</b>		
Thu nhập chịu thuế TND	-	716.701,471
Thu nhập không chịu thuế	191.676,222	1.448,7119
Chi phí khác	470.752,124	191.734,84
<b>Tổng</b>	<b>662.428,347</b>	<b>1.650.885,09</b>
<b>3. Chi phí thuế</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	211.131,314	252.225,46
Chi phí thuế khác	147.611,19	148,112
<b>Tổng</b>	<b>358.742,504</b>	<b>400.343,576</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cả năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020 (Đơn vị: VND)

Đơn vị: VND, Triệu VND (VNĐ)

9. Chi phí hoạt động kinh doanh tài chính	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí gửi và nhận lãi	170.490.724	147.490.141
Chi phí khấu hao	11.764.912.85	2.442.640.99
Chi phí khấu hao tài sản cố định	81.520.408	9.721.144
Chi phí tiếp xúc khách hàng	4.393.711.174	529.094.799
Chi phí hoạt động tài chính khác	575.648.238	1.001.969.74
Cộng giá trị chi phí	12.656.121.84	3.122.916.67
<b>Chưa</b>	<b>4.721.789.14</b>	<b>4.562.401.81</b>
10. Chi phí tài trợ và chi phí doanh nghiệp khác	Năm 2019	Năm 2018
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.621.084.85	4.042.574.89
2. Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế và chi phí doanh nghiệp	2.071.065.175	4.081.798.74
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.431.036.431	4.059.117.91
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	2.944.919.244	1.121.155.81
3. Các khoản chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp (1) (2)	55.185.471.344	45.186.286.219
4. Chi phí tài trợ và chi phí doanh nghiệp khác (xem chú thích 18)	1.644.049.334	3.620.841.24
5. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của các công ty con	-	-
6. Tổng chi phí tài trợ và chi phí doanh nghiệp khác	1.644.049.334	3.620.841.24
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm 2019	Năm 2018
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập hoãn lại và chi phí thuế thu nhập hoãn lại thực tế)	711.051.117	124.075.675
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	611.045.107	124.075.675
12. Lợi nhuận trước thuế	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận trước thuế của công ty mẹ	44.21.096.619	24.773.052.23
Lợi nhuận trước thuế của công ty con	142.047.749.89	15.241.467.710
- Lợi nhuận trước thuế của công ty con	118.147.111.74	13.011.407.710
- Lợi nhuận trước thuế của công ty con	23.900.638.146	12.230.060.000
- Lợi nhuận trước thuế của công ty con (không kiểm soát)	6.046.526.234	1.997.600.290
Lợi nhuận trước thuế của công ty mẹ và công ty con (không kiểm soát)	21.210.121.285	25.008.067.949
Chi phí tài trợ và chi phí doanh nghiệp khác (xem chú thích 18)	1.644.049.334	3.620.841.24
Lợi nhuận trước thuế của công ty mẹ	2.566	14.01

(1) Các khoản chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính toán dựa trên các khoản chi phí thuế thu nhập hoãn lại của các công ty con được ghi nhận trong báo cáo tài chính của công ty con.

(2) Theo quy định pháp luật Việt Nam, công ty mẹ và công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định pháp luật Việt Nam. Công ty mẹ và công ty con nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định pháp luật Việt Nam. Công ty mẹ và công ty con nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định pháp luật Việt Nam.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND hàng tỷ đồng

D. Tài sản giá trị thuần của chủ sở hữu	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận tích lũy từ các hoạt động và các hoạt động khác	5.330.221.396	5.353.831.521
Lãi hoặc lỗ từ các hoạt động tài chính và hoạt động khác trừ đi các khoản chi phí tài chính	31.718.281.336	2.456.897.522
Tổng giá trị tăng trưởng tài chính thuần trong kỳ	12.876.479	12.876.479
Chuyển đổi đồng giá tài chính thuần trong kỳ (xem B1.05.06)	12.876.216	12.876.479
Tổng giá trị thuần của chủ sở hữu	2.096	1.861

## H. Các khoản chi khác (nếu có) liên quan đến thuế

Chi các khoản chi khác (nếu có) liên quan đến thuế trong các năm đang trình bày như sau:

Đơn vị: VND hàng tỷ đồng (nếu có) (xem chú thích số 04 và số 05 của báo cáo tài chính)

## G. Các khoản nợ

Trong kỳ trình bày, các khoản nợ ngắn hạn của công ty được hình thành trong kỳ các hoạt động và các hoạt động khác và được duy trì để chi trả chi phí trong kỳ và chi trả nợ gốc và lãi của các khoản vay ngắn hạn, các khoản nợ tài chính và các khoản nợ khác. Các khoản nợ ngắn hạn của công ty chủ yếu là các khoản nợ ngắn hạn trong doanh nghiệp liên kết và các khoản nợ ngắn hạn của các đơn vị khác.

Các khoản nợ ngắn hạn của công ty chủ yếu là các khoản nợ ngắn hạn hình thành trong kỳ các hoạt động và các hoạt động khác năm 2017 và kỳ 21 tháng 12 năm 2016.

Các khoản nợ ngắn hạn của công ty chủ yếu là các khoản nợ ngắn hạn hình thành trong kỳ các hoạt động và các hoạt động khác năm 2016 và kỳ 21 tháng 12 năm 2015.

Các khoản nợ ngắn hạn của công ty chủ yếu là các khoản nợ ngắn hạn hình thành trong kỳ các hoạt động và các hoạt động khác năm 2015 và kỳ 21 tháng 12 năm 2014. Các khoản nợ ngắn hạn của công ty chủ yếu là các khoản nợ ngắn hạn hình thành trong kỳ các hoạt động và các hoạt động khác năm 2014 và kỳ 21 tháng 12 năm 2013.

## A.02.01.03

Bản công bố tài chính này đã được kiểm tra và đánh giá bởi các nhà cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập có thẩm quyền và đã được chấp thuận bởi Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu vực và Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu vực.

Trong kỳ trình bày, các khoản nợ ngắn hạn của công ty được hình thành trong kỳ các hoạt động và các hoạt động khác năm 2017 và kỳ 21 tháng 12 năm 2016.

## A.02.01.04

Bản công bố tài chính này đã được kiểm tra và đánh giá bởi các nhà cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập có thẩm quyền và đã được chấp thuận bởi Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu vực và Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu vực.

Trong kỳ trình bày, các khoản nợ ngắn hạn của công ty được hình thành trong kỳ các hoạt động và các hoạt động khác năm 2016 và kỳ 21 tháng 12 năm 2015.

Đơn vị: VND hàng tỷ đồng

Chỉ tiêu tài chính khác (nếu có) liên quan đến thuế	Đơn vị: VND hàng tỷ đồng	Đơn vị: VND hàng tỷ đồng
VNĐ	12.876	12.876.479
VNĐ	12.876	12.876.479

**BẢN TUYÊN MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chiều cao: 1000x1000mm, 31 tháng 12 năm 2017

Số: 01/2018/BTC-CT

	Đơn vị tiền tệ VNĐ (tỷ)	Đơn vị tiền tệ USD (tỷ)
<b>Cho và nhận khác kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>		
VNĐ	100	4.100.000
USD	100	21.500.000

Hệ thống kế toán của công ty được thực hiện bằng VND và VND được ghi đầu tiên trên các tài khoản của các tài khoản của dự phòng kế toán. Các chỉ số tài chính được trình bày bằng VND và USD được trình bày bằng VND và USD.

**Mở đầu báo cáo**

Bản báo cáo tài chính của công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế. Các tài khoản kế toán của công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế.

Công ty ghi nhận các khoản chi phí và thu nhập theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế. Công ty ghi nhận các khoản chi phí và thu nhập theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế.

**Đánh giá và quyết định**

Công ty ghi nhận các khoản chi phí và thu nhập theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế. Công ty ghi nhận các khoản chi phí và thu nhập theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế.

**Thông tin bổ sung**

Công ty ghi nhận các khoản chi phí và thu nhập theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế. Công ty ghi nhận các khoản chi phí và thu nhập theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế.

**1.2. Mục đích báo cáo**

Bản báo cáo tài chính của công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế. Công ty ghi nhận các khoản chi phí và thu nhập theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế.

**1.3. Các khoản chi phí**

Công ty ghi nhận các khoản chi phí và thu nhập theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế. Công ty ghi nhận các khoản chi phí và thu nhập theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế.

**1.4. Các khoản thu nhập**

Công ty ghi nhận các khoản chi phí và thu nhập theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế. Công ty ghi nhận các khoản chi phí và thu nhập theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế.

**1.5. Mục đích báo cáo**

Bản báo cáo tài chính của công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế. Công ty ghi nhận các khoản chi phí và thu nhập theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế.

Công ty ghi nhận các khoản chi phí và thu nhập theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế. Công ty ghi nhận các khoản chi phí và thu nhập theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẬP**

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Số và Địa chỉ Báo cáo tài chính

Đây là báo cáo tài chính hợp nhất của Hen Trinh và các đơn vị thành viên của Công ty được lập theo hình thức kế toán hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Đơn vị tiền	Tiền Việt Nam	USD (tỷ)	Tiền Việt Nam
Tài sản ngắn hạn	14.905.437.531	-	-	14.905.437.531
Chiếm quyền tài sản ngắn hạn	533.780.000	13.507.140.000	1.719.284.000	13.507.140.000
Chiếm quyền tài sản	131.151.451	-	-	131.151.451
	<b>15.370.369.000</b>	<b>13.507.140.000</b>	<b>1.719.284.000</b>	<b>13.507.140.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Đơn vị tiền	Tiền Việt Nam	USD (tỷ)	Tiền Việt Nam
Tài sản ngắn hạn	-	2.502.296.000	308.855.512	2.502.296.000
Tài sản ngắn hạn	21.031.215.000	-	-	21.031.215.000
Chiếm quyền tài sản ngắn hạn	19.236.000	15.053.900.000	1.895.272.300	15.053.900.000
Chiếm quyền tài sản	19.236.000	-	-	19.236.000
	<b>21.031.215.000</b>	<b>15.053.900.000</b>	<b>1.895.272.300</b>	<b>15.053.900.000</b>

Công ty cổ phần đang áp dụng các nguyên tắc kế toán và các chính sách kế toán tương đồng với 12 tháng trước đó và không có sự thay đổi đáng kể.

**Tình hình kinh doanh**

Công ty đang tiếp tục phát triển và duy trì hoạt động kinh doanh bình thường kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2017

**1.6. Tình hình tài chính và các giải pháp tài chính của Hen Trinh năm 2017**

Trong năm 2017, Hen Trinh tiếp tục duy trì phát triển kinh doanh bình thường và tiếp tục là công ty mở rộng cơ sở chi nhánh và tăng cường quản lý tài chính và các hoạt động quản lý trong hợp tác kinh doanh và các đơn vị thành viên.

Công ty tiếp tục duy trì các giải pháp tài chính như sau: (i) tiếp tục duy trì hợp lý;

Công ty tiếp tục duy trì các giải pháp tài chính như sau: (i) tiếp tục duy trì hợp lý, các chính sách tài chính và các chính sách tài chính của Hen Trinh tiếp tục duy trì hợp lý và các chính sách tài chính của Hen Trinh tiếp tục duy trì hợp lý.

Công ty tiếp tục duy trì các giải pháp tài chính như sau: (i) tiếp tục duy trì hợp lý, các chính sách tài chính và các chính sách tài chính của Hen Trinh tiếp tục duy trì hợp lý.

Hen Trinh tiếp tục duy trì các giải pháp tài chính như sau: (i) tiếp tục duy trì hợp lý, các chính sách tài chính và các chính sách tài chính của Hen Trinh tiếp tục duy trì hợp lý.

Công ty tiếp tục duy trì các giải pháp tài chính như sau: (i) tiếp tục duy trì hợp lý, các chính sách tài chính và các chính sách tài chính của Hen Trinh tiếp tục duy trì hợp lý.

Công ty tiếp tục duy trì các giải pháp tài chính như sau: (i) tiếp tục duy trì hợp lý, các chính sách tài chính và các chính sách tài chính của Hen Trinh tiếp tục duy trì hợp lý.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND (tỷ đồng)

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC XÁC ĐỊNH THỰC BÀY THUNG KIỆN CÁC CHỈ CHUẨN VÀ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH**

1. Số lần báo cáo tài chính trung gian	Năm 2017	Năm 2016
- Báo cáo tài chính trung gian hàng tháng		
2. Số lần báo cáo tài chính cuối năm trung gian	Năm 2017	Năm 2016
- Báo cáo tài chính cuối năm trung gian hàng tháng	(5.228.917.225)	(2.222.000.000)

**VIII. THÔNG TIN KHÁC****1. Không thuộc các tiêu chuẩn, chuẩn, cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia Việt Nam:**

Không áp dụng các quy định về chi phí tài chính của chế độ kế toán hàng tháng do không phải là công ty có vốn đầu tư nước ngoài.

**2. Công cụ kế toán thông tin kế toán điện tử**

Không áp dụng công cụ kế toán điện tử để ghi chép sổ sách kế toán, vì vậy không áp dụng các quy định của pháp luật về kế toán, kế toán điện tử và kế toán điện tử.

**3. Quan hệ với các bên liên quan**

Đơn vị không áp dụng các quy định về các bên liên quan trong năm tài chính.

Bên liên quan	Mã quan hệ	Tên đơn vị giao dịch	Phân nhóm hàng hóa	Số dư và số dư phải thu (phải trả)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bế Thành	Công ty (bên liên quan)	ĐVTW Thành Phố Hồ Chí Minh	221-81.341	
		Phân địa phương Hồ Chí Minh		14.314.290
		Phân địa phương Đồng Nai		121.998.290
- Thủ tục của Bộ (đồng đơn vị) của Tổng cục Thuế			Năm 2017	Năm 2016
Hệ thống kế toán		Tên đơn vị kế toán	812.842.842	1.412.000.000
Ban Tổng Giám đốc		Đơn vị	15.905.024	1.521.111.000

**4. Kiểm kê tài sản, kho hàng, sổ sách kế toán thủ tục ghi chép:**

a. Thủ tục kế toán hàng tháng và thủ tục ghi chép hàng ngày của đơn vị:

Đơn vị áp dụng chế độ kế toán hàng tháng theo quy định của pháp luật về kế toán hàng tháng và chế độ kế toán hàng ngày theo quy định của pháp luật về kế toán hàng ngày.

b. Kế toán kho hàng và thủ tục ghi chép sổ sách kế toán hàng ngày của đơn vị:

	Đơn vị kế toán	Giá trị	Đơn vị
Hàng tồn kho hàng hóa và hàng bán	271.000.000.000	21.020.100.000	25.000.000.000
Hàng tồn kho hàng hóa và hàng bán	810.000.000.000	21.000.000.000	11.000.000.000
Hàng tồn kho hàng hóa và hàng bán	450.000.000.000	4.000.000.000	150.000.000.000
Cộng	2.000.000.000.000	46.020.100.000	1.000.000.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tính toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐƠN VỊ: VND (Chẵn, Chẵn Triệu)

1. Tổng hợp tài sản, nợ phải trả, tài sản và doanh thu tổng hợp: Hợp nhất

a. Bảng cân đối tài sản và bảng phân bổ chi phí tài trợ kinh doanh:

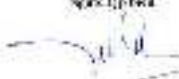
Kỳ tính toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Đơn vị: VND)

	Đầu kỳ (31/12/2018)	Đầu kỳ (31/12/2017)	Đầu kỳ (31/12/2016)
Tài sản và nợ phải trả	208.858.794.193	201.444.952.212	221.981.214.289
Chi phí tài trợ kinh doanh	1.391.523.903	968.762.209	432.564.751
Tài sản và nợ phải trả và chi phí tài trợ kinh doanh	210.250.318.096	202.413.714.421	222.413.779.040
Chi phí tài trợ kinh doanh	509.528.905	247.875.578	131.164.777
Tổng	205.750.810.548	202.165.838.843	221.282.614.263

b. Bảng phân bổ chi phí tài trợ kinh doanh theo các loại:

Chi phí tài trợ kinh doanh được phân bổ theo các tiêu chí sau đây: Thành phố Hồ Chí Minh: 50%; Các tỉnh thành khác: 50%. Chi phí tài trợ kinh doanh được phân bổ theo các loại sau đây: Chi phí tài trợ kinh doanh:

5. Tổng giá trị hoạt động tài trợ kinh doanh và các loại hoạt động trong năm:

  
Trần Thị Hằng

  
Nguyễn Xuân Cường



  
Tài  
ch  
c  
g  
Đ  
Đ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Lịch sử báo cáo tài chính hợp nhất: 01 tháng 01 năm 2017

Đơn vị tiền tệ: VND/USD

**VII. Báo cáo tài chính khác**

	31/12/2017		31/01/2017	
	Giá gốc	Đánh giá	Giá gốc	Đánh giá
<b>Bên nhận góp từ Nhà đầu tư khác:</b>				
- Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng	512.000.000,00	-	51.507.743,517	51.500.000,000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng	200.000,00	-	93.000,000	93.000,000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng	11.000.000,00	-	1.167.703,322	11.000.000,000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng	-	-	4.000.000,000	-
<b>Dấu nhận dự trữ khác</b>	542.000.000,00	-	62.778.446,839	73.000.000,000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng	520.000.000,00	-	18.500.000,000	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng	-	-	-	1.300.000,000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng	-	-	-	100.000,000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng	22.000.000,00	-	77.278.446,839	71.700.000,000
<b>Tổng</b>	112.716.400,000	-	185.854.146,552	126.000.000,000

**- Tài chính Nhà đầu tư góp từ các công ty Nhà đầu tư khác và là thành viên trong các:**

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hải Phòng (TCĐ) là công ty thành viên của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng (CTCP) và là công ty con của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng (CTCP). Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng (CTCP) là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng (CTCP). Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng (CTCP) là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng (CTCP).

Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng (CTCP) là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng (CTCP). Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng (CTCP) là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng (CTCP).

Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng (CTCP) là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng (CTCP). Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng (CTCP) là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng (CTCP).

Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng (CTCP) là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng (CTCP).

Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng (CTCP) là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng (CTCP). Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng (CTCP) là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng (CTCP).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

CÁI LẠCH 2023 (Số báo cáo: 01/2024/CTCP)

Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam

**5.5. Các khoản phải trả khác**

Chi tiết	Mở đầu, kỳ đầu tiên	Mở đầu thời kỳ	Phóng cấp cuối kỳ	Thu hồi nợ cuối kỳ	Tổng cộng
<b>Phải trả khác</b>					
Số dư đầu kỳ	172.276.062,978	22.096,15525	5.921.176,703	-471.354,237	165.511.918,547
- Phải trả thuế	-	220.000,000	-	-	220.000,000
- Phải trả công nhân viên	172.271.176,917	201.477,238	-	-	172.472,654
- Phải trả nhà thầu	17.739,150	792.630,933	-	-	910,380
Số dư cuối kỳ	192.575,123,975	2.086,811,192	5.921.176,703	-471.354,237	200.306,948,537
<b>Giá trị thuần của khoản phải trả khác</b>					
Số dư đầu kỳ	24.211.802,242	12.217,552*	2.902.216,662	247.892,217	28.394,468,681
- Phải thu công nợ mua hàng	5.970.471,992	2.081,718,796	227.932,323	51.072,643	8.532,295,754
Số dư cuối kỳ	17.241.330,250	141.134,011	3.130.048,985	348,924,877	20.721,438,123
<b>Giá trị thuần của khoản phải trả khác</b>					
Số dư đầu kỳ	11.940.466,277	4.184,021,948	2.019.000,345	256.199,033	14.200,688,603
Số dư cuối kỳ	11.119.674,697	2.132,753,178	1.409.011,961	27.211,523	14.768,651,359

\* Giá trị thuần của TSCĐHĐ được kê và chấp nhận từ các báo cáo tài chính của đơn vị liên quan.

\*\* Giá trị thuần của khoản phải trả khác của các đơn vị liên quan có kỳ 2023/2024 là 0 VNĐ.

\*\*\* Giá trị thuần của khoản phải trả khác của thành lập chi nhánh.

\*\*\*\* Khoản phải trả khác của đơn vị liên quan của đơn vị liên quan có giá trị âm trong báo cáo tài chính.

\*\*\*\*\* Khoản phải trả khác của đơn vị liên quan của đơn vị liên quan.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tính toán: 01/01/2019 đến 31/12/2019

Đơn vị: VND (Đồng Việt Nam)

## VIA: VND (VNĐ)

1 Bảng chi nhánh và Phòng của Công ty (VNĐ)

Kinh doanh	Vị trí	Tổng doanh thu 3 phần	Cổ phần chủ	Chỉ số rủi ro giá trị tài sản	Chỉ số rủi ro tài sản khác	Loại nghiệp vụ tài chính (phần trăm)	Loại hình của số dư (tính bằng VND)	Chiều
<b>Việt Nam</b>	<b>006.000.000.000</b>	<b>196.819.128.000</b>	<b>12.000.000.000</b>		<b>35.151.919.148</b>	<b>59.855.958.105</b>	<b>1.447.697.298</b>	<b>282.070.932.221</b>
- Chi nhánh (VNĐ)	-	-	-	-	-	48.729.303.281	1.503.111.191	31.177.236.328
- Tổng cục	-	-	-	15.697.752	-	-	-	1.049.712
- TP Hồ Chí Minh	-	-	-	-	17.790.896.200	118.932.325.102	622.871.198	16.994.422.303
- Cần Thơ	-	-	-	-	-	119.335.511.700	149.000.000	13.641.015.206
- Đà Nẵng	-	-	-	-	-	1.728.933.800	-	3.623.671.752
<b>Việt Nam nước ngoài</b>	<b>196.819.128.000</b>	<b>196.819.178.000</b>	<b>12.000.000.000</b>	-	<b>45.134.819.148</b>	<b>25.808.952.091</b>	<b>1.446.091.179</b>	<b>281.154.491.210</b>
<b>Việt Nam nước ngoài</b>	<b>196.819.128.000</b>	<b>196.819.128.000</b>	<b>12.000.000.000</b>		<b>45.134.819.148</b>	<b>25.808.952.091</b>	<b>1.385.691.179</b>	<b>281.054.491.210</b>
- Tổng cục	15.700.000.000	-	-	-	-	-	-	2.100.000.000
- Chi nhánh (VNĐ)	-	-	-	-	-	3.971.968.943	-	34.575.430.544
- Tổng cục	-	-	-	500.296	-	-	-	81.74.94
- TP Hồ Chí Minh	-	-	-	-	7.000.000.000	110.670.215.045	-	14.075.714.131
- Chi nhánh nước ngoài	-	-	-	-	-	-	1.715.021.191	11.400.091.179
- Cần Thơ	-	-	-	-	-	17.875.218.900	-	13.070.000.000
- Đà Nẵng	-	(22.717.323.300)	2.000.000.000	19.401.140	-	13.300.000.000	-	(22.520.014.254)
<b>Việt Nam nước ngoài</b>	<b>196.819.128.000</b>	<b>90.672.938.000</b>	-	-	<b>90.672.938.000</b>	<b>90.672.938.000</b>	-	<b>119.764.491.210</b>

**BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢM TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam

**VI.15. Tài sản tài chính có hợp phần tài chính**

Bảng cân đối kế toán (phần) chi tiết tài sản (tổng) và các khoản tài chính được phân loại chi tiết theo loại tài sản

	Đơn vị: đồng				Đơn vị: đồng	
	31/12/2017		31/12/2016		31/12/2017	31/12/2016
	Ghi chú	Đánh dấu	Ghi chú	Đánh dấu		
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	440.948.710	-	540.916.245	-	248.900.700	252.910.248
- Tài sản có lãi	4.211.360.336	-	13.360.290.020	-	15.403.960.000	16.090.090.903
- Tài sản khác	42.142.000	-	-	-	47.147.000	-
- Tổng các khoản tương đương tiền	52.911.342.471	-	51.374.006.417	-	97.461.207.502	61.944.077.474
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>58.175.145.477</b>	<b>-</b>	<b>64.904.206.662</b>	<b>-</b>	<b>115.712.107.671</b>	<b>78.034.067.965</b>
<b>Chi phí tài chính</b>						
- Chi phí lãi	-	-	4.719.400.000	-	-	5.120.691.000
- Chi phí quản lý	21.969.347.933	-	21.891.279.000	-	24.608.422.000	21.891.279.000
- Chi phí khác	93.423.605.000	-	61.570.447.200	-	63.960.880.000	61.570.447.200
- Chi phí phải trả	121.593.450	-	298.943.044	-	121.247.400	2.866.62.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>116.987.416.283</b>	<b>-</b>	<b>168.469.069.244</b>	<b>-</b>	<b>115.698.916.261</b>	<b>104.490.062.200</b>